

BÁCH KHOA

SỐ 76 — NGÀY 1 - 3 - 1960

Trong số này :

THANH-THUYỀN	Một nền văn-hóa dân-tộc.
HOÀNG-MINH-TUYNH	Dân-chủ đa nguyên nhưng nhất thể.
PHẠM-HOÀNG	Thái-độ trùu chân.
NGHIÊM-PHÚ-LƯU	Hội-nghị tối-cao
PHAN-KHOANG	Vận-động ngoại-giao dưới triều Tự-Đức.
CÔ-LIÊU	Albert Camus và thuyết chống đối.
ANH-CA	Tâm-sự cây thạch-cầm xưa nhất thế-giới.
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	Champollion người làm cho đá biết nói.
BẠN ĐỌC VIẾT	Thư gửi Ô. Nguyễn-Vỹ.
ĐÔNG-HỒ	Tìm dấu Bạch-Mai Thi-xã.
KIỀU-YIÊU	Hòn tiên.
MẶC-THU	Những chữ hoa.
NGUYỄN	Kẻ bất-khuất.
ĐOÀN-THÊM	Khói và lửa.
PHƯƠNG-THẢO	Điền sách: Những người áo trắng (Nhật-Tiến).
TRẦN-HOAN	Mây bay.
HOÀNG-BẢO-VIỆT	Nỗi buồn của A-chim.
HOÀI-KHANH	Tình rừng.
NGUYỄN-PHÚ	Cuộc nói chuyện của nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh *Eau de Vie cu* " 40° và 50°
— Rượu Tàu "*L'ao-Mạnh-Tiểu*"
— Rượu Tàu "*Tch-Tho-Tiểu*"

SI-RÔ "*Verigoud*" :

— Si-rô Cam, Quýt, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm *Distarome*

Distilleries

de L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. » :

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở NAM-PHẦN : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở TRUNG-PHẦN : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Ben Bạch-Đặng — ĐÀ-NANG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE





NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC - BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỬA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) *Giảm giá gia-đình 15 %* trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) *Giảm giá cho các đoàn nghệ-sĩ thể-thao :*

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ.T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES

GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bèn Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 — 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bèn Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20, Boulevard Norodom (Ex 20, Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

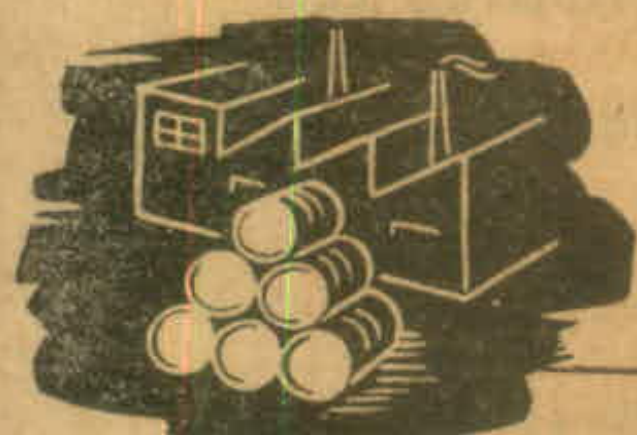
Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieltrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẽ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện-thoại : 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ: Hẻm Eden, Saigon



TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái
Quốc-Gia Việt-Nam*

Mở các khoản tín - dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

QUADROCHINE

(Pyrazolone + Phenacetine + Quinine + Vitamine C)

Le Remède par excellence contre la GRIPPE,
et les affections fébriles par refroidissements.

ERAVERM

(Hydrate de Piperazine)

Contre les oxyures et les ascaris (vers intestinaux)

Efficacité certaine — Bien toléré —

Goût agréable.

LABORATOIRES ASTA — WERKE A.G.

Chemische Fabrik

BRACWEDE — (Westf) ALLEMAGNE

Distributeur Exclusif pour le Viêt-Nam : **PHARMACIE MY - CHAU**

120 - 121, Bèn Chương-Dương
SAIGON

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAGON

32, Đại-lộ HÀM-NGHI (R. C. Saigon No 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067 — Boîte Postale No 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đ. Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toute Opérations de Banque et de Change.

VINACO

35, đường Phủ - Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ

XE BA BÁNH

MÁY MAY ĐIỆN

VÀ ĐẠP CHÂN

QUẠT ĐIỆN

VÀ MÁY BƠM NƯỚC

MÁY CHỮ, MÁY TOÁN

MÁY VIÊN ẦN

MÁY BƠM NƯỚC

MÁY GHE, TÀU

PHÂN HÓA - HỌC

LAMBRETTA

NECCHI

MARELLI

OLIVETTI

LOMBARDINI

MONTECATINI

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$ — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUẢN : 160, Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. : 25.539

NHÀ IN : 412 - 414, đại-lộ Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-Văn-Lang

160, Phan-Đình-Phùng — SAIGON



BÁCH - KHOA

Số 76—Ngày 1-3-1960

THANH-THUYỀN

HOÀNG-MINH-TUYNH

PHẠM-HOÀNG

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

ĐÔNG-HỒ

PHAN-KHOANG

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

ANH-CA

CÔ-LIÊU

MỘT BẠN ĐỌC

HOÀI-KHANH

KIẾU-YIÊU

ĐOÀN-THÊM

NGUYỄN

MẠC-THU

TRẦN-HOÀN

PHƯƠNG-THẢO

NGUYỄN-PHÚ

CAO-TIÊU

HOÀNG-BẢO-VIỆT

Một nền Văn-hóa dân-tộc 3

Dân-chủ đa nguyên nhưng nhất-thể . . . 7

Thái-độ « trùu chãn » 13

Hội-nghị tối-cao Đông-Tây 14

Tìm dầu Bạch-Mai thi xã 23

Các cuộc vận-động ngoại giao với các
cường quốc dưới triều Tự-Đức . . . 35

Champollion người làm cho Đá biết nói 43

Tâm sự cây thạch cảm xưa nhất
thế-giới. 51

Albert Camus và thuyết chồng đôi . . 59

Bức thư gửi ông Nguyễn-Vỹ 67

Tình rừng (thơ) 72

Hòn Tiên (dịch tiêu trai) 73

Khói và Lửa (thơ). 82

Kẻ bắt khuất (truyện dịch) 89

Những chữ hoa (thơ) 99

Mây bay (thơ) 100

Điểm sách : Những người 101
áo trắng (Nhật Tiến)

Cuộc nói chuyện của nhà
thơ Vũ Hoàng-Chương. 105

Hẹn hò (thơ) 109

Nỗi buồn của A-Chim 110

BÁCH - KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

*Tìm hiểu nguyên-do thái độ hòa-hoãn của
Kơ-rút-sép.*

NGUYỄN-VĂN-HẦU

*Nguyễn-Công-Minh, một nhà thơ miền
Nam có danh hổi đầu thế-kỷ.*

NGUYỄN-QUANG-LỤC

Cao-Biến

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Thành tích 50 năm khoa-học

NGUYỄN-HIỀN-LÊ

Mustapha Kémal

CÔ-LIÊU

Lập trường văn nghệ của Camus

H. Đ.

*Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho
thanh-thiếu -nhi bên Pháp.*

TRẦN-VĂN-KHÊ

*Nhân đọc bài «Trồng côm» của ông
Nguyễn-Tiến-Chiêu.*

ĐOÀN-THÊM

Xếp lại tủ sách

VŨ-NGHI

Ông quân Xa (truyện ngắn)

VŨ-HẠNH

Gỗ quý (truyện ngắn)

PHAN-DU

Một món nợ (truyện ngắn)

MINH-HỮU

*Truyện kể cho người vợ chưa cưới
(truyện ngắn)*

VŨ-TRUNG

Vĩnh (truyện ngắn)

KIỀU-YIÊU

Cô Tiêm (dịch Liêu-trai)

MỘT NỀN VĂN - HÓA DÂN = TỘC

THANH - THUYỀN

TRƯỚC những trào-lưu tư-tưởng ngoại lai, những người nhiệt tâm với tiến-đó Tổ-quốc vẫn nghĩ rằng cần phải bảo-vệ và duy-trì những giá-trị văn-hóa cổ-truyền của dân-tộc. Những kẻ khác, cho rằng văn-hóa vốn là sản phẩm chung của nhân-loại, là sinh-hoạt tinh thần của con người thích-ứng với lịch sử, với thời-đại. Ôm giữ những truyền-thống quá khứ, xem văn-hóa có một giá-trị bất di-dịch, tức là đi ngược đà tiến-hóa của nhân-loại, rơi vào tình-trạng lạc hậu, diệt vong.

Thật ra, văn-hóa, tự nó đã có nghĩa chuyên-dịch. Loài người, từ giai-đoạn dã-man chẳng khác cầm thú, đã mỗi ngày mỗi

tiền-bộ đến giai-đoạn văn minh ngày nay. Trong quá-trình tiến-hóa, con người đã sinh-hoạt để thích-ứng với thiên-nhiên, với xã-hội và mỗi ngày mỗi phát-triển trí-thức, nâng cao giá-trị của mình lên.

Và cũng vì văn-hóa có tính cách biến đổi, nên văn-hóa không thể đóng khung trong một vị-trí địa-lý cố-định, mà trái lại có tính-cách phổ-biến, cộng-đồng.

Trong thời-đại mà sự giao-thông quá ư nhanh chóng, con người ở trên mặt địa cầu không còn cảm thấy xa lạ và cách-biệt với nhau nữa. Một tư-tưởng vừa tung ra ở một điểm bên này quả đất, không đầy một phút sau, đã được thu nhận và phổ-biến ở phía

MỘT NỀN VĂN-HÓA DÂN-TỘC

bên kia. Những biên-giới của địa lý cũng như những biên-giới của ý-thức hệ hình như không còn có nghĩa trước những giá-trị nhân-bản toàn diện, cộng đồng.

Vả chăng, con người dù da đen hay da trắng, dù ở Trung-Hoa hay ở La-Mã, vốn đều có một «nhân loại tính» như nhau. Mỗi cá nhân, máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn. Mỗi cá thể đều mang những hệ-số bản ngã, cùng có những vui buồn, thương nhớ như nhau, dù dưới đời nhà Chu của Trung-Hoa hay dưới đời Napoléon của Pháp. Bản Dạ-khúc của Schubert vẫn làm chúng ta rung động trong lúc chúng ta đã từng rung động trước khúc hát Nam-ai hay bản đàn Vọng-cổ của quê nhà.

Vì vậy sự sinh-hoạt của một dân tộc nằm trong sự sinh-hoạt rộng lớn của nhân loại. Và một nền văn - hóa dân tộc bất - động, không thích-ứng với đà tiến-hóa của nhân-loại là một nền văn-hóa lạc hậu, đi dần vào diệt-vong.

Tuy nhiên, trong khi công-nhận rằng một nền văn-hóa vốn vay mượn những yếu-tố văn hóa ngoại bang, chúng ta phải xác nhận rằng văn-hóa không thể tách lìa hoàn-cảnh địa-lý, chính-trị và xã-hội. Nếu văn-hóa của nhân-loại thích-ứng với ngoại cảnh, thích-ứng với giai đoạn lịch sử chung của loài người, thì một nền văn-hóa dân-tộc phải phụ thuộc vào hoàn-cảnh lịch-sử, địa - lý, nếp sống của dân-tộc đó.

Văn-hóa, trên bình-diện tổng quát vốn là những giá-trị phổ-biến, nhưng đối với mỗi dân-tộc vẫn có những bản sắc riêng tư, dù

rằng văn-hóa của dân-tộc đó vốn vay mượn những yếu-tố của những nền văn-hóa khác.

«Đông là Đông, Tây là Tây». Nhận xét đó tuy cực đoan, nhưng nghiêm kỹ, không phải không có phần hợp lý. Những tương quan mật-thiết về kinh-tế, về khoa-học khiến cho mọi dân-tộc hình như kết hợp duy nhất, những kỷ thực, mỗi dân tộc vẫn có những nếp sống sai-biệt nhau.

Văn-hóa không phải là một vài hoạt-động trong phạm-vi văn-học hay nghệ-thuật phổ biến khắp Đông Tây. Văn-hóa gồm nhiều bộ-phận và ý-thức-hệ của dân-tộc. Nhận xét vài giá-trị trí-thức cộng đồng của nhân-loại như nghệ-thuật, triết-lý, văn-học chẳng hạn, nhiều người đã vội vã cho rằng văn-hóa vốn đồng nhất. Văn-hóa không phải chỉ có thế. Đánh rằng văn-hóa là những hoạt-động tinh thần nhưng vẫn liên hệ đến tâm-linh và nếp sống dân tộc. Đời sống tâm-linh và hoàn-cảnh lịch-sử của dân tộc Ấn-Độ không thể nào giống đời sống thực-tiến và hoàn-cảnh lịch-sử dân-tộc Trung-Hoa và lại càng cách xa đời sống của Âu-Mỹ. Khí hậu và địa-thể của đất đai cũng như tình trạng kinh-tế của mỗi dân-tộc tạo cho các dân-tộc khác nhau về mọi mặt. Những cuộc cách-mạng trong lĩnh vực nghệ-thuật cũng như trong lĩnh-vực chính-trị, xã-hội ở các nước kỹ-nghệ Tây-Phương không bao giờ tìm thấy ở Đông-Phương. Triết-học ở Tây-Phương và đạo học ở Á-Đông lại càng sai biệt.

Trong những tình cờ lịch-sử, sự tiếp giao giữa những nền văn-hóa không tránh được vẩn đục vay mượn trộn lẫn. Và nếu xem sự trộn lẫn của văn-hóa là một sự chấp nhận

tự nhiên như chấp nhận nghệ-thuật, văn-học, thì tại sao lại có những nền văn-hóa trường tồn và những nền văn-hóa tiêu-diệt. Khúc Nam-ai và điệu Trống-quân còn đó, sao dân Lạc-Việt thì còn mà dân Chiêm-Thành thì mất. Phải chăng, văn hóa có tính cách biến đổi, phổ-biến, nhưng văn-hóa vẫn có tính cách độc-đáo, trường-tồn. Và biến đổi là biến đổi ở một vài bộ-môn, còn trường-tồn là trường-tồn ở nơi bản-chất, nơi truyền-thống liên-tục bất đoạn.



Xác-nhận đặc-tính của văn-hóa là biến đổi, dung-hợp, chúng ta không thể nào quan-niệm duy-trì nếp sống cổ-truyền là hợp-lý, trong khi chung quanh ta, mỗi phút giây mọi trào lưu thế-giới đều biến chuyển.

Đón nhận những luồng sinh-khí mới, nền văn-hóa dân-tộc phải thích-ứng với hoàn-cảnh để sinh-tồn. Nằm trong một hoàn-cảnh địa-lý, giữa con đường giao-thông văn-hóa

Trung-Hoa, Ấn-Độ, nền văn-hóa Việt-Nam đã biết điều hòa hai nền văn-hóa gần như đôi-lập để sinh-tồn và tạo cho mình một nền văn-hóa riêng biệt. Nhìn vào khả-năng của nền văn-hóa dân tộc, chúng ta có quyền tin-tưởng sự điều hòa và dung-hợp trước những khuynh-hướng tư-tưởng ngoại lai.

Tuy nhiên, chúng ta phải xác nhận rằng ngoài đặc-tính biến đổi, nền văn-hóa dân-tộc còn có đặc tính trường-cửu vững bền như đã bàn ở trên. Lá cây mọc lên, xanh tươi, úa vàng rồi thay đổi, nhưng gốc rễ vẫn mãi mãi ăn sâu vào lòng đất. Đón nhận những yêu-tố văn hóa của các quốc gia kỹ-nghệ, không phải là đón nhận tất cả, chấp nhận một cách vô-trách-nhiệm, cho rằng như một làn gió thổi có quyền lan rộng trong không gian, văn-hóa phải truyền-bá, phổ thông cùng trên mặt đất. Đón nhận văn-hóa ngoại lai vì đặc-tính của văn-hóa là biến đổi, nhưng phải duy-trì văn-hóa dân-tộc vì đặc-tính của văn-hóa cũng là trường-cửu. Đón nhận văn-hóa ngoại lai mà không duy-trì văn-hóa cổ-truyền, thì văn-hóa của dân-tộc mất tận gốc

PHẠM-HOÀNG sưu-tập

Danh - Ngôn Danh - Lý

THUẬT TÔ-CHỨC

- ★ Khi chỉ-huy, cần tránh tính do-dự, cách vận-dụng sai và sự thay đổi đột ngột mà không có lý-do chính đáng.
- ★ Chính tính bất thường của người điều-khiển làm phát sinh ra sự lưỡng lự, trù trù trong hành-động.
- ★ Người mà tính bất-thường, trọn đời không làm nên được việc gì. (Tăng-quốc-Phiên)

MỘT NỀN VĂN-HÓA DÂN-TỘC

rẽ. Đây là tình-trạng của những nền văn-hóa bị đồng hóa và tiêu-diệt.

Suốt một thế-kỷ qua, dân-tộc Việt-Nam phải tiếp-xúc với những nếp sống của Tây-Phương truyền sang như thác lũ. Sự va chạm giữa hai nền văn-hóa Tây, Đông đã gây những đổ vỡ không thể tránh được. Nền văn dân-tộc không có một thế đứng bền vững và rơi vào một tình trạng rối loạn. Trên dòng xoáy của hai luồng thác lũ, con thuyền trước khi định hướng, không thể nào không nghiêng-ngửa. Ý-thức-hệ xao động, nếp sống thay đổi, xã-hội Việt-Nam rơi vào sự khủng-hoảng trầm-trọng, và cố gắng đi tìm một đường lối giải thoát hợp-lý.

Nguyên-nhân sự khủng-hoảng đó là thái-độ bảo-thủ, quan-niệm căn bản đạo học Á-đông hợp lý, không chịu thích-ứng với hoàn-cảnh, trong lúc bước tiến của khoa-học nhân-loại càng ngày càng tiên-bộ. Thái-độ ngược lại, cũng phiên-diện và cực đoan, muốn buông trôi và đón nhận tất cả mọi khuynh-hướng tiên-bộ của nền văn-hóa Tây Phương. Một đảng, không nhìn thấy đặc-tính biến đổi của văn-hóa; một đảng không nhìn thấy đặc-tính vững bền của văn-hóa.

Giữa mọi trào-lưu tư-tưởng hiện - đại,

giữa lúc mà nhân-loại hình như đồng nhât trên mặt kỹ-thuật khoa-học, nền văn-hóa Việt-Nam phải mở cửa đón nhận những yếu-tố văn-hóa ngoại lai hầu thích-ứng kịp thời với triều sông nhân-loại.

Tuy nhiên văn - để văn-hóa không phải bàn suông trên lý-thuyết. Phải tìm hiểu thực-trạng nước nhà, nhận-định hoàn-cảnh, khảo sát ý-thức-hệ dân-tộc. Vì quan-niệm văn-hóa biến đổi, và vì muốn theo kịp đà sinh hoạt của các Tây - phương, mà một số đông các quốc-gia nhược-tiểu đã vô tình đem thí nghiệm những chủ-nghĩa ngoại-lai lên trên xứ sở hoặc biến xứ sở thành một trường xâu xé giữa những khuynh-hướng đối lập. Không căn cứ vào thực-trạng nước nhà, lao theo những dẫu xe của những nước tiền tiến, chúng ta chỉ gặp những đổ vỡ và gây nên những tình-trạng khủng-hoảng, rối loạn.

Rút kinh-nghiem của lịch-sử, một nền văn hóa dân-tộc phải xây dựng trên cá-tính dân tộc cùng giá-trị văn-hóa cổ-truyền, điều-hòa và phối-hợp những yếu-tố văn-hóa ngoại-lai phù-hợp với nếp sống dân-tộc. Trường-tồn và tiên-hóa là sức mạnh của văn-hóa vậy.

THANH-THUYẾN

Treo đầu

Tôn-Kinh, người đời Hán, rất chăm học. Ngồi đọc sách, ông thường lấy giấy treo đầu lên xà nhà để khỏi ngủ gục. Do đó có câu « *Huyền đầu* » (treo đầu) chỉ sự học hành khắc khổ.

DÂN-CHỦ ĐA NGUYÊN NHƯNG NHẤT THỂ

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên-khảo)

(Tiếp theo Bách-Khoa số 73-74-75)

— Người ta định nghĩa dân chủ bằng những thành ngữ chỉ có tính cách tự-vệ, cô-thủ như : cứu vãn tự-do, bảo vệ văn-minh. Định nghĩa dân chủ như vậy phải chăng là để che đậy một cuộc thoái tẩu, một cuộc từ-dịch đại qui-mô ?

— Dân chủ có được một số phần tử ưu việt sốt sắng và quyết tâm phục-vụ thì mới tồn tại được. Số phần tử ưu việt đó gồm những nhà giáo dục, những nhà trí thức, những hạng chiến sĩ, những hạng «bắt kham» đã từng đầu tranh trong kháng-chiến và trong cách-mang, — những người và những hạng hợp thành một thiểu số chân chính ưu-việt, cao quý, nhưng không giữ sự cao quý cho riêng mình mà biết mời gọi mọi người cùng chia xẻ sự cao quý làm lẽ sống cho mình đó. Phải làm sao thiết lập được thiểu số ưu-việt chân chính trên, để thay thế thiểu số ưu-việt trá ngụy đang ngự-trị trên các thị-trường và trong các phòng văn.» (Domenach).

— Bảo vệ dân-chủ không phải là bảo vệ một chính kiến, một chủ thuyết hay một tôn giáo, mà trước hết là bảo vệ cái khả năng có nhiều chính kiến, nhiều chủ-thuyết, nhiều tôn-giáo trong phạm vi một ý-chí sinh-hoạt chung.

Dân-chủ và chủ-nghĩa xã-hội

THEO ý kiến chúng tôi thì dân chủ của thế-kỷ XX gắn liền với chủ nghĩa xã-hội (1), Nói vậy không có nghĩa là cho rằng ngoài chủ nghĩa xã-hội ra, không thể nào có dân-chủ được ; chúng tôi chỉ muốn nói rằng mọi chế độ dân chủ chân xác thường dẫn đưa tới hình

thức tổ chức theo chủ nghĩa xã hội. Khác với người mác-xít, chúng tôi không nghĩ lịch sử phải biến chuyển theo một hướng đi nhất định, tất nhiên, không thể gì tránh khỏi. Chúng tôi chỉ xin nhắc lại rằng dân chủ là chế độ của giá trị, của pháp lý, nó chỉ có thể phát huy được trong một thế giới bị kinh tế khổng chế

(1) Chủ nghĩa xã hội chúng tôi dùng đây không phải là danh từ người Cộng sản thường dùng để chỉ bước đầu thật hiện chủ nghĩa Cộng sản.

là khi nào nó đặt được kinh-tế ở dưới quyền kiểm-sát có suy xét của tập thể. Người ta đã nói rằng: Chế độ dân-chủ là chế độ chăm lo cho xã-hội trở nên một cơ thể duy nhất. Có thể nào thiết lập nổi cho xã-hội một tổ chức dân chủ bền vững, nếu người ta để cho những nhóm tư-nhân nắm được quyền chỉ huy công cuộc sản-xuất? Bị sự-trạng khẩn trương bắt buộc, nhiều nhà nước đã phải can thiệp và ta thấy tại hầu khắp các nước tư bản chủ nghĩa, những hình thức hòa hợp, điều giải giữa các giai cấp có triệu chứng tiến lên đến chỗ làm cho mọi người nhận-thức rõ rệt sự cần-thiết thật-hiện lợi ích tập thể và đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân. Tuy nhiên, còn rất nhiều điều khác nữa cần phải thật-hiện trong địa hạt quốc hữu hóa các công-cụ sản-xuất, cũng như trong địa-hạt quản-trị các xi-nhiệp, để cho công nhân chẳng những nhờ sự trung gian của nghiệp - đoàn mà còn được đích thân, trực tiếp tham - gia vào sự điều khiển nền kinh - tế. Thứ dân - chủ thật - hiện bằng thể thức trung-gian, có tính-chất thuần-túy chính trị đang diễn hành tại một vài nước Tây phương, hiện giằng-giũa trong một cuộc khủng hoảng thường-trực, chỉ vì nó là thứ dân chủ không được quần chúng tham gia và vẫn còn mãi là một ý niệm, một tập quán, một phương thể hộ vệ, trong khi đáng lý nó phải là một thể hiện cụ-thể được mọi người tán đồng tích-cực và tiêu-biểu được mọi hoạt động trong các tầng lớp xã hội.

Đem dân - chủ tự - do (démocratie libérale) đối - chiếu với dân - chủ xã-hội (démocratie sociale) để so sánh

hơn thiệt, không hẳn là một việc làm vô ích ; song thật ra chúng tôi tưởng cả hai thứ dân - chủ muốn tiến tới đều phải nhờ lẫn nhau ; vấn đề không phải là đòi hỏi dân chủ lập tức cho tất cả mọi người, mà nên lưu ý rằng dân chủ là phát dương, là giáo hóa, là tiến bộ, là tìm đối, trong mỗi hoàn cảnh, mỗi giai đoạn, một cách-thể khiến cho dân chủ phát-triển được trong cả hai ngành, tránh sự phân liệt đã xảy ra hồi thế kỷ XIX ở Tây phương, sự phân liệt đã làm phát sinh bao mối xung-đột bi thảm hiện nay.

Vai trò của những phần-tử ưu-việt

Có điều rất đáng ngại là hiện nay người ta định nghĩa dân - chủ bằng những thanh ngữ chỉ có tính cách tự-vệ, cố-thú như : cứu vãn tự do, bảo toàn văn minh. Định nghĩa dân chủ như vậy phải chăng là để che đậy một cuộc thoai tẩu, một cuộc từ dịch đại qui mô? Người ta ưa chuộng dân chủ vì dân chủ đề cao mỗi người được yên ổn làm công việc của mình, vì dân chủ là một che đậy rút cuộc, sẽ đòi hỏi người ta ít nỗ lực nhất. Thật ra, dân chủ là một chế độ trái nghịch hẳn lại với quan niệm chủ bại, khấp nhược đó ; dân chủ đòi hỏi một thái độ cương quyết tham gia, và nhiệt tâm gánh vác trách nhiệm, người ta không thể dùng dân chủ làm một lợi khí để hợp pháp hóa tình thần vô - trách - nhiệm của nhân dân. Một nền dân chủ chỉ biết có một việc là đăng ký những trào lưu dư luận và điều giải những quyền lợi tương khắc, chắc sẽ đi tới chỗ thất bại. Như ông Walter

Lippmann đã nhận xét thấy : «Các nền dân chủ tự do thường đưa những kẻ rất đáng khinh lên nắm chính quyền, những kẻ sở dĩ thành công chỉ nhờ bởi có cái tài hòa giải, dụ dỗ, huyễn hoặc và cái khéo vận dụng được những phần tử khó tính và hống hách nhất trong cử tri».

Hiện nay, chúng ta chưa rõ được kỹ thuật giao-lễ giữa người với người đã ảnh hưởng đến các chế độ chính trị thế nào. Kỹ thuật ấy có cái lợi thể là khiến người ta có thể dùng lời nói mà phủ dụ, hòa hợp được với nhau; trước khi dùng đến bạo lực và khiến các người cầm quyền có thể dùng cách thuyết phục thay cho cách ức chế bằng quyền uy ; do đấy nó có khả năng giúp đỡ rất nhiều cho việc thật hiện một nền dân chủ cụ thể. Tuy nhiên kỹ thuật đó đồng thời cũng gồm chứa nhiều điều đáng ngại : kỹ thuật ấy có tác dụng làm tiêu giảm tinh thần trách nhiệm, làm hao hụt nhiệt khí trong các cuộc bàn cãi, đấu tranh ; do đấy nó có thể làm suy nhược sự quyết liệt, sự cang thẳng cần phải có giữa những kẻ trị và những kẻ bị trị, giữa một xã hội bình đẳng và một nhà nước giai tầng, giữa đám quần chúng và hạng thượng lưu. Một chế độ dân chủ khoa trương quá đáng sự hòa nhịp, ăn khớp giữa các lực lượng đối lập với nhau trong nội bộ, chỉ là một nền dân chủ lỏng lẻo, tự huyễn hoặc mình và chỉ huyễn hoặc được mình mà thôi.

« Dân chủ, ở khắp mọi nơi, có được một số phần tử ưu-việt sốt sắng và quyết tâm phục vụ thì mới tồn tại được. Đó là điều bần như nghịch lý, song không thể thiếu. Số phần tử ưu-việt đó gồm những

nhà giáo dục, những nhà trí thức, những hạng chiến sĩ, những hạng «bất kham» đã từng đấu tranh trong kháng chiến và trong cách mệnh — Những người và những hạng hợp thành một thiểu số chân chính ưu việt, cao quý nhưng không giữ sự cao quý cho riêng mình mà biết mời gọi mọi người cùng chia sẻ sự cao quý làm lẽ sống cho mình đó. Phải làm sao thiết lập được thiểu số ưu-việt chân chính trên để thay thế thiểu số ưu-việt tra ngụy đang ngự trị trên các thị trường và trong các phòng văn» — (Domenach) Không có một xã hội nào đương nhiên là một xã hội dân chủ. Trong bất luận xã hội nào, cái người ta thấy hiển hiện rõ rệt trước nhất là sự bất bình đẳng về tài năng và về lực lượng, chứ không phải là sự bình đẳng của mọi người về phương diện tinh thần ; và trong đó tinh cảm đầu tiên cũng là tinh cảm hăi hùng và khấp phục, chứ không phải là tinh cảm huynh đệ bình đẳng, biết tôn trọng tha nhân, thứ tình cảm đạo đức cao thượng đệ nhất của dân-chủ. Trong con người cũng như trong xã hội, dân chủ chỉ có thể thật hiện là khi nào người ta biết nỗ-lực chế-ngự bản năng bạo ngược và ưa thống trị — hoặc phát lộ ra ngoài, hoặc tiềm ẩn bên trong — của mỗi người mà thôi.

Các vị sáng lập dân chủ tây phương cũng đã thấy rõ điều đó : dân chủ không thể nào là một chế độ bất chấp đạo đức. Giá trị của đạo đức không phải là những điều hư ảo chỉ có ở trên mặt bản văn của Hiến-pháp, giá trị của đạo đức trước hết phải thật hiện bằng giá trị cá nhân của những người biết lời cuốn, biết soi sáng, biết dạy dỗ — Dân chủ

không phải là một chế độ dung tục, tầm thường; dân chủ chỉ có thể xuất hiện ở những nơi có sự cố gắng giáo hóa con người để gìn giữ đạo đức; hơn hết mọi chế độ khác, dân chủ cần phải có một thành phần ưu việt. Do đấy, ta thấy có mối quan hệ khá mật thiết giữa các nền dân chủ bên Tây phương với Ki-tô-giáo. Các nền Dân-chủ Tây phương, ngay từ khởi đầu và trong một thời gian khá lâu, đã nhờ một thứ chủ nghĩa duy lý nuôi dưỡng tư tưởng của mình. Đến nay thì chủ nghĩa đó đã suy vi và đã mất một phần uy thế rất lớn. Dân-chủ Tây-phương hiện đã biết tham cứu rộng rãi trong kho tàng tôn-giáo chân xác những điều cần thiết cho nền tảng tinh thần họ. Chúng ta không quên cuộc giao tranh giữa giáo hội công giáo với dân-chủ trước đây, nhưng lúc này giáo hội ấy đã cố gắng hiến được cho dân chủ rất nhiều phần tử có nghĩa khí và dũng cảm biết cương quyết đấu tranh cho công lý ở thế gian. Dân-chủ không phải là chế-độ giáo hội dùng để lập nên một đảng phái giữa các đảng phái khác. nó là một chế-độ trong đó người Ki-tô-giáo thấy mình trực tiếp gắn liền vì bản chất của nó là kêu gọi lương tâm và giác tỉnh tự do.

Trong các nền dân chủ hiện đại, chính trị có khuynh hướng thoát ly ra ngoài nhân dân và để cho những nhóm chuyên viên tự-kỷ, những bọn chính khách hoạt đầu thao túng trắng trợn. Do đấy, chính quyền không còn lấy nhân dân làm mục tiêu chính nữa và trở lại thành những chính thể chuyên chế ôn hòa. Tuy nhiên chính thể chuyên viên càng đề nặng thì giáo dục quần chúng càng thiết yếu và

khi quần chúng gần đi tới chỗ tan rã vì sức ép của tư lợi, khi chính trị được giải quyết trong sự cạnh tranh mù quáng của các lobbies (1) thì bấy giờ mới là lúc người ta cảm thấy cần có những « nhà tiên tri », một vài kẻ sáng suốt biết dẫn đường phải, ngõ hay đề cứu vãn tình trạng bế tắc đang sẵn sàng nổ tung. Tương lai dân chủ hiện đại tùy thuộc trước hết vào vai trò của những thành phần ưu việt sẽ đóng trong mỗi nền dân chủ vậy.

Dân-chủ có thể là một hệ-thống tư-tưởng hoặc một chủ-nghĩa nhân-bản không ?

Dân chủ không thuộc quyền sở hữu của ai; nguyên tắc dân chủ có trước mọi hệ-thống tư tưởng. Do đấy khi người ta muốn động viên nó hòng biến nó thành một khí giới chiến tranh, hay muốn tiếm cho nó một chủ nghĩa chính thống để tăng cường nó thì sẽ tan vỡ ngay. Có nhiều kẻ hiện nay muốn tìm một chủ nghĩa để đối kháng với chủ nghĩa cộng sản, một triết lý quá đơn sơ để chính-thức-hóa chính quyền và để cho người dân được an tâm, an trí. Song dân chủ không chấp nhận được việc người ta lồng nó vào một hệ thống tư tưởng nào, chính vì nó căn cứ vào một triết lý về tự do. Bảo vệ dân chủ không phải là bảo vệ một chính kiến, một chủ thuyết hay một tôn giáo, mà trước hết là bảo vệ cái khả năng có nhiều chính kiến, nhiều chủ thuyết, nhiều

(1) Lobbie : tập đoàn những người có quyền lợi chung hay quyền lợi giống nhau thành lập để bảo vệ những quyền lợi đó.

tôn giáo trong phạm vi một ý-chí sinh-hoạt chung. Có người bảo chủ trương như vậy là chủ trương một tinh thần bao dung rộng tuyệt, một lý thuyết trung lập vô vị. Không phải, chủ trương đa nguyên này thật ra chỉ có thể xuất hiện trên một nền tảng nhất thể, nhất trí; không có ý-chí sinh hoạt chung nếu không có ý-chí tư-tưởng chung, tức là cái người ta thường gọi bằng danh từ có vẻ đôi chút viển vông là danh từ *nhân bản*, nhưng chính là danh từ rất chuẩn xác và rất cao quý, là cách thể ra chuộng đặc biệt tính chất đại đồng, toàn xúng phổ biến ở trong con người và làm cho mọi người cùng ra chuộng.

Đó là điều quan trọng bậc nhất cho nền dân chủ của chúng ta. Đó là điều cần thiết phải phát triển trong quân đội và trong học giới của chúng ta. Người Việt-Nam liệu đã tạo nổi cho mình cái mãnh lực trong ý chí sinh hoạt chung với nhau chưa, cái tinh thần thiện, bằng-hữu khoáng-đạt, khiến chấp-nhận được những cuộc hội-đàm, đối-thoại thẳng thắn chưa? Khi chúng ta chống thực dân, chống phong kiến, chúng ta có đòi hỏi cái gì khác hơn là đòi hỏi cho mỗi người được làm một người và được tự do sống đời sống của mình? Chúng ta không nên để mình sa vào

những cảm dỗ của một chế độ độc tài. Phải, dân chủ là một chế độ không cố kết, không hấp dẫn bằng những chế độ độc tài có những hệ thống tư tưởng chặt chẽ, một chủ nghĩa quốc gia ban phát cho mỗi người lý do để sống và để chết, song chúng ta phải biết chấp nhận nhược điểm đó của dân chủ.

Kinh nghiệm thế-giới cho chúng ta thấy : chính trong những lúc bị đe dọa nặng nề nhất, dân chủ mới làm nảy nở ra những tâm hồn đầy thiện chí, quyết đem toàn tâm, toàn lực ra tổ chức và đấu tranh để phục vụ dân chủ, bởi lẽ bấy giờ người công dân mới hiểu không phải họ có một lý do để bảo vệ dân chủ, mà có tất cả mọi lý do một trật, lý do của toàn thể nhân loại chống cự lại những gì chực tiêu hủy nó đi.



Nietzsche, Maurras, Bernanos đã nói rất nhiều về những điểm không hay của dân chủ. Dân chủ rất xấu xí, hình thể dị dạng khó coi của nó khiến người ta tiếc cái kiến trúc cao nhon, thẳng tắp của những chế độ độc tài ; dáng điệu tẻ ngắt của nó khiến người ta tiếc cái mê ly ngây ngất trong những đại công phiêu lưu của những chủ nghĩa

★ Khi người lãnh đạo biết gây ra một bầu không khí tin nhiệm, thì mệnh lệnh và chỉ thị của người ấy ra chưa dứt lời là người dưới đã hiểu hết rồi. Trước một khó khăn bất ngờ, người dưới tất sẽ đoán biết được phải hành động ra sao ; ai nấy sẽ giữ được bình tĩnh và tin-tưởng.

để quốc. Dân chủ rất ngu xuẩn ; phải mất rất nhiều thì giờ với nó để giải thích những điều tầm thường cho bọn ngu phu ngu phụ, trong khi có thể dùng trí lực hoặc thành kiến để giải quyết cho mau. Dân chủ rất lười thối, rất bê bối, thiếu thi vị, thiếu thiên tài, luôn luôn lôi kéo mọi sự xuống chỗ dung tục, hạ cấp. Kể quan niệm chính trị là một «nghệ thuật», nghệ thuật siêu đẳng, thường coi dân chủ là một kỹ thuật ắp úng, một bộ may lộn xộn, mà chậm chạp quá sức.

Song chính trị dân phải là hình thức hoàn hảo của trật tự và của diêm sắc. Chính trị chỉ là ngõ đi, là lối qua để tiến tới không cùng ; chính trị là loài người trong nỗ lực tổ chức cuộc sống với tha nhân. Dân chủ nặng nề như loài người bê trễ, phải gang gượng bước lên từng bước một ; căn cứ trên tự do của loài người, dân chủ đưa loài người trở về với tự do của họ. Các chế độ khác tỏ điểm thật tế, ức chế nó phát huy quá độ cho tới khi lâm vào thảm họa. Dân chủ thì trái lại, muốn cho người ta thấy rõ thật tế của chính trị nó gồm chứa bạo hành, thủ đoạn, si ngốc, như Proudhon đã nói : « Chính-trị là mối thất vọng không cùng của tự do. » Người dân chủ biết rõ như vậy, song không hề nản chí ; người ấy vẫn nhẫn nại tìm cách nhân đạo hóa chính trị, trong thật tế thường ngày ở mức thấp nhất. Ngoài cái thiện ý ấy, chắc chắn người ta sẽ rơi vào chỗ hôn mê và bạo hành ; viện lẽ cần sự công hiệu hay sự tuyệt mỹ, người ta lôi chính trị ra khỏi

con người, để chính trị làm choáng con mắt trong giây lát cho tới khi nó rớt từ trên cao xuống và đè bẹp con người.

Trong thật tế, một chính quyền của toàn dân thì hành cho toàn dân là một giấc mơ không bao giờ thật hiện được, người ta không thể quan niệm mà cũng không thể điều hành được một chính quyền như thế. Song xin nhắc lại một lần nữa, dân chủ là một cuộc diễn tiến không ngừng. Nó chỉ vạch một đường lối phải đi. Nó luôn luôn vấp phải khuyết điểm của loài người, đó là vinh quang của dân chủ và cũng là thảm cảnh của dân chủ. Điều khó khăn chính của dân chủ là nó đòi hỏi rất nhiều đức tính mà chỉ có một số rất ít người có. Và chính ngay cái lạc thú tự do mà ta giả thiết như nó nằm ở trong lòng mọi người đó, có thật có không ? Chúng ta đặt câu hỏi ấy vì chúng ta thấy có những kẻ không còn miễn chuộng tự do nữa và chỉ ưa được sống yên lành trong nô lệ. Chỉ duy có sự hoài nghi này là có năng lực làm nản chí người dân chủ. Tuy nhiên, nếu tình trạng tâm trí con người bị đẩy đến cái mức đó và chúng ta đành phải cam chịu, thì không phải chỉ một chế độ chính trị bị tiêu diệt, mà tất cả những gì đáng giá có hy vọng thật hiện được ở trên đời này, cũng bị cuốn theo đi mất vậy.

HOÀNG-MINH-TUYNH

(biên khảo)

Tài liệu tham khảo :

— Xin coi lại *Bách Khoa số 73*, kỷ-niệm đệ tam chu niên, trang 18.

dòng tư tưởng...

THÁI - ĐỘ « TRÙM CHẴN »

Trước cuộc đời, chúng ta hay có thái - độ « trùm chẵn » hay « trùm mền », và thường có khuynh-hướng coi thái-độ ấy là cao-thượng.

Không thỏa-mãn với thật-tại, nhiều người chúng ta sẵn-sàng rút lui, muốn đóng vai ẩn-sĩ để nhìn đời cùng nghiền-ngẫm những tư-tưởng, hành-vi của cồ-nhân để nuôi cái chí nguyện mà ít khi chúng ta có đủ tích-cực và can-trường để phát-động và thật thi. Đáng lẽ nhìn vào quá-khứ để định một căn-bản cho bước tiến vào tương-lai, chúng ta lại ưa sống với quá-khứ, tự an-ủi trong đợi chờ, — đợi chờ đích thật cái gì, chính chúng ta cũng không tự biết nữa. Chúng ta đợi chờ mà không thấy gì tốt đẹp đến với chúng ta (vì làm sao có sự tốt đẹp khi chúng ta không chịu tích-cực phát-động chí hướng), trái lại, chỉ thấy sự việc ngày càng trở nên trái nghịch đối với chúng ta (vì làm sao không trái nghịch khi chúng ta không đủ can-trường để thật thi nguyện-vọng). Chúng ta đâm ra chua-chát, ghét đời, rồi muốn lánh tục để tìm giải-thoát trong siêu-nhiên.

Đi từ thụ-động tới đào-thế, chúng ta vẫn tưởng mình đi từ cao-thượng đến siêu-nhiên. Song, một siêu-nhiên chấp-nhận được một thái-độ thụ-động và đào-thế, liệu có còn là một siêu-nhiên giá-trị và gọi được là cao-thượng nữa không?

PHẠM-HOÀNG

HỘI-NGHỊ TỐI-CAO ĐÔNG TÂY...

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

(Tiếp theo Bách-Khoa số 75)

TRONG số báo trước chúng tôi đã nói về lý-do và mục-đích của Hội-ngị Tối-cao giữa Đông và Tây.

Hôm nay chúng tôi xin trình bày :

1—. Một số điểm tổng-quát về tình-hình nội bộ của khối Tự-Do Dân-chủ.

2—. Một số chi-tiết về cuộc hội-ngị Tối-cao đã họp giữa mấy cường quốc Tây Phương trước khi có cuộc Hội-ngị Tối-cao Đông Tây.

I.— NHỮNG ĐIỂM TƯƠNG-ĐỒNG VỀ CHƯƠNG-TRÌNH NGHỊ-SỰ

Chương - trình nghị - sự do Khối Tây-Phương đề-nghị thật ra đã hợp với ý định của Nga-Sô vì ngay trong một bữa tiệc do Câu Lạc Bộ Báo-chí đã tổ chức ngày 16-9-59

tại Hoa-Thịnh-Đôn nhân dịp ông Kroutchev qua thăm Mỹ vừa qua thì, khi nâng cốc rượu chào mừng báo-chí của Khối Tự-Do, chính Chủ-tịch Nga-Sô đã nói :

« Chúng tôi muốn đi tới một sự thỏa-thuận với Chính-phủ Mỹ về các vấn-đề quan-trọng then-chốt. Những vấn-đề đó rất nhiều song trước tiên nên đề-cập tới những vấn-đề sau đây :

« Kết-thúc chiến-tranh lạnh, giải-trừ quân bị, ký hòa với Đức, việc cải thiện những mối bang giao giữa Nga và Mỹ v.v....»

Sau khi báo tin rằng Nga-Sô sẽ đệ-trình ngay Liên-Hiệp-Quốc dự-án giải-trừ quân-bị, Chủ-Tịch Nga-Sô đã kết-luận :

«Nga-Sô và Hoa-Kỳ đương đứng trước hai ngã đường sau đây :

«Hoặc là những thành-tựu mới rồi về khoa học và kỹ-thuật như việc sản-xuất các hỏa-

tiền xuyên lục-địa và tên lửa vũ-trụ, việc thám hiểm không-gian vũ-trụ v.v... sẽ phụng-sự hòa-bình và nhân-loại.

« Hoặc là những thành-tựu kể trên sẽ đem tận dụng vào các mục-tiêu quân-sự làm tiêu diệt cả Thê-giới này... »

Theo các nguồn tin mới nhất thì : cả hai khối đều thỏa-thuận họp Hội-nghị này vào ngày 16-5-60 tại Ba-Lê.

II.— NHỮNG MÂU THUẬN CẦN CHẤM DỨT TRONG KHỐI TÂY-PHƯƠNG....

Trước khi sửa-soạn Hội-nghị tối-cao với Nga-Sô. Khối tự-do đã cảm thấy hơn lúc nào hết sự cần-thiết đầu tiên phải có sự đoàn-kết nhất-trí thật sự và chắc-chắn giữa các cường quốc Tây-phương trong mọi lãnh-vực.

Muốn có một sự đoàn-kết không gì lay chuyển nổi đó thì khối Tây-phương phải tự cố-gắng :

1—. Gạt bỏ mọi sự dị-đồng hay xích-mịch hiện đương sẵn có giữa một số các nước này.

2—. Tìm cách làm giảm trừ mọi mâu-thuân và nhất là làm hòa-hợp mọi quyền lợi kinh-tế hiện nay đương tương phản lẫn nhau.

— ngay tại chính trong nội-bộ của các nước tại Tây-Âu.

— ngay giữa các nước tại Tây-Âu và Hoa-Kỳ.

3—. Gạt bỏ được mọi mâu-thuân và bất-đồng ý-kiến hiện đương sẵn có trong mọi

quan-niệm về chiến-thuật, chiến-lược ngay trong khối Bắc Đại-tây-dương là khối quân-sự quan-trọng nhất của khối Tự-do Dân-chủ.

Chính các báo chí Mỹ và Tây-Âu đã nói nhiều tới các điểm mâu thuẫn và dị-đồng đó.

Có thể chia các mâu thuẫn và bất đồng ý-kiến này ra làm hai loại :

— mâu-thuân về kinh-tế

— bất-đồng ý-kiến về một số các điểm quân-sự.

A-/ Mâu thuẫn về kinh-tế.

Các sự mâu-thuân này là một khía-cạnh đương-nhiên của chế-độ tự-do tư-bản đưa tới sự tự-do sản-xuất, tự-do mậu-dịch và tự-do cạnh-tranh trong một quốc-gia cũng như giữa một số quốc-gia áp-dụng sự tự-do trao đổi các sản-phẩm nông-nghiệp và công-nghiệp.

Chính vì áp-dụng việc tự-do thương-mại đó nên một số Quốc-gia, hoặc mức-độ sản-xuất còn kém sút, hoặc nền kinh-tế còn chưa phát-triển, đã cảm thấy cần phải đoàn kết với nhau để :

— bảo-vệ các sản-phẩm của mình trên thị-trường quốc-tế

— thiết-lập một khối kinh-tế hùng mạnh đối lập với các Quốc-gia hùng mạnh khác.

1.— Khối thị-trường chung và khối mậu-dịch tự do

Vì lý-do đó nên tại Tây Âu có sáu nước là : Pháp, Tây-Đức, Ý, Bỉ, Hòa-Lan và Lục-Xâm-Bảo đã thiết-lập một khối kinh-tế riêng biệt lấy tên là khối thị-trường chung để bảo-

về quyền-lợi kinh-tế cho sáu nước đó.

Hiệp-ước thiết-lập khối này đã ký ngày 25-3-1957 tại La-Mã và 4 tháng sau đã được Nghị-viện Pháp và các Chính-phủ khác duyệt-y.

Được thi-hành thực-sự từ ngày 1-1-1959 hiệp-ước về thị-trường chung có mục-đích là thiết-lập một khối đoàn kết có dân số quan-trọng (165 triệu) trong đó có các công-nhân thợ-thuyền được đi lại tự-do và các sản-phẩm nông-công-nghiệp được trao đổi dễ-dàng và được hưởng thụ một thuế quan giảm sút từ 10 tới 25%.

Việc thi-hành hiệp-ước này — thường gọi là hiệp-ước 6 nước — sẽ là một đòn nặng đánh vào các sản-phẩm do các quốc-gia khác sản-xuất tại Âu-Châu trong đó có nước Anh là một nước có nền công-nghệ đã phát triển mạnh nhất tại Tây-Âu.

Việc thiết-lập thị-trường chung này còn có một lợi điểm chính-trị là góp phần vào việc xây-dựng một nền bang-giao thân-thiện giữa Pháp và Đức vì sự xích-mịch giữa hai Quốc-Gia này đã gây nên trong 75 năm vừa qua 3 cuộc đại-chiến tàn khốc nhất thế giới.

Để đối lập với khối 6 nước này, nước Anh, tự cảm thấy bị cô-lập, đã cố-động và đã thiết-lập :

Một khối «Tự-do mậu-dịch» gồm có 7 nước khác tại Âu-Châu là : Anh, Thụy-Điển, Na-Uy, Đan-Mạch, Thụy-Sĩ, Bồ-Đào-Nha và nước Áo.

Thỏa-hiệp về việc thiết-lập khối này đã được ký-kết vào ngày 21-11-1959 tại Stoc-kholm và sẽ được thi-hành thực-sự bắt đầu từ ngày 1-7-1960.

Theo khối mậu-dịch Tự-do này thì mọi quan-thuế sẽ được bỏ hẳn giữa 7 nước kể trên trong một thời hạn là 10 năm bắt đầu từ 1-7-1960.

Việc giảm trừ quan-thuế trong năm đầu là 20% theo đó sẽ có 8 lần giảm trừ nữa mỗi lần là 10%.

Với quyền lợi tương-phản giữa 2 khối 6 nước và 7 nước này, với mọi sự chông đỏi nhau để tranh lần thị-trường trên khía-cạnh kinh-tế có thể đem lại sự chông-đỏi về chính-trị... tình đoàn-kết của các nước Tây Âu có thể bị giảm sút dần...

2.— Mâu-thuẫn giữa Mỹ và Tây-Âu.

Ngoài các mâu-thuẫn giữa hai khối 6 và 7 nước kể trên trong nội-bộ Tây-Âu còn một số điểm mâu-thuẫn giữa các nước Tây-Âu và Hoa-Kỳ nữa.

Ngoài việc các nước Tây-Âu đã bắt mẫn về một số quy-luật của quỹ mở-mang kinh-tế của Hoa-Kỳ theo đó quỹ này muốn dành riêng cho Hoa-Kỳ việc bán các dụng-cụ trang bị cho các nước do Hoa-Kỳ viện-trợ kinh-tế, một trong những điểm mâu-thuẫn chính-yếu là mâu-thuẫn về văn-đề :

Hàng-hải thương-thuyền.

Thật vậy theo một tin của hãng Thông-Tần Pháp(J.E.O. ra ngày 10-6-59) thì trong cuộc hội-ngập Hàng-hải thương-thuyền Quốc-tế vừa qua đã họp ở Hoa-Thịnh-Đồn ngày 8-6-1959 giữa Hoa-Kỳ và 9 nước Tây-Âu thì các nước này đã cực lực phản đỏi chính sách Hoa-Kỳ cấp quyền chuyên chở ưu-tiên cho các tàu thuyền có mang cờ Hoa-Kỳ thôi.

Hoa-Kỳ là một nước có giao-dịch thương mại rất nhiều với các nước Tây-Âu. Biểu

pháp bảo-vệ sò thương thuyền nầy của Hoa-Kỳ tất nhiên sẽ gây thêm nhiều ảnh hưởng nguy hại cho nền Hàng-hải thương thuyền của các nước nầy.

Các báo Financial Times, Daily Télégraph và Times tại Anh đều cực lực phản đối các biện pháp nầy và cho rằng :

a) Việc Hoa-Kỳ bảo-vệ cho nền thương-thuyền của mình như thế là trái với các nguyên-tắc tự-do chuyên chở vẫn áp-dụng giữa các nước trong khối tự-do.

b) Vì địa-vị « gương mẫu » và « lãnh-đạo » của Hoa-Kỳ trong khối tự-do, nay nếu Hoa-Kỳ thi-hành các biện-pháp bảo-vệ riêng-rẽ như thế cho ngành thương-thuyền của Hoa-Kỳ thì việc đó sẽ làm suy giảm tình đoàn-kết trong cả khối tự-do nữa.

Một số các nước hội-viên trong khối Minh-Ước Bắc-Đại tây-dương cũng nói rằng hiện nay khối lượng thương-thuyền của Nga-Sô cũng khá mạnh và đã cạnh-tranh nhiều với các thương-thuyền của các nước Tây Âu rồi. Nay nếu Hoa-Kỳ lại áp-dụng biện pháp phân-biệt đối-xử mới đó thì tình-trạng các thương-thuyền nầy sẽ rất nguy-ngập.

Đề bênh-vực quan-điểm của Hoa-Kỳ trong hội-nghị nầy, ông Douglas Dillon, Thứ-Trưởng Ngoại-Giao của Hoa-Kỳ đã nói rằng chính-phủ Hoa-Kỳ bắt-buộc phải bảo-vệ thương-thuyền của mình để cho ngành nầy có thể cạnh-tranh thắng-lợi được với các thương-thuyền ngoại quốc vì các giá chuyên chở của thương-thuyền Hoa-Kỳ hiện nay tương-đối quá cao.

Nên ghi thêm rằng chính cũng vì dựa trên nguyên-tắc « bảo-vệ nền kinh-tế của Hoa-Kỳ » mà các công-ty sản-xuất xe hơi Renault và Peugeot của Pháp đã bị truy-tổ theo luật cấm phá-giá vì hai công-ty nầy đã xuất-cảng rất nhiều xe hơi sang Mỹ.

Sở dĩ có những biện pháp kể trên nầy là vì theo một tin của Hãng U.P.I gửi ngày 20-12-1959 tại Nữu-Uớc thì :

a) Cán cân chi phôi thương-mại của Hoa-Kỳ đã quá chênh-lệch. Chính Ô. Anderson

Bộ-trưởng Ngân-kho Mỹ đã nhân mạnh về sự hao hụt mỹ kim nầy từ tháng 9-1959.

b) từ 1955 tới 1958 sò ô-tô do Hoa-Kỳ xuất-cảng đã sụt xuống 29% trong khi đó

★ Cuộc họp hàng tuần của các cán bộ là một cơ hội tốt để kiểm điểm sinh hoạt của một đoàn thể trong tuần qua.

Trong cuộc họp gia đình đó, những kết quả tốt được đem ra tán dương, những sai lầm có hại được đem ra chỉnh lý, với một tinh thần giáo hóa, không chỉ trích cá nhân, mà đượm nhuần một tính chất ninh-tĩnh, rón tìm nguyên-nhân để giải-thích kết-quả. Những nhận xét được nhắc đi nhắc lại mãi trong nhiều trường hợp khác nhau lần lần đập vào đầu óc những phần tử ngoan cố nhất, khiến họ giác ngộ; cử chỉ hành vi của họ nhờ đấy mà trở nên cao đẹp. (Poumeyrol)

thì số ô-tô do nước Anh, Tây-Đức và nước Pháp xuất cảng đã tăng lên 57%.

c) theo cuộc điều-tra của báo Financial Times thì tổng số các sản phẩm sản-xuất tại Mỹ đều đắt hơn các sản phẩm sản xuất tại Tây Âu là 50%.

d) Tới nay hơn 1/2 số tiền do Mỹ đã cho vay hay cấp phát dưới hình thức viện-trợ kinh-tế cho các nước chậm phát-triển trên thế-giới đều đã dùng để mua các dụng-cụ hay sản-phẩm không phải do Mỹ sản xuất.

B.— Bất-đồng ý-kiến quân-sự.

Nói về vấn-đề quân sự của khối Tây Âu tức là nói về Minh-Uớc Bắc Đại Tây Dương.

Theo các báo Âu-Mỹ trong đó có tuần-báo Express ra ngày 17-12-59 tại Ba-lê thì trong năm 1949, khi mới có Minh-ước phòng thủ này, thì các giới quân sự chỉ muốn dự-trù có một đạo quân «nhẹ» làm bình-phong án-ngũ cho khu Tây Âu thôi.

Trong trường-hợp có cuộc tấn-công của Nga-Sô thì đạo-quân đó sẽ cầm cự tạm thời để đợi cuộc phản công chớp nhoáng bằng vũ-khí nguyên-tử của không quân Mỹ.

Song tới tháng 9-1949, sau khi xét thấy Nga-Sô cũng có vũ-khí hạt-nhân, thì tại hội nghị Lisbonne trong năm 1951 các hội viên của Minh-Uớc này đã thay đổi chiến-lược và đã dự-trù thiết-lập và điều động từ 60 tới 95 sư-đoàn bộ quân để chống đối lại với Nga-Sô. Số bộ quân đó lại được quyết định giảm xuống là 30 sư-đoàn trong tháng 12-1954 theo chiến lược thứ 3. Chiến lược này :

Minh-ước phòng thủ này đã được ký tại Hoa-Thịnh-Đôn ngày 4-4-1949 sau vụ bạo-động của Nga-Sô tại Prague.

1.— Các chiến-lược chiến-đấu

a) định vũ-trang dần-dần các sư-đoàn này bằng các vũ-khí hạt-nhân tùy theo số vũ khí nguyên-tử do Mỹ sản-xuất.

b) định hạn-chê phạm-vi chiến-tranh trong riêng khu-vực Đông-Âu thôi. Mà muốn đạt tới mục-tiêu đó thì nên sửa-soạn những cuộc tác chiến chiến-lược bằng vũ-khí hạt-nhân trong vùng phía đông sông Rhin...

Tới tháng 10-1957 sau khi Nga-Sô đã phóng được 1 vệ-tinh nhân-tạo Spoutnik bay quanh trái đất thì một chiến lược thứ 4 đã được đề ra mục-đích tăng cường mạnh-mẽ hơn nữa sức tấn-công vào các khu vực của địch.

Chiến lược đó gồm có kế-hoạch :

a) phân phối cho các nước Đồng-Minh của Mỹ một số tên lửa tầm trung-bình. Các đầu nguyên-tử của các tên lửa đó sẽ để dự-trù tại các cơ-quan phóng tên lửa và đặt dưới quyền kiểm-soát của Hoa-Kỳ.

b) sát nhập hẳn các đơn-vị Hải, Lục, Không-quân Quốc-gia riêng biệt vào các tổ-chức quân-sự của khối Bắc-Đại-tây-dương và phải đặt các đơn-vị đó dưới quyền kiểm-soát của một bộ Chỉ-huy duy nhất.

2.— Sự thiếu nhất trí đầu tiên : quân số thiếu kém

Theo các chiến lược kể trên thì mới đầu đã dự-trù cần phải có từ 60 tới 95 sư-đoàn — số sư-đoàn này đã rút xuống còn có con số 30 thôi trong chiến lược thứ ba.

Thế mà tới ngày nay Tướng Norstad mới chỉ vắn-vắn có 16 sư-đoàn thôi gồm có :

5 sư-đoàn Mỹ, 2 sư-đoàn 1/2 Anh, 5 sư-đoàn Đức, 1 sư-đoàn Pháp, 1 sư-đoàn Bỉ, 1 sư-đoàn Hòa-Lan, 1 trung-đoàn Gia-Nã-Đại.

Đội lập với lực-lượng đó, Nga-Sô có :

22 sư-đoàn Nga tại Trung Âu, 7 sư-đoàn Đức, 2 sư-đoàn Nga ở Ba-Lan; 4 sư-đoàn ở Hung-Gia-Lợi.

Hai sư-đoàn Lô-Ma-Ni.

Và 65 sư-đoàn tại Nga-Sô

Chính nước Anh kể từ đầu năm 1957 đã tự-ý rút quân Anh đóng tại phía sông Rhin từ 75.000 xuống còn có 55.000 quân thôi. Còn nước Pháp thì chưa bao giờ nước này chịu đưa 1/2 quân số đã dự-trù.

3.— Sự thiếu nhất-trí thứ hai : bất đồng ý-kiến về nguyên-tắc sát-nhập quân-lực

Việc quan-trọng nhất là việc sát-nhập các quân-lực phòng không.

Tuy tướng Norstad có quyền chỉ-huy toàn thể các Không-quân đóng ở Đức song tướng này không có quyền điều-khiển các đơn-vị Không-quân Quốc-gia đóng tại các nước hội-viên của Minh-Uớc này. Mà trong giai-đoạn hiện nay, phải áp-dụng chiến-thuật tác-động tự-động thì việc điều động quân-đội mới nhanh chóng được.

Theo Tướng Norstad thì phải sát nhập quân-lực 100% nhất là trên lãnh-vực không-quân. Hầu hết các nước khác đều tán đồng ý-kiến đó. Riêng có nước Pháp là không chấp-thuận.

Không những thế, Tướng De Gaulle đã bắt các đơn-vị không quân của Minh-Uớc rời khỏi nước Pháp và lại còn dự-trù triệu hồi về Pháp các đơn-vị không-quân Pháp đang đóng ở các căn-cứ không-quân tổng-hợp đặt dưới quyền kiểm-soát của Tướng Norstad.

Về Hải-quân cũng vậy. Theo một tin của Hãng Thông-tần Pháp ra ngày 15-3-59 thì hiện nay lực lượng Không-quân và Hải-quân của Đồng-Minh tại Địa-Trung-Hải (Allied Forces Medeterranéan) gồm có bảy khu quân sự trong đó :

a.— Hải quân Pháp phụ-trách khu phía Tây Địa Trung Hải

b.— Ba khu Gibraltar, Malte, Chypre do Hải-quân Anh kiểm soát

c.— Ba khu khác do Hải-quân Ý, Hi-Lạp và Thổ phụ-trách.

Theo những thỏa ước đã ký kết, khi có chiến tranh thì một phần lớn các lực-lượng của Hải-quân Pháp, Ý, Hi-lạp và Thổ phải tự động đặt dưới quyền kiểm soát và chỉ huy trực-tiếp của vị Chỉ-Huy tối cao — hiện là 1 thủy sư Đô-Độc Anh — đặt bản doanh tại Malte.

Tại Địa-Trung-Hải Pháp có :

a) Một hạm đội Thủy-quân gồm 1 tuần dương hạm De Grasse (10.000 tấn) và độ 75.000 tấn khu-trục-hạm, tiếm-thủy-đỉnh và các chiến hạm phụ thuộc...

b) Một hạm đội thủy-không-quân gồm có 3 Hàng-Không mẫu-hạm Bois Belleau, Lafayette và Arromanche

Theo các báo chí tây Âu thì từ tháng 3-

1959 tới nay Chính-Phủ Pháp yêu-cầu sửa-đổi các thỏa-ước về việc này lấy cơ rằng, trong trường hợp có chiến tranh, nước Pháp phải đặc-biệt có chiến hạm để tự bảo-vệ ưu-tiên các đường liên-lạc của Pháp với Algérie.

Theo báo Times thì lời yêu-cầu này là một chiều hướng thay đổi mới của Tướng De Gaulle đối với chiến-lược tổng quát của Khối Bắc-Đại-Tây-Dương.

4.— Hai lý-thuyết tương phản

Tại sao lại có sự mâu thuẫn như thế ?

Cũng theo báo Express ra ngày 17-12-59 tại Balê kể trên thì có hai lý-thuyết quân-sự khác nhau : một lý-thuyết của Hoa-Kỳ và một lý-thuyết của Pháp. Còn lý-thuyết của Anh thì gần như đứng giữa hai lý-thuyết Pháp — Mỹ.

Theo quan-điểm mới của Hoa-Kỳ thì nếu có một cuộc tấn-công tại Âu-Châu Hoa-Kỳ sẽ không bị bắt buộc phải ném bom xuống Nga-Sô.

Như vậy nghĩa là Âu-Châu từ nay trở đi không hi-vọng được bom nguyên-tử của Mỹ (Strategic Air Command) bảo-vệ nữa.

Ngày 21-4-1959 chính Ngoại-trưởng Christian Herter đã nói trước một Tiểu-Ban của Quốc-hội Mỹ rằng « Tổng-Thống Mỹ sẽ chỉ lôi kéo nước Mỹ vào một cuộc chiến tranh nguyên-tử toàn-diện nếu có bằng cơ rằng nước Mỹ sẽ bị oanh-tạc thôi..... »

Tất nhiên, lý-thuyết của Tướng De Gaulle đã đối-lập với lý-thuyết của Mỹ vì Tướng De Gaulle quan niệm rằng nước Mỹ phải can-thiệp và ném bom vào Nga trong bất cứ một cuộc chiến-tranh nào xảy ra ở Âu-Châu giữa một nước Tây Âu và khối Nga Sô...

Nếu không thế thì còn đâu là tình đoàn-kết nhất-trí trong khối Minh-Ước Bắc-Đại-Tây-Dương nữa ?...

III.— HỘI-NGHỊ TỐI CAO CỦA KHỐI TÂY PHƯƠNG

Từ ngày thứ bảy 19-12-59 cho tới ngày thứ hai 21-12-59 bốn cường quốc là Anh, Mỹ, Pháp, Tây-Đức đã họp hội-ng nghị Tối-cao của khối Tây Phương tại Ba-lê để :

— dung-hòa mọi quan-điểm dị-đồng đã ghi trong mục II trên lãnh-vực kinh-tế cũng như trên lãnh-vực quân sự trong giữa khối Tây Phương.

— Tìm hiểu rõ-rệt mọi quan điểm căn bản về mọi vấn-đề cần đem ra thảo-luận trong Hội-ng nghị tối cao sắp tới giữa Đông và Tây để tiến tới việc hợp-nhất-hóa các quan điểm đó.

Sau cuộc hội-ng nghị này ba cường-quốc Anh, Pháp, Mỹ đã cùng gửi thư mời Nga-Sô họp Hội-ng nghị tối-cao này.

Về quân sự những quyết-ng nghị của Hội-ng nghị tối-cao Tây Phương đã được thông-báo ngay cho Hội-ng nghị Minh-Ước Bắc-Đại-Tây-Dương lúc đó cũng đương họp ở Balê.

Còn về các vấn-đề kinh-tế thì hội-ng nghị đã quyết-định triệu tập một hội-ng nghị mở rộng vào tháng 1-1960 giữa các đại-diện khối thị-trường chung, các đại-diện các nước trong Tổ-chức Hợp Tác kinh tế tại Âu-Châu, nước Mỹ và Gia-Nã-Đại để :

— Cố-gắng hòa-hợp và thắt-chặt thêm tình đoàn kết giữa các nước trong khối thị-

trường chung và các nước khác trong tổ chức hợp-tác kinh-tế Âu-Châu.

— Tìm các phương-thức cải-tổ lại tổ chức hợp-tác kinh-tế này và định rõ chiều hướng mới của tổ-chức đó theo sát với thực trạng kinh-tế hiện nay tại Âu-châu, tại các nước khác trên thế-giới cũng như tại các nước chậm phát-triển.

Hội - nghị kinh - tế này đã họp ngày 13-1-1960 và đã thiết-lập ba Ủy-Ban để cứu xét các quan điểm và đề-nghị liên-quan tới việc cải-thiện tổng-quát mọi tương-quan kinh-tế giữa các Quốc-Gia trong khối Tây-Âu.

IV.— KẾT-LUẬN

Đề sửa-soạn Hội-Nghị Tối-Cao này khỏi Xã-Hội chủ-nghĩa hay là khỏi Hiệp-Uớc Varsovie cũng đã họp 1 hội-nghị Tối-cao của Đông-Phương mục-đích là phối hợp các quan-điểm của khối này.

Một đảng khác theo một nguồn tin của Thông-Tần Pháp thì Tổng-Thống NASSER

cũng dự-trù đề-nghị họp một Hội-nghị gồm các nước Trung-lập hay là các nước trong lược-lượng thứ Ba.

Hội-nghị Tối-cao giữa Đông và Tây có đem lại các kết-quả tốt đẹp cho Âu Mỹ và Thế-giới không ?

Dù sao, những việc mới sau đây như việc :

1—. Hoa-kỳ vẫn dự-trù trong ngân-sách tài-khoá 1960-1961 một ngân khoản là 57% (tức là 45, 6 tỷ) trong tổng số ngân-sách là 84 tỷ để sử-dụng vào các mục-đích Quốc-Phòng.

2—. Hoa-Kỳ mới ký Hiệp-Uớc Liên-Minh quân-sự với Nhật-Bản và do đó có thể võ-trang ngay quân-đội Nhật-Bản bằng những vỏ khí hạt-nhân, cũng như ở Tây-Đức,

3—. Nga-Sô đã bắn thử hai hỏa-tiên nhiều tầng tại miền Thái-Bình-Dương «cách quần-đảo Marshall độ 1000 hải-lý về phía Đông» ngay sau khi Hiệp-Uớc Liên-Minh quân-sự kể trên đã được ký-kết với Nhật-Bản, và việc Ô. Krouchev vừa mới qua thăm Ấn-Độ là những sự kiện mới làm cho các Quốc-Gia tại Á-Châu cần phải suy-ngẫm thêm nhiều.

✱

- ★ Không gì giỏi bằng hay bàn. (Hoàng-Thạch-Công)
- ★ Đã khôn mà còn hay bàn, hay hỏi, hay lo thì có việc gì làm mà không nên. (Gia ngữ)
- ★ Để tránh những chậm trễ khó tránh trong thứ tự giai tầng của tổ chức, ta có thể bước thẳng từ sở này qua sở khác, nhưng ta vẫn phải được phép của cấp trên, và, sau đó, phải báo cáo lại cho cấp trên.

HỘI-NGHỊ TÀI-CAO ĐÔNG TÂY

Với những hoạt-động và cố-gắng đã ghi trong mục II kể trên giữa Mỹ, Gia-Nã-Đại và các nước trong khối Tây-Âu thì khối này sẽ được hùng mạnh thêm trước viễn-tượng một hội-ng nghị tài cao sắp họp với Nga-Sô.

Hùng mạnh vì các phương-tiện và khả-năng quan-trọng sẵn có trong mọi lãnh-vực.... Theo tuần báo *Entreprise* ra ngày 14-11-1959 Nga cũng công-nhận mới đạt tới 55% tổng số sản-lượng Nông Công Nghiệp hiện nay của Mỹ.

Song... sự hùng mạnh đó sẽ được tăng cường và bền vững thêm lên nếu các cường quốc Tây-Phương tự-ý cố-gắng :

— Dứt bỏ được mọi mối xích-mịch, tỷ-hiểm tranh-chấp quyền lợi, tham lam và ích kỷ đã và đương làm chia rẽ nhiều lần hàng ngũ các quốc-gia đó.

2—. Thu hút được đông-đảo nhân-dân tại các nước chậm phát-triển nhất là các nước tại miền Nam Á-Đông bằng những chính-sách viện-trợ chân-thành sáng-suốt và hữu-hiệu hơn.

Mục-đích của các cuộc viện-trợ này sẽ không phải là để làm tăng thêm lợi-tức cho

một số gian thương đầu cơ trục-lợi thao-túng thị-trường hay là một thiểu số chính-khách hoạt-đầu tham nhũng và thối-nát...

Mà mục-đích đó phải hướng về chỉ-tiêu căn-bản là :

— nâng-cao đời sống của giới cần-lao, một giới đã chiếm từ 90 tới 95% trong tổng số dân số tại các nước tại miền Nam và Đông-Nam Á-Châu.

Về Âu-Châu cũng tương-tự như vậy...

Ngay theo một số các nhà bình-luận chính-trị của Tây-Âu thì ngày nay cuộc thê đã đổi thay rồi.... và Minh-Uớc Bắc-Đại Tây-Dương cũng phải theo trào-lưu mà thay đổi tổ-chức, phương-thức và phương-tiện tranh-đấu....

Cuộc tranh đấu mới này sẽ phải tiếp-diễn không những bằng xe tăng hay hỏa-tiễn nguyên-tử....

Mà còn phải tiếp-diễn nhiều bằng các máy cày... máy kéo.... máy phát điện và những dụng-cụ sản-xuất nông công-nghiệp trên mọi lãnh-vực kinh-tê nữa...

NGHIÊM-PHÚ-LƯU

Tôi sợ người đọc một sách

Thánh Thomas d'Aquin có nói một câu chỉ giá trị của một người đọc ít mà hiểu nhiều. Đó là câu : « *Timeo hominem unius libri* » (Je crains l'homme d'un seul livre, tôi sợ người đọc một sách). Tuy nhiên, vẫn có người hiểu câu trên theo nghĩa sau : Tôi e ngại người đọc ít sách, vì người đọc ít sách thường hay cố chấp.

ÚC VIÊN THI THOẠI

郁園詩話



TÌM DẦU BẠCH - MẠI THI - XÃ

NGÀY nhỏ, ở Hà-Tiên, học thơ tiên-bồi, tôi đã lưu ý nhiều đến bài thơ *Vịnh Chùa Cây Mai* của Tôn-Thọ-Tường. Bài thơ này đã ghi được một sự-kiện lịch-sử, buổi giao-thời: Những lạ-lùng thô-bạo của Tây-phương đã ào-ạt tràn ngập tàn phá những quen-thuộc êm-đềm của Đông-phương, riêng là của Việt-Nam, để rồi, nó thay thế vào, chiếm giữ đó, dần-dần, xóa-nhòa, tiêu-diệt hết dấu xưa vết cũ của tiền triều.

Là một điều thương-tâm cho người

chứng-kiến cảnh tang-thương biến-đổi. Thương-tâm vì là liên-quan cũng có, thương-tâm vì là trách-nhiệm cũng có, nhưng thương-tâm nhất là đành cam thất thế, đứng nhìn cảnh quốc phá gia vong, mà không phương cứu vãn. Chỉ rắp xoay trời đổi đất, nhưng anh-hùng mặt lộ, vẫn là thường.

Thi-nhân vốn là loài giàu tình-cảm, dễ ưu-hoài, ngoài nỗi đau lòng chung của thế-nhân, lại còn nỗi đau lòng riêng của loài thơ, nỗi đau lòng riêng của kẻ có một tâm-sự cô-độc mình biết, mình hay.

Thi-sĩ Tôn-Thọ-Tường đã bị đặt mình đúng vào vị-trí đứng nhìn cảnh đau lòng mắt nước.

Dẫu rằng, vì một lẽ này, hay vì một lẽ khác, Tôn đã đi theo với người mới đến rừ-rê, nhưng mà, đôi với cảnh cũ niềm xưa, lòng thi-sĩ vẫn đau-đớn y như mọi người đồng-bồi.

Bài thơ *Cây-Mai* của Tôn-Thọ-Tường nói lên được nỗi thương-tâm của người nghệ-sĩ, trong giai đoạn lịch-sử thương-tâm.

Bài thơ, vì thế, khiến cho người đọc dễ cảm-thông tâm-sự.

*Cảm cảnh Cây-Mai cách dưới đèo
Mười phần trong sạch phận chèo-leo
Sương in tuyết đọng cành thưa-thớt
Xuân tới thu về nỗi quanh-lưu
Lặng-lẽ chuông quen con bóng xế
Tò-le kèn lạ mặt trời chiều
Nhưng tay rượu thánh thơ thần cũ
Trông cảnh bao nhiêu, tiếc bấy nhiêu.*
(thơ TÔN-THỌ-TƯỜNG)

Ngày nhỏ, đọc vậy, yêu thì yêu vậy, xa-xôi lắm, Cây Mai nào biết ở đâu đâu.

Tiên bá-phụ tôi, Hữu-Lân Lâm tiên-sinh có một người dưỡng-tử tên là Trần-Phước-Phận. Anh Trần người nguyên quán Chợ-Lớn, công chức ty quan-thuê, từng sự ở Hà-Tiên, vì cảm mến phong-vận của Bác tôi mà xin vào làm con nuôi. Vì thế, nên tuy ở vai anh, mà anh Trần lớn tuổi hơn tôi nhiều.

Mỗi lúc cuối Chạp sang Giêng, tôi rủ anh lên nền Sơn-Xuyên, Xã-tắc trên núi Bình-San thưởng hoa bạch-mai.

Ít thì cắt vài ba cành cắm bình chơi Tết, cùng nhau làm thơ để vịnh. Nhiều thì hái cho Bác tôi ướp trà. Hoa mai trắng ướp trà, hương ngát lạ lắm.

Có một năm, chúng tôi đồn được cả một gốc to, hoa nở cực thịnh, mang về cho chiêm cả một gian thảo-đường. Tết đó, bác tôi khai bút bài thơ Hán thật tuyệt :

*Ngọc vi cốt-cách tuyệt vi thần
Cảo-cảo phương tư khí tượng tân
Mạc đạo thử thời Du-lãnh thịnh
Tọa gian tiên chiêm nhất chi xuân*

Trong câu chuyện về hoa mai, tôi nhận thấy, miền Nam này, giống hoàng-mai có rất nhiều, mà giống bạch-mai, thì chỉ ở núi Bình-San Hà-Tiên có mà thôi. Đây có lẽ là giống bạch-mai miền Lĩnh-Nam nước Tàu mà họ Mạc đem giống về trồng quanh đàn tề Sơn-xuyên Xã-tắc. Nay còn sót lại. Không biết ở địa-phương nào khác có nữa hay không.

Bây giờ, anh Trần-Phước-Phận mới kể chuyện Chợ-Lớn của anh. Anh nói : Ngày nhỏ, còn ở Chợ-Lớn, mỗi dịp Tết, thầy linh Tây ở trong đồn Cây Mai cắt những cành bạch-mai đem đến các tiệm người Tàu đổi lấy rượu lấy bánh về ăn Tết. Người Tàu lấy làm quý lắm. Vì ở Sài-gòn Chợ-Lớn chỉ toàn một giống mai vàng, rất thường.

Chuyện đó nhắc tôi nhớ, hỏi anh thêm về Chùa Cây Mai và bài thơ Cây Mai của Tôn-Thọ-Tường. Anh cũng không biết được gì hơn. Vì là nơi linh « sấn-đá » đóng đồn, người thường làm sao vào đó được,

Sau hơn một chút, thỉnh-thoảng có dịp đi Sài-Gòn, khi xe đồ Lục tỉnh qua khỏi Phú-Lâm, ngó về bên trái, nhìn thấy một cái đồn cao. Chung quanh, tường thành bao-bọc. Trước đồn, dưới churn cột cờ tam sắc, cây cỏ cắt xén ngay ngắn. Hai chữ CÂY MAI kẻ nét bằng lá sừng, màu hung đỏ, nổi bật trên nền cỏ xanh trải thoải-thoải theo sườn đồi. Miệng bỗng tự nhiên nhẩm đọc thơ Cây Mai của Tôn-Thọ-Tường mà mắt nhìn lên đồn, cho đến khi xe chạy qua khỏi.

Sau ít lâu nữa, được đọc cuốn *Tôn Thọ-Tường* của Khuông-Việt. Tác-giả đã nói nhiều hơn một chút về Cây-Mai này.

Xin chép cả như dưới :

«...Về Gia-Định, Tôn vẫn sống cuộc đời thanh-đạm,thong-dong và vẫn lấy văn-chương làm thú. Tôn có cùng vài bạn tri-ký lập ra một tao-đàn lấy danh hiệu là «Bạch-Mai thi-xã», vì

thường tụ họp nhau nơi chùa Cây-Mai, trong Chợ-Lớn mà ngâm vịnh.

«Họ cũng khéo lựa nơi tiêu-khiến: « Trên ngọn trái đồi con, dưới bầu trời xanh mát, một nền cỏ-tự rêu phong, gạch bể, quyết cùng tuề nguyệt so gan. Ba chữ « Mai-Sơn Tự » trên khung cửa cổng đồ nát, nhắc khách thừa-lương nên quý trọng nơi tĩnh-mịch của người mộ đạo.

« Đền mùa mai nở, cả đồi là một bức tranh vẽ toàn hoa trắng lá xanh. Lại thêm xa tận chân trời, cánh đồng lúa chín bao la, rộng rãi chẳng khác chi một tấm thảm nhung hồng, dập-dờn như sóng gợn, dưới ngọn gió chiều nhẹ thoảng. Hương của hoa mai hòa hợp cùng mùi thơm của lúa, thêm phần quyến-rũ cho cảnh Chùa Cây Mai, một nơi khoáng đạt tinh-thần, dễ khiến thi-sĩ văn-nhơn lai-láng hồn thơ, chứa-chan tình cảm.

«Trong những cuộc họp mặt rất tao-

★ Hành động muốn có kết quả phải có tổ chức, mà muốn tổ chức, cần phải có thứ bậc trên dưới phân minh. Mỗi người phải cộng tác để đạt tới mục tiêu, song người nào phải ngồi vào chỗ nấy.

Nên hết sức tránh những tình trạng mập mờ trong đó hai người cùng làm chung một việc, cùng có một thứ quyền hạn đối với cùng một số người và nghĩ rằng hai người đã thương mến nhau, đã tín nhiệm nhau và cùng chăm lo một công việc như nhau thì không cần phải phân chia trách-vụ nữa. Ảo giác đó sẽ không bền lâu. Trước hai người còn thấy phiền hà nhau, rồi đi đến tức tối nhau, sau hết đâm ra giận dữ nhau.

nhã của nhóm «Bạch-Mai», Tôn-Thọ-Tường mới có dịp sao lãng dạng nổi cam go của thân thể và sự túng bần của gia-đình. Tiếc vì thơ văn của tao-đàn ấy không còn lưu truyền, nên ngày nay, ta không thể biết rõ thêm dạng vẻ phần tinh-thần của Tôn-Thọ-Tường thi-sĩ...

« Về sau, khi ba tỉnh phía Đông xứ Nam kỳ đã thuộc Pháp, Chùa Cây-Mai dạng xem như một yếu điểm cho sự dụng binh, nên người Pháp mới lập nơi đó một đồn lính, nay hãy còn. Tôn Thọ - Tường vì nhớ cảnh cũ người xưa, có làm một bài thơ vịnh Chùa Cây-Mai...» (1)

Qua ngòi bút văn-hoa của tác-giả, lòng tôi càng băn-khoăn mong ước được nhìn tận mắt cảnh *Mai sơn tự*, nhất là nhìn tận mắt «Cây Mai cách dưới đèo»

Đó là từ 1942-1944 về trước, tôi ít có dịp ở lâu Sài-Gòn. Có dịp nào qua chơi, qua buôn bán, qua chữa bệnh, chỉ trong đôi ba ngày, cũng không làm sao có phương thể để vào được, vì một lẽ khó-khăn cũng như lời anh Trần ngày xưa, là đồn lính Tây chiếm đóng, thì làm sao đến đó, dầu là đến lăm-cổ tám-u.

Sau 1945, tôi chạy lên đây. Nhưng trong mấy năm miền Nam kháng chiến, vì quân đội viễn-chinh Pháp đổ bộ trở lại, thì Đồn Cây-Mai này càng là nơi yếu-diểm quân sự. Việc canh phòng giữ gìn càng cần mật. Vào Đồn

chơi, quyết là càng rất khó-khăn. Đã mười lăm năm, ở gần đây, lúc nào cũng nghĩ nhớ đến Đồn Cây Mai mà không dám nghĩ đến việc vào Đồn.

Ý nghĩ tị-hiểm nghi-ky đó đã thành nếp. Cho nên, từ lâu nay, Đồn Cây Mai, dầu đã thuộc về quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa trấn giữ, mà lòng mình cứ còn e-dè y như hồi còn Pháp chiếm. Mỗi khi qua Đồn, cũng cứ lăm-lét đứng nhìn, xa-xôi ngùi-ngậm, và cũng không dám nghĩ tìm cách nhờ ai đưa dẫn vào chơi. Đó, có lẽ, là do bản tính nhút-nhát của người văn-hóa đối với vũ-hóa, hề thấy chỗ nào có súng ống có quân canh là cứ muốn tránh xa.



Hôm mồng hai Tết Canh-Tí này, vào Chợ-Lớn chơi với bác Lê-Ngọc-Trụ đem chuyện Cây Mai hỏi bác. Thì ra, tuy sinh-trưởng ở Chợ-Lớn, gần-gũi đây, mà bác cũng không biết gì hơn mình ở Lục-tỉnh xa xôi. Nhưng bác có kể thêm một chuyện về Cây Mai :

Hồi khoảng binh viễn-chinh Pháp chiếm Đồn, mỗi dịp Tết, họ cắt ít cành mai nở tốt, đem đến các tiệm người Tàu, nói lảng-nhăng mấy tiếng chúc lành đầu năm, cũng không cần thông - ngôn ; người chủ tiệm tưởng là họ mang hoa mai đến bán, đưa tiền cho họ. Họ nhận tiền xong, lại ôm cành mai đi «chúc Tết», ở tiệm khác nữa. Thì ra, họ cũng biết quý xót «cành hoa thiên kim» mà không bán đứt cho «phường lái buôn». Họ chỉ nhờ để đổi lấy phong-bao đồ lì-xì, rồi lại mang đi.

(1) Sách *Tôn Thọ-Tường* của Khuông-Việt. Viết xong năm 1941 — In tại nhà In Ngày Nay, Hà-Nội — 1942 — Trang 28-29)

Không biết, đó là vì người lính mới Liên-hiệp Pháp ngày nay khôn ngoan hơn người lính cũ Thuộc-địa ngày xưa, hay đó là vì Cây Mai trong đồn, đã càng « thừa thớt » hơn, không đủ cung cấp cho người đối chác. Khiến họ phải nghĩ đến giải pháp dè xèn. Chép lại đây để ghi một hận sự cho loài danh hoa và cũng để ghi một cảnh ba-đào của xã-hội.



Hôm đó, tôi có đề-nghị với bác Lê-Ngọc-Trụ, nhờ bác Vương-Hồng-Sên lấy tư-cách là Giám-độc Viện Bảo tàng đưa đi thăm cô-tích.

Y hẹn, đến 11 tháng Giêng này (Chủ nhật, 7-II-1960) thế nào cũng phải vào cho được, bởi tôi kinh-nghiệm, giống bạch-mai, ở Hà-tiên, có nở hoa là chỉ nở nhiều, trong khoảng đầu Giêng này mà thôi.

Đến ngày ước, bác Vương-Hồng-Sên bận, không đi được. Tôi đành một mình vào tìm bác Lê-Ngọc-Trụ. Bác Lê, cùng bác Phạm-Văn-Luật, đưa tôi đến chơi Chùa Gò, cũng gần Đồn Cây Mai, hi-vọng tìm ra dấu-tích nào của Chùa Cây-Mai xưa chẳng. Đến nơi, thì Chùa Gò có biển đề phân-minh là *Phụng-Sơn tự*, chứ không phải là *Mai-Sơn tự*. Hỏi các vị trụ-trì Chùa Gò thì không biết gì hết về Chùa Cây-Mai.

Chùa Gò rộng-rãi cảnh trí tinh-mịch u-nhàn, có cây có đá, cho còn thấy được khí-vị thiên-môn.

Tôi nói với bác Lê là chúng mình

nên rủ nhau vào những nơi thiên-viện ăn chay để bàn văn-chương mà thú hơn là rủ nhau vào cao lâu tửu quán. Vì tôi chủ trương « phi đạm-bạc vô dĩ minh chí, phi ninh tĩnh vô dĩ trí viển ». Bác Lê-Ngọc-Trụ cười bảo là chắc ít ai tán thành đề nghị đó.



Vợ-vân ở Chùa Gò đến quá bữa cúng ngọ, mà cũng không hỏi ra dấu tích Chùa Cây-Mai. Khi từ giã trở ra, tôi bàn với bác Lê-Ngọc-Trụ, thôi thì đi phứt vào Đồn Cây-Mai, chứ đợi đến chủ-nhật sau, nếu mà bác Cả Vương lại bận-bịu nữa, dãn-dà, hoa-sự liễu, có vào được nữa, cũng đến nhìn cảnh « lục điệp thành âm, tứ mãn chi » thì buồn lắm.

Bác Lê nhất định không chịu vào, vì bác nói muốn vào « cầm địa » mà bọn mình « tay trơn » thì biết « người ta » có cho vào hay không. Trên đường về, ngo-ngần, qua trước Đồn Cây-Mai, tôi cứ liếc thứ vào xem.

Đến cổng Đồn, thầy biên để mới biết, Đồn đã dùng làm trường huấn-luyện cho một ngành quân-sự. Hỏi thăm anh quân-nhân canh cổng thì, may mắn quá, Giám-độc trường là một vị sĩ-quan từng biết tiếng nhiều, trong giới văn-hóa.

Tôi xin vào yết-kiến, và ngỏ ý muốn nhìn thầy tận gốc Cây-Mai lịch-sử.

Nhân hôm nay, chủ-nhật, trường nghỉ hoạt-động, ông Giám-độc bận có

khách, truyền lệnh cho một viên Thượng-sĩ trẻ tuổi đưa tôi đi.

Tôi và viên Thượng-sĩ, leo lên một con đường dốc, quanh ra sau Đồn, lại trèo lên một mô đất có xây đá bao quanh. Viên Thượng-sĩ chỉ cho tôi : Một gốc cây già cỗi, cao độ năm sáu mét, cành còi cọc, lá xanh già, phẳng-phất hình trạng lá cây mù-u, đương có rất nhiều lộc non mới nảy. Đích-thị là giống cây bạch-mai quen thuộc ở Hà-Tiên.

Tôi trèo lên mô đất, đèn đứng sát vào gốc Cây Mai, nhìn lên, có cảm-giác như được nhìn cả một dĩ vãng thân mến, như được đứng gần một cô-nhân đã từng quen thuộc, thân mật tự bao đời.

Tôi hỏi viên Thượng-sĩ, có còn gốc mai nào quanh đây nữa không, thì Thượng-sĩ trả lời là từ hồi vào Đồn, chỉ thấy độc có mỗi một cây này. Tôi đứng nhìn quanh, cũng có nhiều cây còi khác, nhưng không thấy có cây mai thứ hai thứ ba nào, quả như lời Thượng-sĩ đã nói.

Không biết anh Khuông-Việt đã căn cứ vào tài-liệu nào mà viết đoạn văn đã dẫn ở trên.

« ... Đến mùa Mai nở, cả đồi là một bức tranh vẽ toàn hoa trắng lá xanh... »

Đọc đoạn văn trên đó, chúng ta phải nghĩ : Ở đây là cả một đồi mai, cả một rừng mai, chứ không phải là một cây mai. Cũng có thể, trước khoảng năm Kỷ-Mùi — Canh - Thân (1859-1860) là bắt đầu những hung-niên quốc-biến ở miền Nam, thì đây

là một đồi mai, một rừng mai, trong đó ẩn-ước một ngôi chùa, tức là Mai-Sơn tự. Nhưng sau khi đó, ngôi chùa bị địch-quân chiếm-đóng để làm cứ-điểm xuất-phát đánh lên đồn Chí-hòa, thì bây giờ nhiều cây mai mới bị đốn bỏ đi, để lấy chỗ xây đắp đồn lũy, mà chỉ còn sót lại có một cây mai. Nếu thế, thì sao mà họ lại để dành làm chỉ có một cây mai này ?

Tôi nhớ lại bài thơ của Tôn Thợ-Tường mở đầu bằng câu :

Cắm cảnh Cây Mai cách dưới đền

thì tôi có thể suy luận được là trước sau, xưa nay gì, ở đây cũng chỉ có mỗi một gốc mai này mà thôi, chứ quyết không có nhiều hơn. Bởi chữ « *phận cheo-leo* » ở câu thứ hai, trong bài thơ, đủ để chứng-minh cho điều suy-luận của tôi.

Mà nghĩ như : *Thế-thượng vô-song phẩm, nhân-gian đệ nhất chi*, Cây Mai sở dĩ quý, quý là vì mình bằng chất ngọc, chỉ có một thân-phận cheo-leo, trong đất trời gió bụi, khói lửa phũ-phàng. Chứ nếu là bạt ngàn sầm-uất, hoang rậm núi đồi, như giả-thảo nhân-hoa, thì còn quý gì mà quý, đến khiến cho tao-nhân mặc-khách phải than tiếc cảm thương.



Viên Thượng-sĩ bảo rằng từ khi đến đây, chỉ thấy toàn lá là lá, không từng thấy có hoa nào.

Tôi ngùi - ngậm, đứng ngó mong quanh đồi.

Tôi lại thơ-thẩn bước quanh gốc

mai, thử làm lại dáng-điệu «phủ cô tòng nhi bàng-hoàng» của Đào-Tiêm. Một luồng gió âm phảng-phất. Một làn hương nhẹ thoảng qua. Tôi buột reo lên :

— Đúng là mùi hương bạch-mai rồi. Chúng ta cố tìm xem. Thế nào rồi cũng gặp.

Tôi và viên Thượng-sĩ bèn hết sức chú mục nhìn lên, tìm trong các chòm lá rậm. Thì quả nhiên, trên một cành già, nép dưới mây lá nõn mới chồi, năm ba điểm ngọc trắng tinh, e-dè hé nụ.

Từ dưới nhìn lên, tôi đứng lặng tẩn-ngần, tâm-thần ngơ ngẩn, hoang mang, như vừa tỉnh mộng.

Viên Thượng-sĩ, không biết nghĩ sao, chạy ra bờ tường, đem vào một cái thang tre, trèo lên, với ngắt lấy cành hoa, tôi đưa tay lên đón lấy.

Tôi cầm cành hoa, trân-trọng đưa

lên ngang tầm mắt, âu-yếm nhìn. Năm ba bông hoa đã nở, năm ba hầy còn phong nhị.

Hương hoa trộn trong hương nắng âm gây một mùi ngây-ngất.

Hình ảnh êm đẹp xa xưa tưởng đã mất đâu rồi, nay bỗng tìm thấy lại. Đã gặp lại rồi đây, tâm hồn, ân ái cũ nghìn xưa.

Nưng-niu trên tay, mắt nhìn âu-yếm ; ôm ấp vào lòng, mũi kề tiếp xúc làn ngọc-cốt băng-cơ.

Hương danh-hoa đó là mùi thơm lạ của hương trời ; kẻ phàm tục nào lại đem so sánh với hương phấn son da thịt của giai-nhân.

Tôi đọc lại bài thơ cũ :

*Cắm cành Cây Mai cách dưới đèo
Mười phần trong sạch phận cheo leo...*

Than ôi ! Một tâm-sự đáng thương, vì chắt ngọc hồn băng muôn phần trong sạch, nhưng mà tay định-mệnh

★ Khi bắt tay vào những chức vụ chủ não, ta mới thấy rõ chức vụ đòi hỏi những trách nhiệm nặng nề và những đức tính phi thường và mới thấy mình còn thiếu sót nhiều điều. Bị giới hạn trong thời gian, trong không gian, trong kiến thức, trong khả năng, ta thấy rõ sự cần thiết phải liên kết với nhiều người khác để bổ túc cho mình. Phải liên kết để bổ túc là sự cần thiết, nhưng với điều kiện là các cơ quan thuộc quyền một chức vụ phải do một người duy nhất phát lệnh và phối trí.

Một mình coi, không bằng cùng coi với nhiều người, sáng hơn ; một mình nghe, không bằng cùng nghe với nhiều người, suốt hơn. (Hàn thi ngoại truyện)

khe-khắt xô ngã vào cánh ngõ éo-le. Cũng như cây mai nọ, một thân sương tuyết cheo-leo đứng trơ-trọi dưới đèo mà cảm cảnh.

Tôi đã từng đọc thơ *Tôn-Phu-nhơn* *quí Thục*. Qua bài thơ nọ, tôi đã từng phải ghét giận giọng trăng-tráo liễu-linh của họ Tôn.

Hôm nay, qua bài thơ *Cây Mai* này, cùng một tác-giả, tôi tự-nhiên bỗng thấy cảm-thương đau xót cho nhà thơ tiền bối biết bao nhiêu.

Là tôi cảm-thương cho hương sắc hoa mai, đã trải qua bao màu thê-lương thắm-bạch, hay là tôi cảm-thương cho bao nhiêu tâm-trạng náo-nùng của nghệ-sĩ *Bạch-mai thi-xã*, trong cảnh lạc-hoa tàn-nguyệt, phong vũ tiêu-diêu, hay là tôi cảm thương cho tâm-sự của thi-sĩ *Tôn thọ-Tường*.

Tâm-sự họ Tôn là tâm-sự của đứa con hoang thời-đại; là tâm-sự của kẻ độc-hành, mang nỗi đắng cay chua xót, mà không làm sao phân-trấn bực-bạch với xưa sau.

Lầy *Cây-Mai* làm đôi-tượng, trăm năm trước, *Tôn-Thọ-Tường* đã khóc thương tâm-sự *Bạch-mai thi-xã*, vừa cũng để khóc thương tâm-sự cho mình. Thừa chữ sẵn lời, áng thơ kia đủ náo-nuột lâm-ly, khiến đọc đến còn thôn-thức ngậm-ngùi.

Trăm năm sau, cũng lầy *Cây Mai* này làm đôi tượng, muốn khóc-thương biền-bạch, minh-oan, chiêu-tuyết cho tâm-sự *Tôn-Thọ-Tường*, chúng ta thấy khó khăn bởi-rời đến nghẹn-ngào.

Phương-tâm tịch-mịch ký hàn-chi, chút lòng thơm vắng-về đành cứ gởi trên cành sương lạnh-lẽo, «quanh-hiu xuân tới thu về.» Để đèn đôi, hoa hé ngập-ngừng cho lệ thương-xuân khô-héo, hương vương u-uất, xui hỗn cảm-cựu băng-khuâng. Thương xót lắm! Cánh hoa rụng, tiếc không chọn nhảm đất sạch!



Tôi và viên *Thượng-sĩ* cùng nhìn lên cỗi mai già một chút lâu. Tôi nói :

— Chúng ta đang cầm tay mây hoa nọ, thì trên các cành cao cao kia, tất sẽ còn hoa nở nữa, chứ chưa hết đâu.

Năm nay, thời-hầu đèn trể. Tiết tiểu-hàn, tiết đại-hàn đều lọt vào đầu và cuối chạp, mồng tám và hăm ba. Tiết lập-xuân mới vừa qua hôm kia, mồng chín Giêng. Hoa-tín-phong, vì thê, thối chậm những nửa tháng. Lại thêm, có ba trận mưa giao tiếp cuối năm sang đầu năm. Độ này, sương đêm xuống nhiều quá, thời tiết càng lạnh, hoa mai càng dễ phát sinh.

Các anh em binh sĩ ở đây hãy còn có dịp thưởng hoa lâu nữa. Anh em hãy thử chờ xem.



Chúng tôi lững-thững bước xuống mô đất trở về. Tìm quanh không thấy dấu vết nào của *Mai-sơn* tự. Duy được hôm nay vắng-về, cảnh viên-môn mà có phong khí tịch-mịch như cảnh thiên-môn.

Bước bước về, tay cầm cành hoa mai mà lòng cứ những lưu-luyến bàn hoàn không muốn dứt.

Nếu tôi là thi-nhân, tôi đã làm được những bài thơ dài với những tên như : « *Quá Mai-Sơn-tự cổ-chỉ hoài-cổ* » hoặc « *Điếu Cổ Mai-Sơn-tự* » hoặc « *Tám sự trăm năm với cội mai già* », hoặc « *Từ Chùa Cây-Mai đến Đồn Cây-Mai* », chẳng hạn.

Tôi sẽ nói lên hết bao nhiêu những gió trắng hoa mộng, cũng như bao nhiêu những máu sắt phong yên mà gò Mai-Sơn này đã đứng đây chứng kiến, khoảng trăm năm, từ 1859-1860, cho đến năm nay, 1959-1960. Suốt một thế-kỷ to lớn của Lịch sử rồi đây.

Bao nhiêu dĩ-vãng đã trôi qua. Đã bao phen thay triều đổi họ. Lâu đài cũng đã là lâu đài, mà ngành đầu chớp mắt, thương hải chứa tang điền, nhanh chóng cũng đã là nhanh chóng quá.

Tôi sẽ say-sưa tả vẽ lại bao nét linh-

động từ khi cánh hoa mai, ở đây, đã từng rơi hương nhả ngọc vào ao mực nghiên son, đã hòa lẫn hương trời sắc hước vào men rượu khói trà, đã gây nên bao nhiêu cảm-hứng tuyệt vời, trong cuộc hào-ngâm thắng-thường, cho những tay «rượu thánh thơ thần».

Có ngờ đâu, một mối xa thư gây nát, « *cổ cây mấy dặm sầu giăng* », Chùa Mai-Sơn, cũng như « *Chùa Lão-Ngô, năm canh đông lạnh, tám lòng son gởi lại bóng trăng tròn* ».

Rồi thì, ở đây, hoa mai này cũng đành để cánh ngọc hương thần cho gót sắt của Đê-quốc xâm-lăng dầy xéo, mình ngà vóc ngọc cho tay lang sói phũ-phàng.

Máu gió hôi tanh đã hoen ô tấm lòng trinh bạch.

Than ôi ! *Danh hoa linh-lạc vũ trung khai*, nghĩ mà kinh-hoàng thay cho

★ Phàm người lãnh đạo phải có một bộ tham mưu đem lại cho mình mắt, tay, chân, tai, óc để có thể gia tăng phương tiện thấy, viết, nghe, học. Song dù dưới hình thức nào, những người ấy cũng chỉ có thể đóng vai cơ quan phụ giúp cho một người chủ não. Việc người chủ não ủy quyền hành chủ não của mình cho một trong những người phụ giúp mình là một việc nguy hiểm ; người ấy có thể ký kết thay mình, nhưng không thể chỉ huy thế mình.

Fayol cho rằng khi người giám đốc vắng mặt, người thay thế phải là người phó giám đốc chứ không phải là một người trong bộ tham mưu.

bao ánh nhược chắt diễm-kiều, lỡ sinh giữa thời ly-loạn

Rồi, cũng ở đây, từ đó, gió sớm trắng khuya, xương mai gãy-gỗ, phẩm tiên rơi đến tay hèn, thì cảnh xuân đành để cho người chuyên tay, tay hung bạo, tay tham tàn nào mà không đem dày-vò đôi chác được, giữa chợ trần-ai ong bướm chán-chường.

Rồi, cũng ở đây, rất gần đây, hoa mai lại được hôn-hở đón gió vịnh-quang kháng-chiến, nở nụ chiến thắng huy-hoàng. Chim gió reo vui hoa lá tung bừng. Núi tanh sông đục, chừ đây, sông núi lại trong xanh, để cho giữa trưa hôm nay, một người thanh-niên binh-sĩ và một kẻ lão-đại thư-sinh được ung-dung đến cúi đầu đưa tay nường hứng lấy sắc cũ hương xưa, hương sắc thần-tiên của chùm hoa đất nước.

Chật ngọc hồn băng tường đã nhàu nát tan tành, mà sung-sướng thay, hãy còn nguyên vẹn. Thiên-thư định phận, trăm năm gương vỡ lại lành.

Một giọt nước mắt cảm-khái, xúc-động bởi vui mừng, tự-nhiên nhỏ giọt trong lòng hoa dân-tộc...

Và còn hơn nữa, còn nhiều hơn nữa, há chỉ có bấy nhiêu sao. Tôi không nói lên được, tôi nức nở,

nghe-nghào. Trong lòng bút, mực dân gniếm tâm-tức. Thi-hứng của tôi khô khan quá, chữ nghĩa của tôi nghèo-nàn quá, bởi tôi không là Đỗ-Phủ, tôi không là Hugo.

Tôi không làm nổi một bài thơ vĩ-đại cho Gò đất lịch-sử này, thì ai còn gọi tôi là thi-sĩ mà tôi dám nhận, là tôi không biết thẹn-thò.



Trở về văn phòng Thượng-sĩ, xin một ly nước sạch, cắm vào đó, cành hoa mai mới ngắt, ân-cần gởi lại lời cảm tạ vị giám đốc trường. Xin tờ giấy, viết mấy lời từ tạ :

Thiếu-tá, phạm tiên-sinh thanh-giám ?

*Ngẫu qua quân thứ phòng mai phát
Chiết tặng Giang nam xuân nhứt chi
Chốn quân-thứ, hoa mai vừa chợt nở
Cành Giang-nam, xuân bẻ tặng cho ai.*



Trên đường từ Chợ-Lớn về Sài-Gòn, tôi có nghĩ họa năm vận : *dưới* *đèo, cheo leo, quanh-hiu, trời chiều, bấy* *hiều,* nguyên vận của Tôn Thợ-Tường, tôi chưa muốn vội nói ra đây. Xin hẹn ở Úc-Viên thi-thoại một kỳ sau,

ĐÔNG - HỒ

*Ức-viên, Nguyên-tiêu, Canh-Ti
11-2-1960*

★ Một trong mỗi chăm lo cốt thiết của người chủ nã là biết đặt mỗi người mình có quyền sử dụng vào đúng chỗ của họ. Biết đặt người vào đúng chỗ là khi đặt người nào vào chỗ nào, thì người ấy cảm thấy dễ chịu và làm nên công, nên việc ngay.

Thư-Quán XUÂN-THU

185/193 đường Tự Do Saigon — Đ. T. : 20.051

Đầy đủ :

- Sách, Báo quốc tế
- Dụng cụ văn phòng

Đồng hồ Mỹ TIMEX

Đúng Chắc Đẹp

Bán ở khắp các tiệm đồng hồ và tại
VIỆT-NAM KHUÊCH TRƯƠNG KỸ-NGHỆ
ĐỒNG HỒ CÔNG-TY

176, Hai Bà Trưng — SAGGON

VOYAGEZ PAR QUADRMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL : { 22.102
SGN. 34

BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM

VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG NGÂN - HÀNG

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

Địa-chỉ : 40-48 đường Ngô-dức-Kể Saigon

Địa-chỉ mới kể từ ngày 1-7-59 :

góc Đại-lộ Hàm-Nghĩ (93-95) và đường De Lattre de Tassigny

Điện - thoại : 21.558 - 21.559

Địa-chỉ điện-tín : Vietnambank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa-chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu

Các cuộc
vận-động ngoại-giao
với các
cường-quốc
của triều Tự - Đức

PHAN-KHOANG

TRONG một bài trước (B.K. 72.) bàn, về các công cuộc cải cách duy-tân dưới triều Tự-Đức, chúng tôi đã nhận thấy rằng từ khi người Pháp lấy ba tỉnh Nam-Kỳ, vua tôi vua Tự Đức đã lo nghĩ đến việc kết giao với các cường-quốc để mong giải thoát hoặc gỡ rối cho nước nhà nhiều hơn là thực hiện những cuộc cải cách duy tân để mưu linh sự thịnh-vượng cho tương-lai của dân-tộc.

Kết giao với các cường-quốc, ngoài nước Pháp, để cầu viện, để học hỏi, và cho thực hành những cải-cách, duy tân để binh mạnh, dân khôn, hai đường lối cũng để đi đến một mục-đích là chống-chế với người Pháp, giữ được nền tự chủ, nhưng đường lối chỉ là trước tạm thời, là tòng quyền, đường lối sau mới là chánh-

đạo, là chấp kinh. Vua tôi vua Tự-đức có hiểu lẽ ấy không? Dùng đường lối thứ nhất, lơ-làng với đường lối thứ hai, ấy là vì vua tôi vua Tự-đức không trông thấy xa-xôi, hay là quá bo thủ, không muốn duy-tân chẳng ? Dầu sao, xét kỹ lại tình nước nhà và hoàn-cảnh Triều-đình thuở ấy, người ta thấy rằng sở dĩ vua Tự-Đức và triều-thần đặt hai vấn-đề này nặng, nhẹ, không thích đáng như thế, cũng là vì thời-cơ bất buộc, chứ không phải là hoàn-toàn cố ý.

Sau khi ký hòa-ước nhượng ba tỉnh phía đông Nam-Kỳ (1862), vua Tự-Đức mưu việc chuộc lại (1863), không thành, thì người Pháp đã đánh chiếm ba tỉnh phía tây (1867). Chiếm xong toàn cõi Nam-Kỳ, người Pháp liền dòm ngó đến Bắc-Kỳ. Trong Triều-đình, nhiều người đã thấy trước ý muốn ấy của họ, nên

vua tôi vua Tự-Đức phải lo phòng bị. Năm 1867, nghĩa là bảy năm trước việc Hà-nội thất thủ, trong một lá sớ (đề ngày 2 tháng 7 năm Tự-Đức thứ 20), tâu về việc thủ bị nước nhà, ông Phạm-Phú-Thứ đã viết : « ... Nam-Định, Hải-Yên là cái cửa lớn của mười ba tỉnh Bắc-Kỳ, của cải nhiều, kẻ buôn bán đều đến nhóm họp : người Pháp đã đặt chi ở Nam-Kỳ, ắt sẽ dòm ngó đến đất Bắc, rồi việc mở cửa biển, việc thông thương, khó mà ngăn trở được... » (1) Thế mà từ đây cho đến ngày người Pháp lập xong cuộc bảo-hộ Trung, Bắc, Triều-đình Tự-Đức nào được rảnh-rang để mưu tính việc gì ! Biết bao họa-hoạn lớn lao đã dồn-đập đến cho Việt-Nam, như Hà-Nội và mấy tỉnh trung-châu Bắc-Kỳ hai lần bị quân Pháp đánh chiếm, và hậu quả của mỗi biến cố như vậy là tao-nhiều, là loạn ly, là đói kém và biết bao rắc-rối khác về xã-hội, về chính-trị. Ngoài ra, giặc Khách cướp bóc, các nhóm con cháu nhà Lê nổi dậy, bọn Cờ-Đen, Cờ-Trắng, Cờ-Vàng khuynh-loát nhau trên đất Bắc-Kỳ, việc phòng thủ, việc quân-sự, các thủ-đoạn ngoại-giao và chánh-trị của người Pháp v...v... biết bao vấn-đề bất thường cần phải giải quyết, biết bao tình-trạng khó-khẩn, gian hiem cần phải xử trí. Vua tôi vua Tự-Đức vốn huấn luyện và hun-đúc trong tinh-thần của một văn-hóa « tĩnh », nay đứng trước những cảnh « động », phải đối phó với một đối phương « động » như thế, không thể nào theo kịp thời-thế, bên lòng rối-reng trăm mối, tâm-trí phải đặt hết vào những việc khẩn-cấp trước mắt, mưu cầu những hiệu quả tức thời, còn

đâu rảnh-rang để lo tính những việc xa-xôi khác. Phải là những hạng người thật sáng suốt, hiểu rõ việc thiên hạ và giá-trị của văn-minh mới, thấu triệt cái lẽ ưu, liệt, thắng, bại của thời-đại, lại « tháo-vát », « động » như các thế-hệ sau này, mới có thể vừa lo đối phó với tình-thế hiện-tại, vừa lo thực hiện những cải cách, duy-tân cho tương-lai của dân-tộc. Mà vua tôi vua Tự-Đức không phải là những người như thế.



Từ khi người Pháp đánh ba tỉnh phía đông Nam-Kỳ, Triều-đình Việt-Nam đã có người nghĩ đến việc cầu cứu một cường-quốc khác. Sau khi Gia-Định thất thủ và chiến cuộc đương lan rộng ở hai tỉnh Biên-Hòa, Định-Tường (1861) ông Nguyễn Bá-Nghi, Khâm-sai, Thống-đốc quân-vụ, được quyền thay mặt Triều-đình đề thương thuyết với người Pháp, mấy lần thương-thuyết, không thành, mà ý vua Tự-Đức thì muốn « chiến », thấy sự thế khó-khẩn, không thể « chiến » mà cũng không thể « hòa » bèn cùng ông Trần-đình-Túc, Tán-Tương, dâng sớ tâu : « Tình-hình tỉnh Biên-Hòa suy yếu ; đánh, giữ, đã không được, mà hòa cũng không xong, xin giảm bớt quân thứ, phái người đi cầu viện nước khác. » — Rồi từ đó trở đi, trong quan trường thì như các ông Phạm-Phú-Thứ, Trần-Đình-Túc, Nguyễn-Hiệp, trong giới sĩ-phu thì như các ông Nguyễn-Trường-Tộ, Nguyễn-Lộ-Trạch, thỉnh-thoảng đứng lên nhắc-nhở nhà vua và Triều-đình sự cần thiết phải đặt Lãn-sự ở Hương-Cảng, phải mở mang việc ngoại-giao với các

(1) Chá-viên toàn tập của Phạm-phú-Thứ.

cường-quốc, đề cầu thân, đề tìm bè bạn. Lý lẽ ông Nguyễn-Trường-Tộ đưa ra trong bản điều-trần về « ích lợi của sự giao thông » đề ngày tháng tư năm 1866 (tháng 2 năm Bính-Dần), thật là rõ-ràng và xác đáng : «...Nước Xiêm cũng không lớn, mạnh gì hơn nước Nam, thế mà từ khi tiếp xúc với người Tây-phương, nước ấy đã tỉnh ngộ và giao hiếu với các nước Anh-Cát-Lợi, Tây-Ban-Nha, Bồ-Đào-Nha, thông thương với họ mà giữ được quyền tự chủ. Nước ấy không cần phòng thủ biên-giới và quyền lợi mà vẫn được trọng nề như các liệt-cường. Nước Pháp và nước Anh đều muốn chiếm nước ấy, cũng phải đề đất đai nguyên vẹn. Ấy là nước Xiêm nhờ sự ngoại-giao mà có được tình-thế đặc-biệt ấy, và sự ngoại-giao còn làm cho nước ấy càng ngày càng giàu mạnh thêm... Hiện nay ta chỉ có một cách tự vệ là thuật ngoại-giao và chánh-sách đối ngoại chứ không còn cách gì hay hơn nữa. Nếu ta không quyết định và hành động gấp, còn hồ nghi, trì hoãn chùng nào, họ (người Pháp) càng tiến bộ chùng ấy. Khi họ đã tới một trình-độ tiến-hóa quá cao, ta có tỉnh-ngộ cũng quá chậm, và nếu phản động cũng muộn rồi... »

Hình như các ý kiến kể trên của mấy vị đại thần kia và của ông Nguyễn-Trường-Tộ đã ảnh hưởng nhiều đến chánh-sách cự Pháp của vua Tự-Đức. Vua quyết-định kết-giao với các cường-quốc, và nghĩ đến nước Anh, nước Đức, nước I-Pha-Nho, nước Tàu, thường bí mật phái người sang Hương Cảng tiếp xúc với Lãnh-sự các nước ấy, cũng như

sang Quảng-Đông, Thiên-Tân giao thiệp với nhà cầm quyền Trung-Hoa.

Bắt đầu, năm 1868, một đại-thần là ông Trần-Đình-Túc được phái sang Hương-Cảng, nói là đề tạ ân người Anh, nhưng kỳ thiệt là để thông sứ bí mật với họ. Việc phái ông Trần-Đình-Túc cho ta thấy đây là một mưu tính quan trọng, vì ông này là một thượng-quan đã được vua Tự-Đức xuống chỉ khen là « có tài biện sự ». (1)

Năm 1870, Nữ-hoàng I-Pha-Nho phái một sứ-thần đến Huế xin lập Lãnh-sự-quán, vua Tự-Đức sai hai ông Nguyễn-Tri-Phương, Trần-Tiến-Thành dò hỏi sứ thần xem nước I-Pha-Nho có thể giúp ta thu phục Nam-Kỳ không. Hai ông đã bí-mật giao-thiệp với sứ-thần I, nhưng không có hiệu quả gì.

(1) Xem như sau này khi Jean Dupuis gây việc ở Bắc Kỳ và Francis Garnier ra đánh chiếm Hà-Nội, Hải-Dương, Ninh-Bình, Nam-Định (1873) tình thế Bắc-Kỳ cực kỳ rối-ren, ông được phái ra giữ chức Tổng-đốc Hà-Nội đề thương thuyết với quân Pháp. Ông phải đối phó một bên với Garnier, một sĩ-quan thanh niên đầy khách khí và tự phụ, cùng Jean Dupuis, một thương-nhân vong mạng chỉ biết sức mạnh, không đếm xỉa đến lễ phải, một bên với ông Hoàng-Tá-Viem, nhất định đòi đánh, không chịu án binh, thế mà ông giảng giải cho hai bên bình tâm đề cuộc thương-thuyết diễn hành. Rồi Francis Garnier bị giết, quân Pháp giận lắm, muốn giết ông đề báo thù, nhưng ông cứ bình-tĩnh, chỉ dùng lời khéo léo mà làm cho họ nguôi giận và chờ đợi. Rồi ông Nguyễn-Văn-Tường và ông Philastre ra Bắc, quân Pháp giao trả lại Hà-Nội và các tỉnh kia cho Triều-định; ông Tường và ông Túc được công-luận bấy giờ khen ngợi là có tài ngoại-giao. Vì thế, năm 1882, sau khi quân Pháp đánh chiếm Hà-Nội lần thứ hai, ông Trần-Đình-Túc cũng được vua phái ra làm Khâm-sai đề thương-thuyết với Đại-tá Henri Rivière.

Từ khi nghe tin hai nước Pháp, Đức thất hòa, ngoại-giao căng thẳng, vua đã sai người sang Hương-Cảng, Tân-Gia-Ba để hỏi han về tình-hình Âu-Châu, và nhờ viết những bài đăng lên báo bày tỏ sự bất bình của dân Nam đối với việc làm của người Pháp cho hoàn-cầu được biết. Cuộc chiến-tranh Pháp-Đức (1870) xảy ra, Sứ-phủ Nam-Kỳ có báo tin cho Triều-đình biết, vua Tự-Đức đáp thư cầu chúc nước Pháp thắng lợi, và trong thâm tâm hy vọng đây là cơ-hội để mình mưu tính được việc giải thoát. Nhưng chẳng may bấy giờ ở Bắc-Kỳ giặc cướp Tàu đương đánh phá các nơi, Triều-đình phải đem đại binh ra lo việc đánh dẹp, vua Tự-Đức không rảnh-rang tâm trí và có đủ lực-lượng để mưu tính việc gì được. Đến khi biết Pháp-hoàng Napoléon III thất trận và bị bắt, vua liền sai viết thư cho Pháp Sứ ở Gia-Định, bấy giờ là Tướng Cornulier, cầu chúc nước Pháp ra khỏi cơn biến-cổ một cách tốt đẹp, và nói rằng nếu Pháp Sứ phải đem quân lính về gấp để bảo vệ Tổ-quốc thì xin thương lượng để giao lại triều-đình nước Nam sáu tỉnh Nam-Kỳ cho chẳng có việc gì xảy ra có thể thiệt hại đến tình hòa hảo giữa hai nước. Tướng Cornulier trả lời lại vua rằng ông rất vững chãi trong thuộc-địa ông, có đủ lực-lượng để giữ gìn nó, và vẫn được chánh-quốc tiếp-tế thường xuyên như trước !

Năm 1872, Lãnh-sự Đức ở Hương-Cảng đưa thư tỏ ý muốn thông hảo với nước ta, vua liền sai ông Thị-lang Nguyễn-Chánh, sang thương thuyết.

Thấy nước Xiêm-La may mắn giữ được độc lập nhờ ngoại-giao và sự hiện-diện

của nhiều cường quốc trên đất mình, vua muốn kết-giao với nước ấy. Ông Nguyễn-Hiệp được phái sang Bangkok, tặng phẩm vật và tỏ bày tình giao hiếu, nhân đó xem xét thật trạng. Chánh-phủ Xiêm hỏi ý-kiến nhà cầm quyền Pháp ở Gia-Định. Do thư trả lời của Pháp, vua Xiêm gửi tặng-phẩm sang đáp lại vua Tự-Đức, nhưng nhờ Toàn-quyền Nam-Kỳ chuyển lại !

Theo lời các nhà cầm quyền Pháp chính các Giáo-sĩ Y-pha-nho ở Bắc-Kỳ mà Triều-đình ta luôn luôn tiếp đãi tử-tế và trọng hậu, đã làm trung-gian cho ta giao thiệp với nhà cầm quyền Y-pha-nho để mưu tính việc lớn. Các Giáo-sĩ Y-pha-nho đã khuyên Triều-đình ta phái một sứ-bộ sang Tokio và các nước Âu-châu để bày tỏ cho thế-giới biết những hành-vi ngang trái của Pháp, một Giáo-sĩ Y sẽ đi theo hướng dẫn và làm thông ngôn.

Năm 1879, một sứ-bộ Y-pha-nho, do Marino Fernandez de Henestrosa làm Chánh-sứ, đến Huế, tặng phẩm-vật vua Tự-Đức và các quan, xin bảo hộ giáo-sĩ và lập một thương-ước. Sứ bộ này ở lại Huế đến ba tháng, chắc đã không khỏi có nhiều cuộc trao đổi ý-kiến về chính-trị giữa hai bên. Không biết sứ-bộ I-Pha-Nho có hứa hẹn gì không, chỉ thấy khi họ về, Triều-đình ta có gửi theo 20 thanh-niên sang Âu-Châu để học tập kỹ-nghệ và võ-bị, nhưng vào đến Saigon, người Pháp can thiệp, việc du-học ấy phải đình bãi, và để giữ thể-diện, người ta mở ở trường Chasseloup-Laubat một lớp học riêng gọi là lớp Huế (Cours de Huế) cho các sinh-viên ấy ở lại học tập chữ Pháp !

Năm 1880, Sứ I-pha-Nho lại đến Huế cùng Triều-đình ta hồ-giao tờ thương-ước đã được Nữ-Hoàng Y phê chuẩn. Cuối năm sau, Nữ-Hoàng lại tặng khánh vàng vua Tự-Đức và các quan đại-thần Trần-tiện - Thành, Nguyễn - Văn - Tường, Phạm-Phú-Thứ, Hoàng-Diệu.

Năm 1879, Chánh-phủ Ý-đại-Lợi cũng sai Sứ đến Huế bàn việc lập thương-ước, được tiếp đãi trọng hậu.

Năm 1881, vua sai Thị Lang Phạm-Bính sang Hương-Cảng bán tàu, đặt mua tàu, và đem 12 học-sinh gửi học trường của người Anh; ngoài ra ông này chắc cũng có nhiệm-vụ bí mật xem xét và vận động chánh-trị.

Năm 1882, vua sai Linh-mục Thơ và một viên quan đáp tàu từ Hương-Cảng sang Pháp để dò la dư-luận và ý-kiến của Chánh-phủ Pháp, xem những hành vi của quan Pháp ở bên này có phù-hợp với chủ-trương của Chánh-phủ không.

Ấy là việc làm của Triều-đình. Có một đôi cá-nhân cũng đã tỏ lòng ái quốc hăng hái trong sự mưu tính kết giao với các cường quốc để cầu viện. Sau khi mất Nam-Kỳ, ông Nguyễn - Tư - Giảng tàu xin cho ông sang nước Đức làm như Thân-bao-Tư khóc ở sân Tần xưa kia (1)

(1) Thân-Bo-Tư làm quan nước Sở. Nước Ngô đánh nước Sở, quân Ngô vào phá kinh-đô, qua Sở phải chạy. Thân-Bao-Tư sang nước Tần cầu viện, đi suốt ngày đêm, bàn chân xây-xát, máu chảy đầm-dìa. Vua Tần không chịu giúp. Thân-Bao-Tư đứng luôn trong sân vua Tần 7 ngày 7 đêm không ăn uống, chỉ kêu khóc. Vua Tần cảm động, cho quân sang giúp. Nhờ đó vua Sở khỏi phục được giang-sơn.

để cầu xin nước ấy cho binh sang giúp nhưng có người bác đi. Hành động của ông Bùi-Viện mới thật là một tráng cử. Ông này chỉ là một chân cử-nhân, chưa có chức tước gì, vì thiết tha với công cuộc cải cách duy-lân, ông đã dăng sớ xin mở mang việc thông thương với ngoại-quốc, nên được Triều-đình phái sang Hương-cảng lo liệu việc ấy. Ở Hương-cảng, ông kết giao với một người Mỹ, nhờ người này đưa sang Hoa-Kỳ. Sau một năm chờ đợi, ông được yết kiến Tổng thống Hoa-Kỳ, Tổng-thống hứa giúp nhưng đòi phải có quốc-thủ. Ông trở về nước xin quốc-thủ, khi trở qua thì chánh-cuộc Hoa-Kỳ đã thay đổi, người ta không để ý đến việc ấy nữa. Chúng ta hãy tưởng lượng non trăm năm về trước, trong lúc người Việt-Nam đối với việc thế-giới còn tối tăm, mờ mịt mà đã có người có đởm thức, dám mạo hiểm như thế, thì quả là một chuyện lạ, tỏ rằng nhiệt tâm cứu quốc của tiền bối chúng ta cao biết chừng nào.

Trở lại các cuộc vận động ngoại-giao của Triều-đình. Nó đã không đem lại kết quả gì, ta muốn đặt Lãnh-sự ở Hương-Cảng không được, các nước Đức, Y-pha-Nho xin đặt Lãnh-sự ở Huế cũng không được. Ấy là vì người Pháp cản trở. Một nước trẻ mỗ, non nớt trong việc quốc-tế như Việt-Nam đã hiểu gì về ngoại-giao, đâu, làm sao đối phó được với ngoại-giao của một cường quốc như nước Pháp. Vì vậy người ta thấy hể vua tôi vua Tự-Đức hở ra một mưu tính ngoại-giao gì là liền bị người Pháp «hò» lại ngay. Năm 1875, vua Tự-Đức đã phải than thở với các quan rằng: «Nước ta giao thiệp, thấy nghe chưa rộng, nên

phải người ta (chỉ Pháp) ngăn chể ; ta vốn không muốn người ngoài đến (chỉ Pháp), cũng như người các nước muốn đến mà lại bị kẻ khác (chỉ Pháp) ngăn trở đó thôi.» (1)

Để có một ý-niệm về cách ngăn trở ngoại giao ta của người Pháp, xin nhắc lại mấy việc sau đây :

Năm 1882, một Hoa-thương ở Hải-Phòng tên là Ang-chi-Lock vì làm ăn thua lỗ, nên mất trí, rồi điên. Y đến Hải-dương, bắn súng, bị quan tỉnh tỉnh ấy bắt giam Nhờ Ban-trưởng Hoa Kiều và Lãnh-sự Pháp can thiệp, Lock được thả ra. Nhưng rồi Y lại đem nhiều người nữa trở lại Hải-Dương làm huyền náo mãi, nên bị quan tỉnh Hải-Dương, ra lệnh giết chết. Ang-chi-Lock sinh ở Tân-gia-Ba, có quốc-tích Anh, nên Lãnh-sự Anh ở Saigon khiếu nại, đòi Triều-đình Huế bồi thường. Triều-đình bèn thương thuyết trực tiếp với nhà chức trách Anh ở Hương-Cảng và với Bộ Ngoại-giao Anh (Foreign Office) Để chặn đứng sự tiếp xúc giữa hai bên, Thống-đốc Nam-Kỳ là Le Myre de Vilers liền đứng ra giao-thiệp với Lãnh-sự Anh, trích trong quỹ quan-thuế 20.000\$ bồi thường cho gia-đình Ang-chi-Lock để dẹp tắt câu chuyện (2).

Năm 1881, một thương-nhân người Đức

(1) Đại-Nam Thiệt-lục chánh-biên.

(2) Theo Thương-Uớc Giáp-Tuất, số thu về quan-thuế ở các cửa biển khai thương tuy là thuộc nước Nam, nhưng có một viên chức Pháp hợp với quan Nam coi việc quản-lý, nói là để cho khách buôn ngoại-quốc và quan Nam không có điều gì trở ngại.

tên là Schriever, cư trú ở Hải-Phòng, xuất cảng 20.000 bao gạo, ghe thuyền chuyên chở bị quan tỉnh Nam-Định khám xét, trễ nải mất 12 ngày, làm cho gạo hư hỏng. Schriever yêu cầu phục Chánh-phủ nước Nam đền bồi thiệt hại. Sở Lãnh-sự Đức ở Hương-Cảng can thiệp, có việc tiếp xúc với Nam-triều, Thống-đốc Nam-Kỳ liền trích 5000\$ trong quỹ quan-thuế trả cho thương-nhân Đức.

Trong sự cầu viện các cường-quốc, có lẽ vua Tự-Đức và Triều-đình đã trông cậy rất nhiều ở nước Tàu, Ấy cũng là lẽ tự nhiên. Nước Tàu ở gần, lại là nước đồng văn. Nếu phải từng phục nước Tàu cũng không gì khó chịu như từng phục một cường quốc Âu-Châu là giống người khác văn-hóa, khác phong-tục ; nếu phải phục thuộc nước Tàu, nước Nam cũng không mất quyền lợi, khác hẳn với sự phục thuộc một nước Âu-Châu như Nam-Kỳ hiện đương chịu đựng ; vả lại từ mấy mươi năm nay nước Nam là thuộc-quốc của Tàu, ba năm một lần nạp cống xưng thần, nay bị nước khác xâm lăng, nếu không kêu gọi Thiên-quốc và Thiên-quốc không giúp đỡ gì thì chẳng hóa ra sự nạp cống, xưng thần ấy không có nghĩa gì cả sao ? Có lẽ lý-luận ấy không sai lầm, chỉ sai lầm là vua tôi vua Tự-Đức không biết rằng nước Tàu hiện cũng chẳng mạnh-mẽ gì, chỉ trước đó vài mươi năm họ đã bị tàu súng của người Âu-Châu đánh thua liểng-xiểng rồi kia mà !

Trong Pháp—Nam hòa-ước Giáp-Tuất (1874), khoản thứ 2, nước Pháp nhận nước Nam không thần phục nước nào, ấy là có ý nói nước Nam đã đoạn tuyệt

với nước Tàu. Nhưng rồi khoản thứ 3 lại có câu «không thay đổi gì trong việc ngoại-giao hiện giờ» (ne rien changer à ses relations diplomatiques actuelles), vua Tự-Đức muốn nhờ vả nước Tàu để kháng Pháp nên vịn câu ấy mà cứ 3 năm cống nước Tàu một lần như trước.

Hai năm sau hòa-ước Giáp-Tuất, năm 1876, sứ-bộ Bùi - Ân - Niên được phái sang Tàu, rồi năm 1880, sứ-bộ Nguyễn-Thuật lại sang dâng cống-phẩm và biểu-văn xưng thần. Thường các sứ-bộ Việt-Nam chỉ sang Quảng-Đông, nạp cống-phẩm cho quan Tổng-đốc Lưỡng-Quảng đệ về Bắc-Kinh nhưng sứ-bộ Nguyễn-Thuật lên tận Bắc-Kinh, có lẽ sứ-bộ này còn có nhiệm-vụ bí mật xin Thanh-đình cứu việc. Sau khi sứ-bộ Nguyễn-Thuật về rồi, năm 1881, Thanh-đình phái một viên quan tên là Đường-Đình-Canh đánh tiếng là người của hội buôn Chiêu-thương-cuộc, đến Huế xin lãnh trưng việc vận tải, nhưng kỳ thiệt là để dò thăm việc bên ta. Năm sau, Đường-Đình-Canh cũng mượn tiếng ấy trở qua với mấy người Tàu nữa, nhân cho ta biết những tin tức mà Đại-sứ Tàu ở Paris là Tăng-Kỷ-Trạch đã biết về mưu tính của Chánh-phủ Pháp đối với Bắc-

Kỳ. Đường-Đình-Canh được ông Nguyễn-Văn-Tường, bấy giờ chủ-trương mọi việc ngoại-giao, tiếp, hai bên bút đàm, không dám dùng thông-ngôn, sợ tiết lộ bí-mật. Khi Đường-Đình-Canh về, Triều-đình sai hai ông Nguyễn-Thuật, Nguyễn-Ta đi theo. Các việc ấy không thể lọt khỏi mắt người Pháp. Đặc-phái-viên Ngoại-giao của Pháp ở Huế là Rheinart theo dõi từng hành động của người Tàu này và mua được bản sao các thư tín trao đổi giữa vua Tự-Đức và Tổng-đốc Lưỡng-Quảng.

Sau khi Hanoi thất thủ lần thứ hai (1882), vua Thanh một mặt khiến các tỉnh Lưỡng-Quảng và Vân, Quý đem quân thủy, quân bộ chia đóng ở các nơi ách yếu ở biên-giới, và khiến Hoàng-quế-Lan và Triệu-Ốc đem 17 doanh quân chia đóng ở các tỉnh Lạng-Son, Bắc-Ninh, Cao - Bằng, Thái - Nguyên, Tuyên - Quang v...v... một mặt sai Đường-Cảnh-Tùng đến Quảng Đông cùng quan tỉnh tỉnh ấy là Mã-phúc-Bôn, Châu-Bình-Lân sang Việt-Nam. Đường-Cảnh-Tùng đến Huế rồi ra Haiphong, qua các tỉnh Bắc-Kỳ xem xét tình hình. Triều-đình ta sai ông Nguyễn-Thuật làm Khâm-Sai cùng Mã-Phúc-Bôn qua Quảng-Đông trình bày

-
- ★ Kể biết người là người khôn, kể biết mình là kẻ sáng (Lão-Tử)
 - ★ Trách vụ có đẳng cấp, cũng như giá trị có thứ bậc. Điều cần là biết đặt tài năng của một người vào chức vụ tương xứng với người ấy. Như người này có thể làm một đại đội trưởng tuyệt luân, mà không bao giờ có thể trở nên một trung đoàn trưởng được.

mọi việc với Tổng-đốc là Tăng-Quốc-Phiên, nhờ chuyển đạt lên Thanh-đình. Vua Thanh sai Lý-Đồng đem việc Hà-Nội trách hỏi công-sứ Pháp ở Bắc-Kinh là Bourrée. Tiếp xúc với Bourrée rồi và đợi Chánh-phủ Pháp trả lời, Lý-Đồng tự xin nước ta phái người sang Thiên-Tân để họ hỏi han và cùng thương-nghị. Vua Tự-Đức sai ông Phạm-Thận-Duật, Thượng thư bộ Hình, làm Khâm-Sai, ông Nguyễn-Thuật làm Phó, sang Tàu. Hai quan Khâm-Sai chưa đến nơi, Thự-ly Thông thương đại-thần (chức quan chủ-trương mọi việc ngoại-giao của nhà Thanh) là Lý-Hồng-Chương cũng đưa thư xin Triều-đình ta phái người sang cho ông biết rõ tình hình. Tháng 2 năm sau thì bọn ông Phạm-Thận-Duật đến Thiên-Tân, cùng các nhà chức trách Tàu thương-nghị. Sau đó, người ta thấy quân Tàu tiếp-tục đưa sang Bắc-Kỳ đông thêm, rồi gây thành cuộc chiến-tranh Trung-Pháp, kéo dài hai năm trời, không ích lợi gì cho Việt-Nam cả, chỉ Bắc-Kỳ suýt bị chia làm hai, bị hai nước bảo hộ (1).

Đối với sự cầu-viện nước Tàu, vua Tự-Đức và Triều-đình đặt nhiều hy-vọng, chỉ một mình ông Trần-tiền-Thành, Binh-bộ Thượng-thư, phản đối. Đã có lần ông và ông Tôn-thất-Thuyết cãi vã nhau kịch-liệt về vấn-đề này. Như sau việc Đại-tá Henri Rivière bị quân Tàu giết ở Cầu-giấy (1883), ở Huế, Triều-đình theo lời đề-nghị của ông Tôn-thất-Thuyết, mở tiệc ăn mừng và khao thưởng quân sĩ, trong thành bắn súng thần-công nổ vang trời, trên sông Hương ghe thuyền treo đèn, kết hoa, quân sĩ reo mừng, mọi người hoan hỷ, chỉ ông Trần-tiền-Thành là tỏ ý không tán-thành. Giữa bá quan,

ông nói, đại-khái rằng : « Vi-e chết, mai một sẽ có trăm, nghìn Vi-e khác ra đánh thì ta chống sao nổi. Tôi là người Tàu, (2) đáng lẽ tôi phải nói tốt cho nước Tàu, nhưng tôi chắc quân Tàu tuy đông nhưng không thao-luyện bằng quân Pháp, nên không thể thắng được quân Pháp. » Ông Tôn-thất-Thuyết nổi giận, nói : « Ông là người Tàu, mà ông khinh nước Tàu, không biết nhục ! » (3)

Việc các Sứ-bộ Việt-Nam sang Tàu cầu cứu và sang Hương-Cảng bí-mật giao thiệp với Lãnh-sự các nước Âu-Châu bị Pháp-Sứ ở Gia-Định phản-đối kịch-liệt với vua Tự-Đức, Pháp-Sứ Dupré còn đem mà hăm dọa Triều-đình vua ta nữa. Vả, bấy giờ thương-thuyền Anh thường tới lui các cửa biển nước ta, mà người Anh ở Hương-Cảng, gần Bắc-Kỳ, đương có cái thế lấn át cả các nước Âu-Châu ở phương Đông này. Vì vậy người Pháp định lập hẳn cuộc bảo-hộ Trung, Bắc-Kỳ cho địa-vị mình được vững vàng ở Đông-Dương.

PHAN-KHOANG

(1) Ban đầu, thấy quân Tàu sang nước Nam đông quá, Công-Sứ Pháp ở Tàu là Bourrée đã cùng Lý-Hồng-Chương lập một hiệp ước đại lược là : Bắc-Kỳ đứng trung lập dưới sự bảo đảm chung của nước Tàu và nước Pháp ; phần đất từ sông Hồng-Hà đến biên giới Tàu chia làm 2 khu, khu Bắc thuộc quyền kiểm soát của nước Tàu, khu Nam thuộc quyền kiểm soát của người Pháp v.v... Hiệp-ước ấy không được Chánh-phủ Pháp chấp thuận.

(2) Ông Trần-Tiền-Thành người Minh-hương. Ông nội ông, người tỉnh Phúc-Kiến, khi quân Thanh vào chiếm Trung-Quốc, đã di cư sang Việt-Nam.

(3) Xem Mémoires de S. E. Huỳnh-Côn của Jean Jacmal đăng trong Bulletin des Amis du Vieux Huế.



CHAMPOLLION

*Người làm cho
ĐÁ biết nói*



NGUYỄN-HIẾN-LÊ

biên-khảo



CHẲNG riêng gì các giáo-chủ như Thích-Ca, Giê-Du, Lão-Tử, Không-Tử,.. được người đời tô-diêm tiểu-sử cho thành-phi-phàm; đến một số danh sĩ và nhà khoa-học cũng được cái vinh dự đó nữa. Chẳng hạn, người ta kể chuyện Lý-Bạch bảy tuổi chưa biết nói mà khi bà mẹ bỗng lên lầu thì bỗng nhiên ngâm được bốn câu thơ quái dị :

*Nguy lân cao bách xích,
Thủ khả trích tinh thần.
Bất cảm cao thanh ngữ,
Cũng kinh thiên thượng nhân.
(Vội-vội lầu trăm thước,
Với tay hái được sao.
Chỉ e nói lớn tiếng,
Kinh động tiên trên cao.)*

Descartes thì hồi ba tuổi, một hôm trông thấy tượng bán thân của Euclide, thốt lên tiếng «À» y như tiền kiếp đã là môn-đệ — nếu không phải là bản thân — của ông thầy tổ môn Hình-học.

Tôi nghĩ đọc những truyền thuyết đó chẳng những vô hại mà còn vui-vui như đọc Liêu-Trai vậy, cho nên tôi không ngại gì mà không chép lại dưới đây chút dặt-sử về Champollion, nhà bác-học đã làm cho đá biết nói, ở đầu thế-kỷ trước.

Tương truyền bà mẹ của Champollion bị bệnh tê-liệt, y-sĩ nào tới coi mạch rồi cũng lắc đầu, nhưng một thầy phù-thủy cho bà uống chút rượu rồi nằm trên một cái nệm có hơi nóng, và bảo : « Bà sẽ khỏi bệnh tức thì và sẽ sanh một cậu con trai sau này danh tiếng lừng lẫy ».

Quả nhiên, ba ngày sau bà cụ khỏi hẳn và ngày 23-12-1790 Jean-François Champollion ra đời ở Figeac (Pháp). Cha mẹ đều là người Pháp (cha làm nghề bán sách, tên là Jacques Champollion), mà lạ thay, mới sanh, cậu đã có nước da ngăm ngăm y như người Á-Rập ; vì vậy hai chục năm sau, khi cậu chuyên khảo về văn-minh Ai-Cập, ai cũng gọi cậu là người Ai-Cập.

Hồi hai tuổi rưỡi, một ngày đông tờ dũ dội, sầm chớp ùng-ùng, người nhà không thấy cậu ở đâu, hốt-hoảng tìm kiếm khắp nơi, sau cùng thấy cậu ló mình ra ngoài cửa sổ ở trên cái trang sát mái nhà, hai tay vung ra. Má cậu vội la : «Coi chừng té đổ con !» rồi chạy lên bóng cậu xuống. Hỏi cậu, cậu đáp : «Bé muốn bắt lửa ở trên trời.»

Tánh cậu rất tò mò. Nhà bán sách. Cậu tha hồ lật sách có hình ra coi suốt ngày, và gặp cái gì cũng hỏi người lớn, bắt bắt nghĩa cho nghe. Má cậu thường đọc những đoạn trong sách lễ cho nghe và cậu thuộc lòng hết. Một hôm, cậu kiếm được một cuốn sách lễ cũ, nhờ người chỉ cho những đoạn cậu đã thuộc lòng. Rồi, nhờ một đức kiên-nhẫn ghê-gớm, Champollion tập đọc một mình, nghĩa là so sánh những đoạn văn nghe mẹ kể mà thuộc lòng với bản in, lần hồi mò một mình ra được cách ghép vần. Ta nên nhớ là lúc đó cậu chưa học văn, chưa hề biết cách đọc các tự mẫu, tự đặt tên cho các tự mẫu, những tên tưởng-tượng rất kỳ-cục. Vậy mà hồi năm tuổi, cậu đọc được sách lễ theo một lối riêng, lại để nghị với song thân một lối viết lạ lùng phỏng theo lối chữ in. Thực là một thiên-tài !

Nhưng hạng thiên-tài có khi hồi nhỏ học lại kém bạn. Thomas Edison bị thầy giáo chê là «trật đường rầy», là học chỉ tồn cơm;

Champollion cũng bị thầy mắng là dốt. Ông giáo đã hiểu lầm cậu : cậu chỉ dốt toán thôi, tới giờ toán là ngủ gục ; mà về cổ ngữ thì rất có khiêu ; cậu học tiếng La-Tinh và tiếng Hi-Lạp như chơi, đọc thuộc lòng hàng trang của Virgile và Homère. Thầy thiên-tư lạ lùng đó, một người anh của cậu, hơn cậu mười hai tuổi, tên là Figeac Champollion, đích thân săn-sóc sự học của cậu.

Năm 1801, cậu theo anh lại Gernoble và chính nhờ ông anh — một triết gia thích khảo cổ — mà Champollion sau này lập nên sự nghiệp. Ở Grenoble cậu vào một trường tư của tu viện trường Dussert và được học ngôn ngữ hê-bơ (hébreu) ; chỉ một năm sau, mới mười hai tuổi, cậu đã đọc được Thánh kinh trong nguyên văn, lại giải thích một đoạn, tỏ ra có những ý kiến già-giặn, sâu sắc làm cho các viên thanh-tra học chính phải ngạc nhiên !.

Cậu có khiêu kỳ-di về ngôn-ngữ học, có phần còn hơn Heinrich Schliemann, một nhà khảo cổ Đức đã đào thấy thành Troie (1). Mười một tuổi, cậu thông tiếng Hi-Lạp tiếng La-Tinh, và bắt đầu học tiếng Do-Thái cổ. Một hôm, nhà bác học Fourier hỏi trước theo Nã Phá-Luân qua Ai-Cập để khảo-cứu về văn-minh Ai-Cập, thấy cậu dính ngọ khác thường, mời cậu về nhà chơi rồi đưa cho cậu coi những mảnh giấy cổ bằng papyrus (2) và những phiến đá trên đó khắc cổ tự Ai-Cập. Cậu hỏi : «Người ta đọc được những dấu đó không ?» Nhà bác học lắc đầu. Cậu nói : «Ngày sau, con đọc được cho mà coi !»

(1) Coi Bách-Khoa số 15 và 16

(2) *Papyrus* là một loại cây mà ba bốn ngàn năm trước dùng để làm giấy. Tiếng Pháp *papier* và tiếng Anh *paper* đều gốc ở chữ *papyrus*

Cuộc gặp gỡ đó đã định hướng cho cuộc đời của cậu. Từ đó cậu nuôi cái cao vọng tìm cách đọc các cổ tự Ai-Cập và tin chắc sẽ thành công. Quả nhiên, sau cậu thành công, nhờ một lòng hăng hái vô biên. Châm ngôn của cậu là : « Chỉ có hăng-hái sống mới là thực sống. » Cậu thu thập tất cả các tài-liệu về Cổ Ai-Cập huyền-bí. Một hôm ông anh bắt gặp cậu đang ngồi xôm ở dưới đất, chung quanh la liệt những tờ xé ở những sách cũ của ông. Toàn là những sách quý của Hérodote, Strabon, Diodore, Pline và Plutarque viết về cổ Ai-Cập. Ông anh tuy tiếc của mà không rầy em, còn khen tinh-thần tìm tòi của em nữa. Có hỏi cậu còn gom góp những tài-liệu để soạn một bảng « Niên-biểu từ Adam tới tiểu Champollion » nữa, vì cậu cho những bảng niên-biểu từ trước là thiếu thốn hoặc không đúng. Cái hùng tâm của cậu đáng kinh không ?

Cậu gặp sách nào cũng đọc. Năm mười hai tuổi cậu nghiên cứu kẻ loài chó, và viết một cuốn nhan đề là : *Lịch sử những con chó nổi danh*. Năm sau, cậu bắt đầu học tiếng Á-Rập, tiếng Xi-ri, tiếng Can-Đê (Chaldéc), rồi tiếng Cốp (Copte). Cốp là một giống dân ở phía bắc Ai-Cập, còn giữ được phần nào ngôn ngữ cổ Ai-Cập. Cậu để ý cả tới cổ tự Trung-Hoa, và hết thấy những tài-liệu có liên-lạc xa gần với Ai-Cập. Năm mười bảy tuổi, cậu vẽ được bản đồ đầu tiên của Đê-quốc cổ Ai-Cập, và soạn cuốn *Ai-Cập dưới triều các Vua Pharaon*

để trình Hàn-lâm-viện Grenoble. Cả viện đều ngạc-nhiên về những ước-thuyết, mới mẻ, táo bạo nhưng hợp lý đưa ra trong sách, và chàng thư sinh mười bảy tuổi đó được toàn viện bầu làm ông Hàn.



Lúc này cậu thầy cần phải bay bổng. Tỉnh Grenoble không phải là đất để cậu vầy vùng. Cậu xin phép anh lên Ba-Lê.

Trong chiếc xe ngựa lọc-cọc trên con đường thiên-lý, cậu chỉ mơ-tưởng tới những mảnh giấy papyrus và nhất là bản in tấm bia ở Rosette mà Fourier đã đưa cho cậu coi khi cậu lại từ biệt ông ta.

Có thuyết nói tấm bia đó do Hautpoul tìm thấy, nhưng sự thực Hautpoul chỉ là viên chỉ huy một đội quân trong đó một người lính vô danh đã đào được tấm bia năm 1799, ở miền Rosette, trên bờ sông Nil, trong cuộc xâm chiếm Ai-Cập của Nã-Phá-Luân.

Bia bằng đá đen, cứng như sắt, nhưng rất mịn, lớn bằng mặt bàn, trên khắc ba thứ chữ sắp thành ba cột. Bia đã bị vùi dưới cát trên hai ngàn năm, nhiều chỗ đã mòn nhưng nét còn rõ. Cột thứ nhất gồm mười bốn hàng bằng Cổ-tự Ai-Cập (hiéroglyphe) ; cột thứ nhì gồm ba mươi hai hàng chữ démotique, một lối chữ bình dân hồi xưa của Ai-Cập ; cột thứ ba gồm năm mươi bốn hàng bằng Cổ-tự Hi-Lạp.



Quý nhất là cột thứ ba đó. Nó viết bằng chữ cổ Hi-Lạp, có thể đọc được, hiểu được. Một vị tướng của Nã-Phá-Luân thông tiếng cổ Hi-Lạp đã dịch ngay ra tiếng Pháp từ khi mới tìm thấy tấm bia. Đại ý là lời xưng tụng của một đại thần ở Memphis dâng lên vua Ptolémée V năm 196 trước Tây-lịch để tạ ơn nhà vua.

Sau khi quân Pháp thua quân Anh ở Ai-Cập, tấm bia đó phải giao lại cho Anh-Hoàng và chính-phủ Anh trân tàng nó ở British Museum (Viện Tàng cổ Anh); nhưng người

Pháp đã kịp chép, in nhiều bản đem về Ba-Lê. Nhà bác học Fourier giữ được một bản, đưa cho Champollion coi, làm cho Champollion ngồi xe với anh mà óc thì ở bên Ai-Cập, và đột nhiên, mắt sáng ngời, vỗ lưng anh, nói: «Anh ạ, thế nào em cũng sẽ đọc được cổ-tự Ai-Cập. Em chắc-chắn vậy!»

Người anh biết rằng công việc đó không phải dễ gì, mọi người đều công nhận ba cột chữ trên tấm bia ở Rosette cùng một nghĩa; nhưng hàng chục, hàng trăm nhà khảo-cổ khắp Châu-Âu đã mấy năm cặm cùi, từ cái nghĩa đó, mò cách đọc cổ-tự Ai-Cập mà chưa ra đây. Tuy vậy, ông vẫn tin ở em, khuyến-khích em, tới Ba-Lê giới thiệu em với nhiều nhà bác-học danh tiếng, và chu-cấp cho em học-hành, khảo-cứu.

Tròn hết thấy những cảm dỗ của nơi đề-

đô, Champollion, suốt ngày chui vào thư viện, vùi đầu vào sách vở. Chàng học thêm chữ phạn, tiếng Á-Rập, tiếng Ba-Tư, và cậy anh kiếm cho mình một cuốn ngữ-pháp Trung-Hoa để «đọc chơi» nữa.

Chàng sành tiếng Á-Rập đến nỗi trong một cuộc hội-hợp, một người Á-Rập tưởng chàng là đồng-bào. Nước da chàng ngăm ngăm thành thử càng dễ cho người ta lầm.

Nhờ Fourier mà chàng làm quen được với một cựu tu-sĩ «côp» (copte) tên là Dom

Raphaël. Tu-sĩ này đã giúp Nã-Phá-Luân được nhiều việc ở Ai-Cập nên được làm giáo-sư tiếng Á-Rập ở trường Ngôn-ngữ phương Đông ở Ba-Lê. Chàng đã đọc những sách của Guignes, Barthélemy, Bonjour và tiếng côp, tin chắc rằng tiếng «côp» với cổ-ngữ Ai-Cập có nhiều điểm giống nhau, nên lần này gặp một giáo-sư biết tiếng «côp», chàng hăng-hái tìm hiểu thêm ngôn-ngữ đó.

Được một năm, chàng thông tiếng «côp», ghi chép bằng tiếng đó và bằng cổ-tự démo-tique, làm cho bốn chục năm sau, một nhà bác học nọ tìm được những tờ ghi chép đó, mừng quỳnh, ngỡ là một tài liệu từ hai ba ngàn năm trước của Ai-Cập, bèn công bố trên các tạp-chí khảo cổ. Bé cái nhầm!

Nhưng tấm bia ở Rosette luôn luôn ám ảnh chàng. Chàng kiếm được một bản in mới nhất của tấm bia, so-sánh với một mảnh



giấy papyrus và nhận ra được giá-trị của vài chữ, của vài dấu hiệu thì đúng hơn. Chàng đã vượt được bước đầu, đã gỡ được chút manh-mỗi. Lòng hăng-hái, chàng vui-vẻ chịu mọi cảnh thiếu-thốn: mỗi tháng chàng chỉ kiếm được mười tám quan, và mặc dầu ông anh ở Grenoble vẫn thỉnh-thoảng giúp đỡ, chàng không thể sống với số tiền đó ở một nơi đắt đỏ như Ba-Lê. Chịu đói, chịu rét, áo rách, giày lủng, chàng không dám lộ mặt ra đường nữa, mà ở nhà thì cứ phải nghe những lời day nghiền của bà chủ. Bà dọa đuổi chàng đi nếu không trả đủ tiền mướn phòng. Càng điều đứng, chàng càng vui đầu vào sách, đến nỗi đau và sau này phải chết sớm.

』 Rồi một hôm, một tin làm chàng thất vọng. Một người bạn báo chàng rằng đã có người đọc được những Cỗ tự Ai-Cập. Chàng lão đảo, muồn té, phải vịn vào bàn, hỏi:

— Ai đó?

— Alexandre Lenoir. Ông ta mới xuất-bán một cuốn nhỏ nhan đề là *Lời mới để giảng hết được những cỗ tự Hi-Lạp*. Champollion nhún vai:

— Lenoir? Vô lý. Tôi mới gặp ông ta hôm qua, sao không nghe ông ta nói.

Chàng còn một tia hy vọng. Ai chứ Lenoir thì chàng biết rõ lắm. Ông ta là một nhà bác học hơi có danh, nhưng không đủ tài để

tìm được cách đọc cỗ-tự Ai-Cập.

Tuy vậy, chàng cũng nóng lòng, hỏi bạn chỗ bán cuốn đó và chạy một mạch tới, vét hết tiền trong túi để mua. Về tới nhà, chàng đọc liền.

Bà chủ nhà, ở trong bếp, đương nấu thức ăn bỗng nghe tiếng ồn ào đập phá ở phòng của Champollion, hốt-hoảng chạy lên coi thì thấy Champollion nằm trên giường, giậm chân múa tay, cười sặc-sụa, y như một thằng điên, miệng thì la:— Ha, ha! Hẳn tìm được cách đọc cỗ-tự Ai-Cập? Hẳn đã tưởng-tượng quá mạnh, nếu không phải là bịp đời.»

Công việc đâu có dễ-dàng như vậy. Và phải mười hai năm sau, trái không biết bao lần thất bại, Champollion mới thành công được, và thành-công nhờ bị đẩy về tội phản quốc.

Nguyên do như sau: Vì ở Ba-Lê khó kiếm ăn, năm 1809, Champollion phải về Grenoble, dạy môn Sử-ký ở trường Đại-học. Mới mười chín tuổi mà được làm giáo sư Đại-học, và dạy những thanh niên có kẻ lớn tuổi hơn mình, hai năm trước còn là bạn học của mình. Đó là một vinh-dự. Mà vinh-dự càng lớn thì càng nhiều kẻ ghen. Nhiều vị giáo sư già cho [sự đề cử đó là bất công, lại tự lấy làm nhục, bị một kẻ «mồm còn hơi sữa» hắt cẳng.

Champollion suốt ngày vui đầu vào sách, có thầy nổi bất bình đó đâu. Sức



làm việc của ông kinh-thiên. Ngoài công việc dạy học, ông còn nghiên-cứu về đủ vắn-đề, soạn một tự-điển «côp» (copte), viết kịch, bài ca — những bài này phổ-biến rất mau, trai gái, già trẻ đều thuộc — có khi lại viết những bài châm biếm Nã-Phá-Luân nữa. Do đó mà sức ông suy dần, ông viết trong nhật ký : «Bộ tự-điển Côp của tôi mỗi ngày mỗi dày lên, mà tác-giả của nó thì mỗi ngày mỗi nhẹ cân đi.».... Tôi đã viết được 1069 trang rồi mà vẫn chưa biết bao giờ mới xong được.»

Thời đó nước Pháp sôi nổi vì những cuộc thay quyền đổi ngôi. Năm 1814, sau khi thua trận Leipzig, Nã-Phá-Luân phải thoái vị, bị đẩy ra đảo Elbe, Vua Louis XVIII lên cầm quyền. Khắp nơi, người ta nghe những tiếng : «Hoàng-Đề vạn tuê !», rồi «Quốc Vương vạn tuê». Champollion cứ thản-nhiên, chẳng hoan-hô ai cả. Ông bảo rằng nhà khảo-cứu phải tìm một chân-lý tuyệt đối, chứ không phải cái thứ chân-lý theo Bonaparte hay theo giòng Bourbon.

Nhưng năm 1815, Nã-Phá-Luân ở đảo Elbe trốn về Pháp. Lại một cuộc xáo trộn dữ-dội. Trên báo chí, những tit lớn đập vào mắt mọi người : «Tên quý đã trốn thoát» — «Hắn đã đổ bộ ở Cannes» — «Tên bạo chúa đã đi qua Lyon !» — «Sáu chục giờ nữa thì kẻ tiếm quyền tới kinh-đô !» — «Bonaparte sắp tới rồi !» — «Ngày mai, Nã-Phá-Luân sẽ tới kinh đô !» — «Hoàng-đề hiện ở tại Fontainebleau !



Trong khi tiền về Ba-Lê, Nã-Phá-Luân ghé Grenoble, vì Grenoble ở trung tâm miền Dauphiné, là một căn-cứ quân sự quan-trọng vào bậc nhất. Lúc đó đã tới trời. Nã-Phá-Luân cầm hộp đựng thuốc hút gõ vào cửa thành rồi đơn thân đứng đợi dưới những họng súng. Lính trên đồn bu lại

ngó, rồi bỗng một tiếng hoan-hô vang dậy. «Hoàng-đề vạn vạn tuê !» và cửa thành mở toang ra.

Ông anh của Champollion từ trước vẫn trung-thành với Hoàng-Đề, cho nên khi Nã-Phá-Luân bảo viên thị-trưởng tìm cho mình một viên thư-ký riêng, thì viên thị-trưởng giới-thiệu ngay Figeac, và khôn khéo đọc chại tên đi một chút là Figeac «Champoléon» để nịnh Nã-Phá-Luân. Nã-Phá-Luân hoan-hỉ : «Ha ! Điểm tốt. Hắn mang nửa cái tên của ta !» Lúc đó Champollion em đứng ở bên, Nã-Phá-Luân ân cần hỏi han. Vị giáo-sư trẻ tuổi trình bày về cuốn Ngữ-pháp côp ông đương soạn, được Nã-Phá-Luân đề ý tới, hứa sẽ giúp cho mọi phương-tiện để xuất-bản cả hai bộ Ngữ-pháp và tự-điển côp. Champollion vẫn thản-nhiên, không cho đó là một vinh-dự, vì trong mấy năm khảo cứu, ông đã làm quen với biết bao vị Hoàng-Đề thời cổ lừng lẫy hơn Nã-Phá-Luân nhiều.

Nhưng Nã-Phá-Luân về được đúng trăm ngày rồi Nã-Phá-Luân lại đi. Bọn Bourbon đi rồi bây giờ lại về, và một cuộc báo oán vĩ-đại nhất trong lịch-sử Pháp xảy ra khắp nơi. Hình phạt trút xuống như mưa, Figeac tất nhiên bị tội, vì đã theo Nã-Phá-Luân lên Ba-Lê. Những kẻ ghen ghét Champollion bây giờ được cơ-hội ra tay, kết-quả là Champollion bị đuổi và bị đày trong một năm rưỡi. Sự thực, ông cũng có tội vụng-về, đã hô hào dân-chúng chống lại quân của triều-đình khi Grenoble bị tướng Latour công phá. Nhưng đương lúc đạn trút vào thành thì Champollion quên cả chính-trị lẫn chiến-tranh, chạy một mạch về nhà, tưới nước và đổ cát lên những tấm giấy papyrus để cho khỏi cháy.

(còn một kỳ nữa)

NGUYỄN - HIẾN - LÊ

THE CHARTERED BANK

Anh - Quốc Ấn - Chiếu Ngân - Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - Cục

CHI-CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Plaue Preak Kossamac



*Chi-nhánh thành-lập tại các
nước Viễn-Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANÇAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

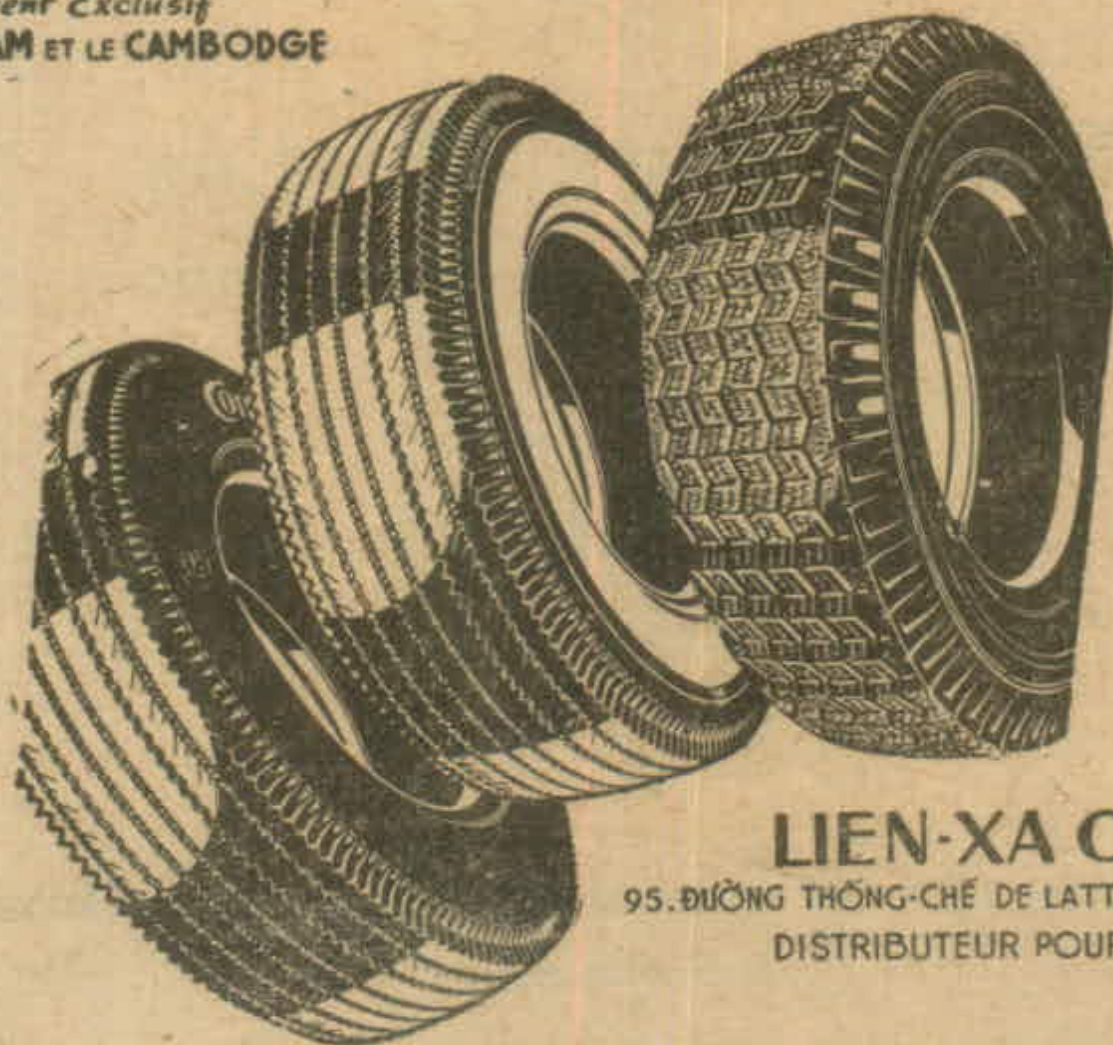
Chi Ngánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE, HONGKONG, TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE DU VIETNAM

35 Đường NGUYỄN-HUYỆ, SAIGON

Agent Exclusif

POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY

95. ĐƯỜNG THỐNG-CHÉ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



tâm - sự

cây thạch cầm

xưa nhứt thế-giới

Tìm được trong một làng đồng bào
miền núi, tại miền Trung nước Việt

★— ANH - CA

Hôm nay, tôi vào tìm ông A. Schoeffner để nhờ ông chỉ cho một ít tài-liệu về nhạc và luôn dịp hỏi ý-kiến ông về nguồn-gốc của cây đàn độc-huyền. Tôi không ngờ được cái diễm-phúc gặp một cây đàn có lẽ xưa nhứt thế-giới mà các nhà khảo-cổ đã tìm được trên lãnh-thổ nước Việt.

Ông A. Schoeffner, nhà khảo - cổ, khảo nhạc danh tiếng, giám-độc viện Nhạc-Chủng-Học (Ethnomusicologie) Ba-Lê, tiếp tôi trong phòng làm việc của ông. Sau khi chỉ cho tôi những quyển sách tôi cần phải đọc, ông hỏi tôi :

«— Chắc anh chưa thấy cây đàn

mà nhà khảo-cổ G. Coudominos đã tìm được trong một làng Mọi, làng Nđut Lieng Krak thuộc về tỉnh Dar-lac Trung-Việt ?

«— Thưa chưa»

— «Anh theo tôi»

Ông dẫn tôi đi ngang qua một căn phòng lớn trong ấy la-liệt những đại-cổ, tiểu-cổ, những đàn sáo từ các nơi gởi đến. Mùi mộc-meo, mùi đồ cũ xông lên nồng-nực.

— «Đây là những nhạc-khí của các nhà khảo-cổ tìm được từ bốn phương trời, gửi lại đây để chúng tôi nghiên cứu, sắp loại, rồi sẽ đem trưng trong

Bảo-tàng-viện. Và đây, cây đàn có lẽ xưa nhất thế-giới mà tôi vừa nói chuyện với anh.

Dưới sàn nhà, nằm song song trên hai cái gờ bằng cao-su 11 miếng đá dẹp, hình gần như chữ nhật miếng lớn nhất, theo lời ông A. Schoeffner được 101 phân 7 bề dài, 15 phân 8 (15 cm 8) bề ngang; miếng nhỏ nhất được 65 phân bề dài, 10 phân 6 bề ngang. Miếng đá nặng nhất cân được 11,7 kg, mảnh nhẹ nhất được 4, 8 kg. Tay cầm một cái búa gỗ, ông gõ nhẹ trên mấy miếng đá. Một âm-thanh êm như tiếng đàn ((gamelang)) của Nam-Dương, thanh gần như một tiếng chuông phát ra.

— Anh nghe này ! Âm-giai cũng thuộc về loại ngũ-âm, nhưng không phải ngũ-âm của Trung-hoa; mà ngũ âm theo âm-giai ((pelog)) của người Nam-Dương.

— Như thế, theo ông nghĩ rằng cây đàn này có lẽ do tổ-tiên người Nam-dương chế ra chăng ?

— Các nhà «khuyết-sử thời đại-học» (préhistorieus) chưa chắc về chuyện ấy. Họ cho rằng cây đàn này ít lắm cũng được 5.000 tuổi. Từ đó đến bây giờ, đã bao nhiêu dân-tộc sống trên vùng đất chỗ chôn cây đàn. Nhưng các nhà khảo-nhạc phải nhìn-nhận rằng cây đàn này rất tinh-vi. Người tạo ra cây đàn này, vừa là một thủ-công khéo tay vừa là một nhạc-sĩ thính tai, mới có thể đục những tảng đá ra thành một nhạc-khí như thế này.

Vừa nói, ông vừa lấy búa gỗ nhẹ trên mấy miếng đá. Những âm-thanh trong âm phát ra.

— Anh nghe không ? Có cả một bát độ (octave) thật đúng giữa hai miếng đá này.

Ông gõ nhẹ trên miếng đá thứ nhất và miếng thứ sáu.

— Thật đúng mới lạ chớ, ông nói tiếp. Nhạc khí này không giống những cây đàn bằng đá của Trung-Hoa (1) coi bản chú, mà giống loại mộc cầm (xylophone) vì thế nên chúng tôi không treo lên lại để nằm. Và lại nếu phải treo lên thì người chế đàn đã xoi lỗ mấy viên đá này. Có lẽ họ để mấy miếng đá này trên hai khúc gỗ, hay là để ngang qua một miếng hãm. Nay chúng tôi để thử trên hai cái gờ bằng cao-su thì tiếng đàn phát ra ngân rất lâu.

— Thưa ông, các nhà khảo nhạc có nghĩ rằng trước kia ta đàn thế nào chăng ?

— Tôi có thử dùng một khúc cây bao vải, như thế dài dùng để đánh các thứ chiêng hay thanh-la bên Việt-Nam, thì tiếng ngân rất nhỏ. Tôi lại dùng búa gỗ, thử búa dùng để đàn mấy cây khánh bên Trung-Hoa thì tiếng ngân rất lâu, và vang gần như tiếng chuông ? Vì thế nên chúng tôi dùng cái búa gỗ để gõ đàn.

(1) Đặc khánh : Đàn làm bằng một miếng đá.

Biên khánh : Đàn gồm có 16 miếng đá treo trên một cái giá.

— Thưa ông, cây đàn nầy tên chi ?

— Chúng tôi gọi nó là cây «Lithophone de Ndut-Lieng-Krak», cây thạch-cẩm làng Ndut-Lieng-Krak (2) nơi nhà khảo-cổ G. Condominos đã tìm ra cây đàn ấy. Chúng tôi sẽ đem trưng cây đàn nầy trong Bảo-Tàng-viện sau khi nghiên-cứu xong.

Tôi xin phép ông mượn búa gỗ gõ nhẹ trên mấy mảnh đá. Tôi rùng mình. Tiếng đàn nầy cách đây 5.000 năm, đã ngân lên dưới tay của một nhạc-sĩ thời thượng-cổ, trên một vùng đất mà nay đã thành lãnh-thổ của Việt-Nam. Hôm nay, dưới trời Âu, tiếng ngân ấy như làm cho tôi cảm-thông với người nghệ-sĩ tiền-bồi, tiếng ngân ấy như thổ-thể cùng tôi, nỗi lòng của cây thạch-cẩm xưa nhứt trên thê-giới.

Và tôi im lặng, kính-cẩn nghe cây thạch-cẩm bày tỏ nỗi lòng :

HÓA-KIỆP

Trải qua mấy chục thê-kỷ im hơi vắng tiếng, hôm nay nhân gặp người đồng hương được ngân vang dưới tay của người, tôi như sống lại những ngày qua. Người hãy ngồi lại đây một chút, tôi kể lại cho người nghe quãng đời qua của tôi, quãng đời của những viên đá được hóa kiếp thành một cây đàn.

(2) Chúng tôi tạm dịch là thạch cẩm, vì chữ Biên-Khánh đề chỉ một loại đàn cũng bằng đá gồm có 16 mảnh của Trung-Hoa mà cách đàn và âm giai đều khác với cây thạch cẩm nầy,

«Thuở nọ, tôi là những viên đá trên một triền núi, ở một vùng nắng ấm cây xanh. Thuở ấy, người ta còn ăn lông ở lỗ, và thường ngày, những người bản xứ đến triền núi tìm đá để đẽo thành những lưỡi búa, lưỡi dao, để phanh thây những thú rừng mà họ săn được. Biết bao nhiêu đồng loại của tôi đã từ giả triền núi về ở trong các hang đá. Một hôm có người nhặt tôi về. Anh ấy không đẽo tôi thành hình lưỡi búa mà lại đẽo tôi thành một mảnh đá đẹp và vuông dài. Các bạn anh không biết anh định làm gì, đến một hôm anh để những mảnh đá dài trên... trên cái gì tôi quên mất, hình như hai miếng gỗ thì phải. Rồi anh lấy một miếng gỗ khác gõ nhẹ vào tôi... Tiếng ngân vang lạnh-lạnh. Tôi giật mình, không ngờ mình có thể ngân to như thế. Chưa từng nghe những tiếng ngân vang, mọi người đều hoảng sợ cho rằng thần linh ứng hiệu... Họ quì xung quanh tôi trong khi nhạc-sĩ nhẹ tay gõ một điệu nhạc êm. Tiếng đồn đến tai viên tù-trưởng, và kể từ mấy hôm sau, tôi thành của riêng của viên tù trưởng. Trong các dịp vui, buồn, của bộ-lạc, anh nhạc-sĩ gõ nhẹ vào thân tôi, tôi ngân lên những bản đàn tuyệt-diệu. Lòng đá thấy sung-sướng quá !

Đá nầy không như những viên đá khác chỉ trơ mặt xám, không chuyển, không sồn. Đá nầy biết rung với lòng nhạc-sĩ, ngân lên để đem sự vui-vẻ cho bộ-lạc sau mấy hôm đi săn nhọc-nhăn.

Mấy người trong bộ-lạc kính-nể tôi lắm, vì tôi không kêu càn-cạch như những viên đá thường, mà tôi lại ngân lên rất êm, nên mặc dầu thích tôi, họ vẫn coi tôi như một vị thần linh.

Một hôm, bộ-lạc ấy đi săn không thấy trở về. Tôi mãi đợi tay huyền diệu của người nghệ-sĩ để hát lên những khúc nhạc êm, mà người nghệ sĩ đi đâu không trở về.

Băng đi một dạo, có lẽ cũng đến mấy thế-kỷ sau, một bộ-lạc khác đến chỗ tôi nằm. Họ bu xung-quanh mà bàn-bàn tán-tán. Một anh vô ý chạm vào người tôi. Tôi ngân lên, tưởng rằng các anh ấy biết tôi là cây đàn, rồi trong bọn, nếu có một nhạc-sĩ thì tôi sẽ tìm lại được các thú đem nguồn vui cho người. Mà họ đột quá ! Không có một người nhạc-sĩ ! Nghe tôi ngân vang, họ đâm hoảng, quì phục xuống lạy tôi. Kể từ đây tôi thành một món đồ họ tôn thờ hơn một vị thần linh. Đi săn không gặp mỗi, họ quì xuống khấn tôi. Được nhiều mỗi họ làm lễ tạ ơn tôi. Mà tôi có cần gì những sự tôn thờ vô-lý ấy. Và lại tôi có ăn thua gì đến sự được mỗi cùng không trong mấy buổi đi săn của họ ! Tôi chỉ mong trở lại kiếp đàn mà đâu là người nhạc-sĩ tri âm ?

BỊ CHÔN VÙI

Đến một hôm nọ, viên tù-trưởng chết. Họ chôn theo ông nấy những bảo-vật của ông. Mà người trong bộ lạc định chôn cả tôi. Họ gộp những

mảnh đá thành một bó đập lầy một mảnh theo phong-tục chôn cất của họ thời bấy giờ (3) rồi họ đào lỗ chôn tôi. Thế là từ ngày ấy, đã sanh ra kiếp đá, tôi lại trở về kiếp đá. Quen sống trên đất bằng, ngày ngày đợi tay người nghệ-sĩ nâng niu để hát đùa với tiếng chim tiếng gió, nay phải chịu chôn thân ở giữa lòng đất tối-om, lạnh lẽo.

Buồn ối xa vắng mệnh-mông là buồn !

Tôi mong có người đào tôi lên, để tôi được thấy lại ánh sáng mặt trời. Tôi mong gặp người nghệ-sĩ để tôi có thể cất tiếng ngân vui. Nhưng mười năm qua, một trăm năm qua, hai ba, bốn thế-kỷ qua, tôi sống mãi một đời u-tôi, cô quạnh dưới một lớp đất ngày thêm nặng trĩu. Một lớp đất bụi bám vào thân tôi và chán cuộc đời không ý-nghĩa, tôi im hơi, lặng tiếng, và trở ra như... đá, tôi ngủ một giấc nghìn thu.

LẠI ĐƯỢC HỒI-SINH

Nhưng một hôm (4), có người đào đất gặp tôi. Họ đem tôi lên ánh sáng. Đã mấy ngàn năm nay, tôi an phận đó rồi, mà nay, ai đem tôi trở lên mặt đất ? Và để để làm gì ? Tôi sẽ về tay ai đây ? Bao nhiêu câu hỏi làm

(3) Ở vùng thượng du nước Lào và ở Trấn-Ninh có những mảnh đá to chôn trong mồ của mấy người giàu có thuở xưa. Mấy miếng đá ấy cũng bị người chôn đập lầy đi một mảnh theo tục lệ chôn cất thời bấy giờ. Xin xem quyển * Mégalithes du Haut Laos » của Madeleine Colani—Paris Editions d'art et d'histoire — 1953

(4) Ngày 2-2-1949

rộn lòng đá của tôi. Những người đào được tôi cũng là cháu chắt chi của những người trong bộ-lạc ngày xưa. Nhưng họ không biết tôi là gì. Họ tưởng rằng tôi là những viên đá do người Chăm đẽo ra. Mà tôi có biết người Chăm là người gì ? Họ để tôi trên miệng hầm đến hai bữa sau, một người da trắng, mũi cao (5) đến rờ tôi rồi bảo những người đào ra tôi phải đến đây, và để tôi lại y chỗ cũ dưới hầm, như hồi thuở mấy ngàn năm về trước những người trong bộ-lạc thời thượng-cổ chôn tôi. Tôi không lo, không buồn, vì bất quá thì tôi lại ngủ tiếp một giấc nghìn thu nữa chớ gì. Thà rằng trong lòng đất còn hơn lọt vào tay bọn chỉ biết tôn thờ sức mạnh. Nay nếu không gặp được bạn tri-âm, thì đời còn thú-vị gì ?

Trong lúc ấy, họ bàn tán về tôi rất nhiều. Tôi nhớ có một lão người bản xứ đến nói với ông da trắng mũi cao rằng tôi trước kia có lẽ bằng sắt vì chôn dưới đất lâu quá nên biến thành đá.

Tôi tức cười quá, muốn phơì lòng đá cho họ coi, muốn ngân vang cho họ biết tôi là một cây đàn mà làm sao bây giờ ? Họ để tôi vào lỗ chôn tôi như ngày xưa, ngắm nghía một hồi lâu. Tôi đang đợi họ lấp đất lại để tôi trở về với cát bụi thì ông da trắng mũi cao bảo họ chớ tôi về nhà ông. Họ cất tôi trong một căn phòng. Tôi chẳng biết họ định làm gì tôi, thì một hôm tôi nghe mấy người bản

xứ bảo rằng ông da trắng mũi cao bệnh nặng ; ông phải về xứ và sẽ mang tôi theo. Tôi sẽ đi đâu ? Xứ ông ấy ở phương trời nào ?

Phiêu-lưu

Họ bỏ tôi vào một thùng gỗ và khi nghe tiếng rổ rổ, và thấy toàn thân tôi bị rung chuyển, tôi chắc họ đang chở tôi đi đâu đây. Đến hôm họ để tôi yên, tôi lên nhìn thì thấy tôi đang ở trên một bên sông. Họ lại cho tôi vào miệng một con cá thật to (6). Tôi nhắm mắt lại và nằm yên để chờ đợi coi vào bụng cá thể nào.

Nhưng không sao cả. Độ hai mươi mấy ngày sau có người đến khiêng tôi. Họ cũng nói một thứ tiếng với ông da trắng mũi cao đã chở tôi về. Đến nơi, tôi bị để nằm trong xó một thời-gian cho đến khi ông da trắng mũi cao đã chở tôi về lành bệnh ông đến rờ-rẫm tôi, và lấy một miếng gỗ dài, để dọc theo thân của mỗi mảnh đá (7). Rồi ông mời không biết bao nhiêu người da trắng mũi cao khác đến xem tôi. Chưa ai biết tôi là cây đàn cả. Tôi cũng không mong gì họ biết tôi. Họ là những người từ phương trời nào xa xôi, cách sông, cảm, nghĩ lại có phần khác, làm sao họ biết được những chuyện gì đã xảy ra từ mấy nghìn năm về trước ? và cảm thông với đá để biết tôi là ai ? Có người cạo một ít đất bao chung quanh mình tôi rồi gói kỹ lại mang về. Nhưng một hôm có ông lại gõ nhẹ vào thân tôi. Tôi ngân lên một tiếng nhỏ. Một ông tỏ

(6) Người ta chở Thạch cẩm xuống tàu

(7) Ông G. Condominas đo mấy mảnh đá

(5) Ông G. Condominas

về mừng và nói gì với các ông kia không biết mà một chốc sau, họ đem tôi đặt lên trên hai cái gối mềm mềm. Nằm trên cái gối ấy rất êm. Một ông mang đến hai cái khúc cây (8), một khúc cây có bít vải trên đầu, một khúc cây trơn.

Ông lấy khúc cây có bít vải đánh nhẹ vào thân tôi. Tôi ngân lên một tiếng nhỏ. Ông lại lấy khúc cây trơn gõ nhẹ vào người tôi, rồi lắng tai nghe. Tôi thích quá, vì mãi đến hôm nay mới có người nghĩ rằng tôi không phải một cục đá lăm-lì tầm thường mà là một cây đàn, nên tôi ngân to để chào bạn tri âm. Các ông da trắng mũi cao đứng xung quanh kêu to lên: «Ồ!» Rồi ông nào cũng muốn gõ thử một cái vào thân tôi. Tôi càng ngân to cho các ông biết rằng tôi không phải chỉ ngân được có từng ấy thôi.

Trở lại kiếp đàn

Từ hôm ấy không ngày nào tôi được yên thân. Không ông nấy cũng có ông khác đến xem tôi, sờ-răm và gõ vào mình tôi. Có khi họ đến một lượt năm bảy người, đập vào đầu tôi chán họ cãi với nhau, cãi xong lại gõ vào đầu tôi mấy lượt. — Nhiều lúc cũng bức mình. Nhưng tôi được vui một chút là họ tuy ở đời nầy và trong một xứ lạ mà họ cũng biết rằng tôi là một cây đàn. Tuy họ không biết sử dụng tôi như nhạc-sĩ thời xưa, nhưng ít ra họ cũng tìm cách cho tôi có thể ngân vang.

Sau một thời-gian nghiên cứu họ

để tôi nằm yên ở đây. Chung quanh tôi có bao nhiêu nhạc khí khác. Mà chắc không ai già hơn tôi đâu. Ai nấy nằm lặng-lẽ trên kệ. Chỉ có tôi là được nằm trên hai cái gối êm như thềm nấy. Dù cho được êm-âm hơn hồi ở giữa lòng đất lạnh-lẽo, tôi vẫn thấy chán, vì từ lâu nay không ai đến gõ vào thân tôi nữa. Họ đã biết rằng tôi là một cây đàn, sao họ không nghĩ cách dùng tôi để tấu nhạc? Trong kiếp sống thừa của tôi, tôi không mong gì hơn là góp tiếng đá của mình với tiếng tơ, tiếng đồng, tiếng sắt... của bao cây đàn khác ở cái thế-giới hiện nay mà tôi mong đoán được nổi lòng qua biển cả của âm-thanh.

Xin ai chớ hiểu lầm rằng tôi nặng đày tự phụ của một vật thâm niên, một thứ đồ cổ biết giá trị mình, một cây đàn hiếm có của phía mặt trời lên. Không đâu, tôi chỉ nhớ mình vốn là đá của Đất Trời từ thuở hỗn-mang, nhờ tay người mà thành hình nhạc-khí, nhờ tình người mà khỏi kiếp u-minh. Người cúi nhìn tôi. Dáng người tương tự với mấy người trong bộ-lạc ngày xưa quá! Tôi nhắm mắt lại, để mà sung-sướng đến mê-mê, hay để khỏi nhìn nổi cảm-động xôn xao đang làm mờ đôi kính của người đã thờ cùng tôi một thứ khí trời! Người cung kính gõ nhẹ vào thân tôi để tìm âm-điệu, tôi thấy như trẻ lại... mấy nghìn năm! Bao nhiêu ký-ức trở lại trong đầu tôi. Cả một thời xưa oanh-liệt đang diễn ra trước mắt tôi, nên tôi muốn tỏ nổi lòng với người. Người họa chẳng có thể hiểu được tôi

(8) Ông A. Schaeffner

Nỗi lòng

Từ viên đá vô-tri, vô-giác, tôi đã hóa kiếp ra một cây đàn, biết rung cùng nhịp với những xúc-cảm của nhạc-sĩ. Tôi không cảm như những đồng loại, tôi đã cắt tiếng hòa với giọng hát của người. Tôi đã từng phen ngân vang cả một góc rừng. Tôi đã từng diễn-tả những xúc-cảm thâm-kín của nhạc-sĩ. Tôi đã giúp cho người quên sầu lại được thêm vui. Mà ngày nay, thì tìm đâu cho được nhạc-sĩ thời xưa ?

Lúc mới bị chôn, tôi mong thấy được ánh sáng bao nhiêu, thì hôm nay tôi lại mong được chôn vui bấy nhiêu. Đời thế này không chán sao được ! Cứ nằm đây mãi mà chờ, chờ người tri-âm không bao giờ đến. Trời ơi ! Tại sao tôi không như những viên đá tảng thường vô-tri vô-giác, để tôi khỏi phải băn-khoăn, buồn khổ như thế này ?

Trở lại với cuộc đời, mà tôi không còn là một cây đàn muôn điệu, để giúp cho con người giải được cơn sầu, quên bớt khổ đau, thì kiếp sống

của tôi còn ý nghĩa gì ? Hôm nay lại phải xa nơi quê cha đất tổ mà ngày về chẳng biết, đến bao giờ !

Hôm nay gặp người đồng hương, tôi cời mở tác lòng, người có thể giúp tôi trở về cò-quốc, và sống lại kiếp đàn muôn điệu như xưa chẳng ?»

Tôi kính-cẩn nghe thạch-cẩm than-thở, buồn vì mình cũng bất lực, không tìm được âm-diệu của ngày xưa cho thạch-cẩm, không thể đem thạch-cẩm về nơi quê cũ. Tôi đau đớn tỏ với thạch-cẩm những bất-lực của tôi, và đến hôm người ta đem chôn thạch-cẩm trong Bảo-tàng-viện, tôi không dám đến xem. Tôi chỉ biết xót thương cho thạch-cẩm từ nay phải im hơi vắng tiếng, ngày ngày chịu cho những người du-khách, những người lạ «giương mắt bé» nhìn một cách tò mò ! Và cây đàn muôn điệu thời xưa bao giờ tìm được khách tri-âm ?

ANH-CA

Thủ đoạn cuối cùng

Vua Louis XIV sai khắc châm ngôn sau này trên các cỗ súng thần công của ngài : « *Ultima ratio regum* » (cái lẽ sau chót của các bậc đế vương), để chỉ thủ đoạn võ lực là thủ đoạn cuối cùng của các vị đế vương dùng đối phó với thù địch. Châm ngôn trên có khi dùng tắt : « *Ultima ratio* » như trong câu : « *Les larmes sont l'ultima ratio des femmes* » (nước mắt là thủ đoạn cuối cùng của đàn bà).

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đại-Lộ* NGUYỄN-HUỆ

(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 lignes)

22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*

(Ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543

B.P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 A *Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box n° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak-Syrie et Liban (B.N.C.I. "A."); à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — Océan Indien); à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Motta (British and French Bank); à Bâle (Banque pour le Commerce International), à Mexico (Banco del Atlantico); à Panama (Panama Trust Co. Inc.)

ALBERT CAMUS

và

TRIẾT - LÝ CHÔNG ĐỐI

CÔ - LIÊU



THÂN-THỂ VÀ SỰ-NGHIỆP

Ngày 7 tháng 11 năm 1913, tại một tỉnh nhỏ hạt Constantine xứ Algérie, Camus ra chào đời trong một gia-đình trồng tía, cha người Pháp, mẹ thuộc dòng dõi I-Pha-Nho. Năm sau, 1914, ông thân sinh Camus từ trần trong cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất. Camus đã biết những ngày khó-khăn trong

Ngày 4-1-60 văn-hào Pháp Albert Camus, giải thưởng Nobel 1957, từ trần vì một tai nạn xe hơi tại Yonne. Ông để lại một cái tang chung cho văn-nghệ Pháp và thế-giới. Sự-nghiệp văn-chương của ông làm sáng tỏ các vấn-đề của thời-đại đặt ra cho lương-tâm con người.

Những tác-phẩm chính của ông gồm có :

<i>L'Etranger</i> , truyện	1942
<i>Le Mythe de sisyphé</i> , tiểu-luận... .	1943
<i>Le Malentendu</i> , kịch.	1944
<i>La Peste</i> , ký sự	1947
<i>Les Justes</i> , kịch	1950
<i>L'homme révolté</i> , tiểu-luận. . . .	1951
<i>La chute</i> , truyện	1956
<i>Discours de Suède</i>	1958

thời niên thiếu, ông phải làm nhiều nghề để có tiền theo học phân-khoa đại-học An-Giê. Ông đã bán đồ phụ tùng xe hơi, làm nhân viên khí-tượng, làm cho một công-ty hàng-hải, cho tòa thị chính.

Sau khi đậu cử-nhân văn-khoa, vì yếu phổi nên ông phải bỏ kỳ thi thạc sĩ.

Camus đã say mê sân khấu nên lập ra đoàn kịch *L'Equipe*, vừa làm đạo diễn, vừa

làm diễn viên. Ông viết vở kịch và soạn thành kịch những tác-phẩm của Malraux, Gide, Dostoievski v.v...

Sau đó Camus đi du lịch nhiều nước, ý, I-Pha-Nho, Tiệp-Khắc; những tác-phẩm đầu tiên của ông đều có nói đến những nước ấy. Trở về ông viết tờ Alger Republicain ở Alger rồi sang Ba-Lê cộng tác với báo Paris Soir.

Đại chiến bùng nổ, rồi Pháp thất trận, người ta gặp Camus trong hàng ngũ kháng chiến, biên tập báo Combat. Khi nước Pháp được giải-phóng tờ báo Combat công khai ra mặt công chúng, Camus đứng chủ bút cho tới năm 1945. Những bài xã-luận (sau này xuất-bản dưới đầu đề Actuelles) phê-diễn tư tưởng tranh-đầu, tư tưởng mà người ta thấy trong hai cuốn tiểu luận *Le Mythe de Sisyphe* và *L'homme révolté*, hai tác-phẩm trụ cột nêu lên những thắc mắc của thời-đại và đặt cơ sở suy luận về ý nghĩa và lập trường tranh đầu.

Camus đã có tên tuổi trong giới trí-thức, ông ngưng viết báo để có thì giờ sáng-tác văn nghệ. Năm 1946 ông sang Hoa-Kỳ diễn thuyết. Năm sau Camus trở nên một văn hào danh tiếng nhất thời hậu chiến khi cuốn *La Peste* (1947) ra đời và được giải thưởng Critiques.

Tiếng tăm Camus lan rộng sang khắp châu Âu. Độc-giả tìm thấy trong tác-phẩm ấy phản ánh đời sống mình với những thắc mắc và hoài vọng thâm sâu nhất. Camus theo đuổi sự nghiệp văn chương và thành công một lần nữa với cuốn *La Chute* (1956) Cuốn sách này, như Sartre đã nói, không được chú ý lắm, nhưng thực ra là bức họa linh-động và mãnh-liệt nhất phơi bày tâm

trạng những người thành công về danh, về lợi, về tình chỉ bằng khôn ngoan, trí trá, lợi dụng, không có một chút thành thực nào cả, những người chúng ta thấy nhan nhản ở xã-hội nào cũng có. Tính cách giả tạo của đời sống chưa có cây bút nào mô tả sâu sắc hơn.

Con người văn-nghệ Camus khoáng đạt và tự-do diễn-tả tư-tưởng Camus mãnh liệt và thấu đáo hơn lý-thuyết khô khan của ông mà ông cũng không thích đóng vai-trò mô phạm dạy đời. Camus kịch gia cũng tỏ ra một nhân chứng xứng đáng của thời-đại với những vở *Le Malentendu*, *L'Etat de Siège*, *Les Justes*, *Les Possédés*.

Năm 1957 Camus được giải thưởng Nobel về văn-chương, một giải thưởng xứng đáng cho một người cảm nghĩ sâu sắc nhất thời-đại, một người tận-tụy với ý chí «ngăn cản không cho đời sống sụp đổ» tuy chủ trương rằng không thể làm lại hẳn cuộc đời trong một thế-nệ.

Camus chết đi giữa lúc khả-năng tạo-tác của ông đến thời kỳ xung mãn khiến cho sự nghiệp dở-dang. Sartre cho rằng chỉ có phần đau những tác-phẩm của ông phản chiếu thành thực ý nghĩ của ông, ấy là sự nhận định cái trống rỗng, cái vô lý của đời sống. Ý-kiến ấy có lẽ đúng vì Camus không còn sống để thực-hiện chủ-trương «ngăn cản không cho đời sống sụp đổ» một chủ-trương mới phác-họa bằng vài nét sơ sài trong phần lý-luận về triết lý-chồng đời.

Văn-nghệ phản chiếu chủ-trương đó, thực ra chưa thể hiện được tinh-thần xây-dựng tích cực. Cái vô lý được dựng lên như một cái gì kiên-cồ đè nặng lên đời sống và sự cố gắng của con người thành tâm muốn cứu

văn cuộc đời chưa đem lại kết-quả cụ-thể, phần nhiều họ chỉ biết có thất bại và đau khổ.

Tuy nhiên Camus đã đặt ra phần lớn những câu hỏi cần phải đặt cho thời-đại chúng ta mong đợi câu trả lời ở những thể hệ sau.

TRIẾT-LÝ CHỐNG ĐỐI (1)

Cô đọng hệ-thống tư tưởng của Camus vào vài trang giấy là một việc làm khó khăn, nhưng chúng ta phải làm để nhận định lập trường văn-nghệ của ông. Sự-nghiệp văn chương của Camus là phương-tiện diễn đạt những tư-tưởng triết-lý, triết lý chống đối, nghĩa là sự phản-ứng của con người thời đại mất tin-tưởng thần quyền, đứng trước những thách thức về sinh tử, thiện ác. Phủ nhận cái trật tự của nếp sống ngày nay, họ đề-nghị một phương-pháp thức tỉnh lương tâm để tạo lập những giá-trị mới cho đời sống.



Hai cuốn sách *Le Mythe de Sisyphe* (1943) và *L'homme révolté* (1951) chứa đựng những nét chính của hệ-thống tư-tưởng. Cuốn đầu thiên về sự diễn-tả trạng-thái khủng-hoảng tinh thần trước cuộc đời vô lý. Cuốn thứ hai bổ-túc cuốn thứ nhất nói rõ lập-trường của người chống đối cuộc đời vô lý. Cuốn thứ hai viết ra cách cuốn thứ nhất 10 năm, bề ngoài hình như mâu thuẫn với cuốn thứ nhất, nhưng thực ra đó là sự tiến triển của

(1) Tài liệu viết phần này rút trong cuốn tiểu luận về Camus của Luppé, Presse universitaire de France.

tư tưởng chống đối từ trạng thái khủng hoảng đến trạng thái ổn định. Không có mâu-thuẫn mà chỉ có tiến-bộ.

Triết-lý chống đối có thể tóm thâu trong hai dữ kiện và một câu kết luận:

— Đời vô lý.

— tâm con người sáng suốt

— bởi thế con người chống đối để tìm một đường lối sáng sủa.

Như vậy chúng ta cần biết thế nào là đời vô lý, chữ tâm của tác-giả chứa đựng những yếu tố nào, thế nào là chống đối: giải thích ba sự kiện ấy là diễn tả đủ tư-tưởng của Camus.

1) Đời vô lý.— Hoạt-động hàng ngày của chúng ta có tính cách máy móc. Một đoạn trong *Le Mythe de Sisyphe* diễn-tả mãnh liệt ý-tưởng đó: « sáng dậy lên xe điện, bồn giờ trong xưởng hay trong buồng giặt, ăn cơm, lên xe điện, bồn giờ làm việc, nghỉ ngơi, ngủ. Thứ hai, thứ ba, thứ tư, năm, sáu, bảy đều theo một nhịp điệu bất di bất dịch ». Nhịp điệu đời sống đều đều làm cho hành động của ta cũng đều đều như một cái máy, mất hết ý-nghĩa. Như vậy cái vẻ máy móc, cái vô lý không những chỉ có ở ngoại vật mà còn ở bản thân ta. Tiếp xúc với cuộc đời máy móc, người ta chỉ thâu lượm được một mớ *kinh-nghiệm máy móc* mà thôi.

Ngày mai là nguồn hy vọng vì ngày mai có thể đem lại cái gì bây giờ người ta ước ao. Nhưng ngày mai kéo người ta đến cõi chết gần thêm một chút. Con người mong mỗi cái ngày mai mà đáng lý ra nên từ chối tránh xa mới phải.

Ta ngắm cảnh trời thanh, non bóng, nước

nhược ta thấy đẹp, nhưng sự «thầy đẹp» đó là một tâm-trạng của ta vẽ lên bề mặt phong cảnh chứ thực chất của cảnh vật, cái «lý» của nó hoàn toàn khác biệt xa lạ với ta. Nếu gột bỏ cái «thầy đẹp» của ta gán cho cảnh thì chỉ còn lại sự mù mịt, dầy đặc, kỳ lạ người không thấu được.

Chết là dĩ nhiên. Ta biết chắc chắn sẽ có ngày chết như biết đáp số một bài toán. Chết là hết, vậy thì cuộc sống thật là một cuộc phiêu-lưu vô ích. Cảm tưởng vì đời sống và ý-nghĩa cuộc sống không thể là cái gì khác một cảm tưởng vô lý. Trong lãnh vực trí tuệ, con người không thể phân biệt được chân thực với giả dối, không hiểu được chính bản thân. Khoa-học bó tay trước những bí mật tạo-hóa. Tạo-vật chống lại lý trí của người. Khoa-học và triết-lý chỉ là hão huyền và khám phá ra một sự bí mật chỉ có nghĩa là tiền đề một sự bí mật dầy đặc hơn.

Đời vô lý. Thân phận con người mong manh. Đền đây ta thấy cách nhìn của Camus là một cách nhìn yếm thế. Triết-lý vô lý có đủ điều kiện để gặp gỡ triết-lý giả dối của phái hiện sinh. Nhưng—còn một chữ nhưng bé nhỏ mà quan trọng—Sartre phủ nhận hoàn toàn, tuyệt đối. Còn Camus công nhận con người có cái tâm sáng suốt, nhờ cái tâm ấy con người có thể khách quan mà quan sát cuộc đời. Đem đời chiều cuộc đời mấy móc đó với những khao khát ước vọng của tâm, người ta thấy sự liên-lạc giữa mình và đời thật vô lý. Như vậy thật ra đời phi lý chứ không phải vô lý; phi lý, vì vượt khỏi tầm hiểu biết của người, sự liên lạc giữa ta và đời mới vô lý. Nhưng ta quen nói đời vô lý vậy xin cứ để nguyên cho gọn.

Đời có một nhịp sống máy móc, người ta không thể tìm thấy một sự cảm thông với tâm của mình, bởi vậy người ta chống đời.

Đời phi lý, buồn khổ, liên lạc-giữa người và đời vô lý, đó là ba vai trò chủ động trong màn kịch chống đời.

Trước khi xem kịch ta hãy tìm hiểu chữ tâm. Vậy tâm là gì? giải thích yếu tố này là bước sang dữ kiện thứ hai: tâm sáng-suốt.

2) Tâm sáng-suốt.—Tâm là một cái gì sáng suốt, có giá-trị độc-đáo, giá-trị độc đáo đó có trước hành động. Lý (essence) có trước đời (existence). Đó là cái nhân-tính trong con người. Các triết-gia hiện đại cho là giá trị đó phải thu nạp lần hồi sau khi hành-động và kinh-nghiệm, nghĩa là có sau hành-động.

Không xa lạc vào địa-hạt thần học chúng ta cũng có thể mở một cái ngoặc để nêu lên câu hỏi: Vậy sự sáng-suốt ấy, giá trị ấy ở đâu mà có? Đời với Thiên chúa giáo thì tâm phản chiếu sự sáng suốt toàn vẹn của Thượng Đế cho nên sáng suốt. Phật học chọn trường tâm đồng thể với tâm Phật, có Phật tánh, sáng suốt và tĩnh lặng. Khổng-Tử nói đến cái minh đức và Mạnh-Tử nói đến cái lương-tri của trời phú cho.

Nhưng Camus từ khước những sự giải-thích xa-xôi, những tư tưởng hệ thống, mà chỉ nhìn vào thực tế và lý luận trên căn bản thực tế. Vậy ta có thể đóng cái ngoặc lại.)

Camus công nhận người ta sẵn có một cái nhân tính nên biết thông cảm với người đồng loại. Giữa mọi người có một sự đồng thanh, đồng khí, tương ứng, tương cầu. Nhưng ác thay việc đời điên đảo đã dựng ra trước mỗi người một bức tường ngăn cách làm cản trở sự thông cảm ấy, bởi thế người ta thấy cô độc mà phải chống đời để phá bỏ những nguyên nhân ngăn cách mình với mọi người và mọi người với nhau.

Sự thông cảm với mọi người dất dền

tình thân hữu ; và muốn thân hữu với người khác, người ta không thể coi người khác như một ý-niệm về người, mà phải tìm hiểu phần thân mật cởi mở, phần tốt đẹp của người khác. Trong sự đoàn-kết ấy điều ác cũng không có đất nảy nở.

Tim sự thông cảm, sự thân hữu với đồng loại là một cách biểu lộ tính chất trong sáng của tâm, hướng về một ý niệm thuần nhất (unité). Camus lấy ý niệm thuần nhất đó, lấy sự trong sáng đó là nguồn gốc những quan niệm về đạo-đức. Nhưng Camus nhận thấy rằng sự tiếp xúc với đời sống chỉ đem lại cho ta một mớ « kinh-nghiệm vô lý » không phản chiếu-ý niệm thuần nhất trong sáng... Cả một thời đại đã lăm lăm đã căn cứ vào những « kinh-nghiệm vô lý » để đặt ra hay nhắc lại những công-thức hành-động phản ánh sự vô lý đó. Người nào đã ý thức được ánh sáng của tâm phải làm cái gì hơn thế, khác thế. Đó là tất cả ý nghĩa cao đẹp của sự chống đối.

Tóm lại, nói đến tâm, Camus đề cập đến phần « linh » phần sáng-suốt làm thành cái nhân tính của con người (nature humaine, humain). Nhờ có nhân tính đó người ta biết thông cảm, thân hữu với đồng loại, người ta ý thức-được sự thuần nhất, sự trong sáng.

3) Sự chống đối — Đứng trước cuộc đời vô lý con người sẽ phản-ứng thế nào để thỏa-mãn ước vọng trong sáng thuần nhất của tâm ? có ba giải pháp : tự-vẫn, hy-vọng và chống đối.

Tự vẫn không giải-quyết được gì mà còn là không biết đến tâm. Hy-vọng là thừa nhận sự vô lý vì là thái-độ chờ đợi một ngày kia mọi sự việc sẽ được giải-thích cho sáng tỏ.

Đó là giải-pháp tín-ngưỡng, tôn giáo. Câu trả lời đích đáng là sự chống đối.

Không chịu nhận sự vô lý, tâm phải chống lại để tìm sự hữu lý. Đời vô lý là yếu-tố kích-thích tâm-hành động chống đối. Nhờ sự chống đối ấy, vấn đề đời sống được đặt đi đặt lại mỗi phút mỗi giây. Trong cuộc tranh đấu không ngừng ấy, sẽ xuất hiện những kết quả gì ?

Đền đây mới xuất hiện nhiều điều khúc mắc, và có người ngộ nhận Camus chính vì không lý hội được sự liên lạc giữa hai giai đoạn tiền triển của tư tưởng Camus. Hai giai đoạn ấy bề ngoài hình như có sự mâu thuẫn, nhưng thực ra là sự giác ngộ lẫn hối của con người chống đối từ chỗ vì mình mà chống đối đến chỗ vì người mà chống đối.

Giai-doạn thứ nhất— Sự quan sát đời vô lý làm thức tỉnh lương tâm. Trước khi thức tỉnh con người nô lệ những nguyên-tắc, thành kiến, tập tục, mục-đích, ngưỡng vọng v.v... mà họ nhìn xuyên qua kinh nghiệm đời sống nên có một ảo ảnh về tự-do. Họ nói họ tự do chọn nghề, tìm tình yêu, tìm bạn nhưng thực ra, cả một xã-hội họ sống đã ảnh hưởng nặng nề đến họ, đã hướng họ về những quyết định ấy. Nhưng một ngày kia họ thức tỉnh, tất cả đều hiện ra vô nghĩa, trước mắt họ chỉ còn hình ảnh tử thần đang chờ đợi họ. Họ sẽ không còn ham muốn gì nữa. Họ thoát rồi đó, thoát để sống với cái tự-do vừa ý niệm được. Với sự tự-do ấy, họ không còn là cái máy, họ sẽ sống đầy đủ, mãnh liệt những cảm giác của hiện-đại, vì chỉ có hiện-đại là đáng kể.

Như vậy giác ngộ sẽ mở đường cho xa đạo, cho truy lạc như thoát tục đã mở đường cho

trịch diệt, xa lánh cõi đời? Không. Camus luôn luôn nhắc đến cái tâm, cái tâm không bị chìm đắm dưới khoái cảm vật chất khoái cảm cũng như những giá-trị khác ở đời đều mất hết ý nghĩa, cũng như nhau mà thôi một, khi con người đã thức tỉnh. Người chống đời chỉ còn lại cái tâm với giá trị độc đáo của nó, mà vẫn chưa dung hòa được tâm với đời. Tâm sẽ hành động để tạo cho đời những giá-trị mới. Vậy là kinh nghiệm vô lý đưa con người trở lại với đời vô lý, nhưng với gánh nặng trên vai là những nhiệm-vụ mới do sự sáng-suốt của tâm đặt ra.

Nói tóm lại, nhờ có kinh-nghiệm vô lý người ta xóa bỏ được những lẽ lỗi hành động và cảm nghĩ cũ do kinh-nghiệm máy móc và ý niệm máy móc về sự việc đem lại. người ta biết được giá-trị thực của cảm giác. Đó là những điểm toát-yếu trong cuốn *Le Mythe de Sisyphe*. Kinh-nghiệm vô lý chưa xướng khởi được một đường lối hành-động. Ta phải bước sang giai-đoạn thứ hai, nội-dung của cuốn sách *L'homme révolté*, mới tìm thấy sự giải-thích.

Giai-đoạn thứ hai.— Giác-ngộ rồi, người

chống-đời không rút vào tháp ngà mà phải hành-động. Họ hành-động không phải vì sự thôi thúc của ngoại-giới, của cuộc đời, người chống đời đã tự chủ, họ hành-động là biểu lộ cái sinh-lực của tâm trong sự trông tìm trong sáng, thuần nhất.

Chúng ta cần nhận mạnh điểm Camus từ chối mọi ý-niệm tuyệt-đời, một đảng Thượng Đế dẫn dắt lương-tâm ta. Văn-đề đặt ra cho tác-giả là : tâm tự-chủ lấy mình có tìm được đường lối mà đi không ?

Lý-luận của Camus dựa vào một luật tương-đời : chống đời không phải là tuyệt-đời phủ-định đời sống, mà cũng không phải là khẳng-định tuyệt-đời. Ở đời hai mặt thiện ác vẫn vít lấy nhau, trong việc thiện có một phần ác và trong việc ác có một phần thiện (tỉ như hành-động của nhà chánh-trị giết người để đem lại hạnh-phúc cho người). Như vậy ở đời chỉ có tương-đời thiện và tương-đời ác.

Hành động công bình chỉ có thể là hành động bênh vực cái thiện một cách tương đối. Nếu ta muốn cho đời tuyệt đối thiện thì hành-động của ta trở nên bất công ngay vì ta phải trừ ác tận nguồn mà sát hại quá

Người tù nước Sở

Đời Xuân-thu, có Chung-Nghi, người nước Sở mà bị bắt cầm tù ở nước Tấn. Ngồi trong ngục, Chung-Nghi vẫn ngang nhiên đội mào theo cách người Nam-phương. Vua Tấn lấy làm cảm phục về khí phách và tiết tháo của Chung-Nghi, tha cho y về nước. Câu « *Sở tù* » (người tù nước Sở) từ đấy chỉ người ở tù mà có danh-dự, danh-giá, và mỗi khi nói đến Sở tù là người ta nghĩ tới Chung-Nghi.

nhieu. Lịch sử ghi lại bao nhiêu cuộc tàn sát nhân danh lẽ phải, công bình, bác ái (cách mạng Pháp, cộng sản), nhân danh Thượng-Đề (chiến tranh tôn-giáo). Đó là sự chông đời tuyệt đời mà ý chí muốn đưa đời đến thông-nhất và trong sáng tuyệt đời đã làm cho người chông đời có hành vi vô nhân đạo. Người ta chỉ hành động theo lý-trí mà không biết đến lương tâm. Quan niệm chân lý đến sau hành-động làm cho phương tiện phản lại mục-tiêu.

Hành-động công-bình là hành-động chông đời có *chừng mực* và *thương yêu*, nối liền với nhau như hình với bóng.

Con người chông đời không được lạc-quan mà cũng không được bi-quan. Không làm gì có một cuộc đời toàn-thiện. Đối trá, độc ác, bắt công vẫn ở liền với thân phận làm người. Người chông đời phải nhận có thực tại đó mà tránh những ảo ảnh. Ảo ảnh một thể-giới đại đồng hay ảo ảnh đạo đức toàn vẹn đều từng đáng với đối trá để nuôi dưỡng bắt công xã-hội. Bởi những lẽ đó sự chừng mực sẽ cầm cân giữ mực cho hành

động. Họ chông đời, chông lại sự vô đạo cũng như chông lại đạo lý hình-thức, cổ chấp và trù tượng. Đạo lý của sự chông đời phải là đạo lý cụ thể, thi hành được, hướng về hiện tại, thoát ra từ trong lòng đời sống.

Quan-niệm yêu thương mà Camus cho nối liền với chừng mực không phải là tình yêu tuyệt đời của Thiên-Chúa-giáo quá cao không với được, đó là tình yêu tương đối vừa tầm con người. Chông đời không phải căm thù, ghen ghét hay tư kỷ, nhưng nhân danh cảm thông, thân hữu, thì chông đời phải là nguồn gốc của hy-sinh và vị tha, vậy rất có thể đi đôi với tình yêu.

Con người chông đời vì cảm thông, vì thân hữu mà tranh-đấu trên nguyên-tắc chừng mực và yêu thương, khi lập được quân bình cho đời sống sẽ biết vui sướng, vui sướng với số phận làm người, có sinh tử nhưng trong sáng và cao thượng.

CÔ-LIÊU

KỶ SAU :

Lập-trường văn-nghệ của Camus

Núi không cần cao... nước không cần sâu...

Cổ-nhân có câu : « Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh » (Núi không cần cao, miễn có tiên ở thì là núi có danh) Câu trên đối với câu : « Thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh » (Nước không cần sâu, miễn có rồng ở thì là nước hóa thiêng). Hai câu cùng có nghĩa nước không cần lớn rộng, nhà không cần giàu sang, miễn có người chủ xứng đáng là nước, nhà nổi tiếng

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tử bảo hiểm cho thuê, mỗi tử tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

L. T. S.— Chúng tôi có được bức thư này của một bạn đọc ở hải-ngoại viết sau khi đọc bài « **Đi tìm một bộ tự-diễn Việt-Nam** » của ông Nguyễn-Vỹ. Mặc dầu bài sau này đăng trên báo Phổ-Thông đã khá lâu, nhưng vì thấy đây không phải là chuyện thời-sự, mà là một vấn-đề bàn luận để học hỏi, nên chúng tôi vui lòng đăng-tái để cho rộng đường dư-luận, và nhất là để khỏi phụ lòng một bạn đọc bạn công việc ở nước ngoài mà vẫn hằng hướng về đất Tổ.

Gửi Ông Nguyễn - Vỹ

Giám-độc, Chủ-bút

Bán nguyệt-san **PHỔ-THÔNG**

Kính thưa ông,

Tôi tình cờ mới được đọc tạp-chí *Phổ-Thông* số 2, bộ mới, do ông chủ-trương.

Tạp-chí của ông biểu-lộ một tinh-thần xây-dựng, có nhiều ý-nghĩ rộng-rãi và mới-mẻ, nên được nhiều độc-giả Việt ở Hải-ngoại chú-ý và chắc ở trong nước cũng thế.

Biết rằng trong làng báo làng văn ông đã có tên-tuổi, tôi mạo-muội biên thư này về ông, chẳng ngại chi trí thiên tài sơ, mà chỉ mong được góp chút ý thành vào một vấn-đề đặc-biệt mà ông đã nêu lên.

Tạp-chí *Phổ-thông* số 2 có bài : « **Đi tìm một Tự-diễn Việt-Nam** » của ông.

Tôi thấy, trước hết, cần phải nhìn-nhận và cảm-mền ý-nghĩ thiết-tha của ông, khi ông đã lên tiếng nhấn-mạnh vào sự cần-thiết của một bộ **Tự-diễn Việt-Nam** chân-chánh. Chắc rằng khi thư này được công-bỏ thì ông đã đề-nghị với Chính-phủ việc lập một **Hàn-lâm-viện** — một viện **Hàn-lâm** chân-chánh, nơi chánh-trị, tôn-giáo không chen vào — thì việc làm của ông lại càng đáng được ủng-hộ một cách nhiệt-nồng.

THƯ GỬI ÔNG NGUYỄN-VỸ

Nhưng trong bài « **Đi tìm một bộ Tự-diễn Việt-Nam** », tôi dám tưởng rằng có nhiều điểm quá nghiêm-khắc, tôi đọc xong mà — có nên thủ-thật cùng ông chăng ? — ngủ không yên, nên mới biên thư này xin ông xét lại.

Trước hết ông đã chế-bai tất cả các nhà làm tự-diễn, và từ-diễn, như Đào-Duy-Anh, Đào-Văn-Tập, Đào-Văn-Vỹ (ông còn quên Đào-Văn-Tiền, và những cuốn « *Danh-từ...* ») Thanh-Nghị, Hoàng-xuân-Hãn, Phạm-Khắc-Quảng, Lê-Khắc-Thiên, vân vân là « chép theo », tức là « đào » tự-diễn cũ lên làm tự-diễn mới.

Sau nữa, ông có ý đem nhạo-báng « vài câu sinh-viên thất-nghiệp, thi rớt tú-tài... cũng khởi sự làm một bộ tự-diễn ».

Tôi nghĩ việc « đào lên », « chép lại » trong công việc soạn một cuốn tự-diễn, là điều mà những người đi sau khó mà tránh được : khác nào công-cuộc mở đường, lớp đèn sau hướng công trình lớp đi trước, để rồi mở thêm cho kẻ đèn sau nữa.

Các nhà cổ-diễn-học (humanistes) của đầu thời-kỳ Phục-hưng bên Âu-châu, chỉ có công tìm sách cũ mà in lại... lòng mong muốn giữ lại cho hậu-thê những bản sách xưa : Chỉ một việc tìm ra và in lại đó mà ngày nay họ vẫn còn được hậu-thê biết ơn rất nhiều.

Nay kết tội Đào-Duy-Anh « chép » của Paulus Của, Génibrel trong khi Đào-Duy-Anh đã làm việc trong tám năm để làm thành quyển **Từ-diễn Pháp-Việt** — sau khi đã ra công làm quyển **Hán-Việt** —, thì thật là vô cùng nghiêm-khắc. Về phương-diện sách xưa tới nay, tôi tin chắc-chắn rằng tự-vị của Paulus-Của chẳng còn lưu lại được bao nhiêu quyển, tôi lại nghĩ công-trình của những người như Đào-Duy-Anh, cùng những nhà xuất-bản, từ ấy đến nay, bỏ thì giờ xuất công xuất vốn cho ra đời mấy bộ Từ-diễn... để cho ngày nay các học-sinh, giáo-sư, tư-chức và các công-sở mới có mà dùng, ấy thế mà ông cho rằng đó chỉ vì cầu-danh, trục-lợi, mà mỉa-mai họ, mà lên án họ thì thật là đau-buồn cho những học-giả và nhà xuất-bản ấy lắm. Riêng tôi mỗi khi dùng đến các quyển **Tự-diễn**, tôi đều thâm cảm ơn những người ấy.



Một mặt khác, ông đem so-sánh những quyển **Tự-diễn**, và **Từ-diễn** của Đào-Duy-Anh, Đào-Văn-Tập, v.v... với quyển **Tự-diễn chân-chính**, theo ý ông nói, và sẽ do Hàn-lâm-viện quốc-gia sau này soạn ra, thì tôi nghĩ cần phải hết sức thận-trọng.

Trước hết, nếu lấy hai quyển Đào-Duy-Anh và Đào-Văn-Tập ra mà nói, thì quyển Đào-Duy-Anh là một quyển **Pháp-Việt từ-diễn**, còn quyển Đào-Văn-

MỘT NGƯỜI HỌ NGUYỄN

Tập là một quyển Việt-Pháp tự-điển (1). Nếu Đào-Văn-Tập không có một số vốn Pháp-ngữ khá giỏi thì đâu có thể cầm lấy quyển Đào-Duy-Anh mà thêm bớt được ngay ! Nếu tôi, hay ai khác, dịch đến chữ « Đào » chẳng hạn, thì tôi cũng phải biết độ chừng rằng đó là quả « pêche », quả « prune », quả « abricot », hay quả « poire » ? thì tôi mới biết hồ-nghì, mà tra sách khác, so-sánh hơn, thiệt, để tìm ra tiếng xác-đáng. (Nói chi đến chữ « creuser », đào ấy mới xem thì quá dễ, mà mấy ai đào được ?)

Tôi xin nói lại : đem so-sánh các tác-phẩm của Đào-Duy-Anh, Đào-Văn-Tập, Thanh-Nghị, v.v... với một quyển **Tự-điển Quốc-gia Việt-Nam**, thì cần phải cân-nhắc hơn nữa.

Tôi hiểu ý ông muốn Chính-phủ lập ra một Hàn-lâm-viện để làm một bộ Tự-điển chân-chính. Ông muốn có một quyển tương-đương với « Dictionnaire de l'Académie française » một quyển « Larousse » (từ loại lớn đến loại bé), hay một quyển « Littré » của Pháp ? tức là một quyển Tự-điển giải nghĩa mỗi tiếng Việt bằng nhiều câu tiếng Việt ? Như vậy, nếu mang so-sánh những quyển Đào-Duy-Anh, Đào-Văn-Tập, v.v... với một quyển Tự-điển quốc-gia Việt-Nam, thì có khác chi đem một quyển « dictionnaire Français — Anglais » ; hay « Anglais — Français » mà so-sánh với một bộ « Littré » hay một bộ « Larousse » du XX^e siècle ?

Đem hai câu chuyện mà để gần nhau như vậy, tôi e sẽ làm cho độc-giả hoang-mang, càng khó mà phân-biệt được thế nào là « Tự-điển quốc-gia » của một nước, thế nào là « Tự-điển của các nhà học ngoại-ngữ » muốn giúp người nước mình học thêm tiếng ngoại-quốc.

Và lại, trong trường-hợp xứ ta, dịch tiếng Pháp, hay tiếng Anh, tiếng Đức, ra tiếng Việt, là một điều rất cần-kíp, để cho người mình có thể dùng một cái vốn từ-ngữ đã có sẵn, mà hiểu, đọc, học, gồm-thâu thêm được bao nhiêu ý-tưởng và sự-vật mới của Âu-Tây.

Dẫu muốn hay không, công-việc làm một từ-điển quốc-gia cũng phải chậm hơn việc dịch tiếng ngoại-quốc ra tiếng Việt.

Tuy-nhiên, nước Việt ta đã có một từ-điển quốc-gia, giải-nghĩa mỗi tiếng Việt bằng nhiều câu tiếng Việt : Đó là quyển **Từ-điển Việt-Nam** do Tín-đức thư-xã xuất-bán vào lời 1933 (?) Hiện nay tôi không có quyển sách ấy dưới tay, nên không nhắc lại năm xuất-bán được. Quyển đó gồm-thâu bao nhiêu

(1) Đào-Văn-Tập cũng là tác-giả một quyển Pháp-Việt tự-điển (Lời chú của Tòa-soạn).

tiếng thanh, tiếng tục, tiếng lóng... của dân Việt đã góp nhặt được « trong bốn nghìn năm nay », cho đến khi các tư-tưởng khoa-học của Âu-Tây tràn sang Á-Đông ta. (Sách ấy rất rành-mạch, tuy thiếu lắm tiếng địa-phương, nhưng ta cũng không nên quá nghiêm-khắc).

Đó là một quyển từ-điển quốc-gia có thể gọi là chân-chính của nước Việt soạn trong thời-kỳ Tây-học thịnh-hành. Cách kết-câu của quyển ấy là cùng đi một đường-lối với dân Pháp (chẳng hạn) khi họ làm quyển Littré hay quyển Larousse.

Từ đó đến nay, tiếng của ta vẫn từng ấy âm-tự như ngày trước, mà đã giấu thêm, diễn tả thêm được biết bao nhiêu ý-nghĩ cùng sự việc...

Khi làm một từ-điển quốc-gia Việt-Nam hiện-tại, thì sẽ thấy... (thí-dụ một tiếng « tổ-chức », mà ngày xưa bao nhiêu nghĩa, và bây giờ được bao nhiêu nghĩa ? như tiếng Xô, ngày xưa đâu đã có nghĩa là Xô-Việt ? Vì vậy, việc làm từ-điển quốc-gia tất-nhiên phải chậm hơn việc dịch tiếng ngoại-quốc.)

Tôi hoàn-toàn đồng-ý với ông trong công-việc soạn một từ-điển quốc-gia Việt-Nam. Việc gì cũng phải làm ngay, nếu không thì chờ đến bao giờ ?

Mình có một ngôn-ngữ, chẳng khác chi nhà giấu kia có một sô vôn, nếu không đem lại thì làm sao biết có được bao nhiêu ?

Nhưng trong khi ấy, muốn đem hạn-chế, nói lời làm nhụt nhuệ-khí của những người muốn dịch tiếng, dịch sách, dịch tư tưởng ngoại-quốc ra tiếng Việt thì có khác chi ông nhà giấu kia, trong khi vàng chảy cuộn-cuộn qua cửa, lại không cho gia-nhân lượm, nhặt, vác, khuôn, tích-trữ... mà chỉ một mình ra đếm đồng bạc dành-dựm được ở nhà sau !

Trước khi viết đôi lời kết-thúc, tôi xin ông thận-trọng nhiều hơn nữa khi đưa vài bằng-chứng. Như ông đã viết : « Người dầy công sưu-tầm soạn ra quyển từ-điển Việt-Nam trước nhất chính là một người Việt-Nam cộng-sự với một vị Cô-đạo, Paulus Của và Génibrel. Gần hai mươi năm sau, Đào-Duy-Anh, noi theo quyển từ-điển đầu tiên ấy mà chép ra thành một từ-điển Việt-Pháp mới, không thêm gì bao nhiêu ».

Có mấy điểm xin chắt-chính ông :

1) Quyển từ-điển Việt-Nam đầu tiên-ày của Huỳnh-Tĩnh Paulus Của, nhan : « **Đại-Nam quốc-âm tự-vị** » in tại nhà Rey, Curiol và công-ti, Sài-Gòn, 1895 và 1896. Quyển tự-vị này, do một mình Huỳnh-Tĩnh-Của soạn, chớ không cùng cộng-sự với cô Génibrel.

MỘT NGƯỜI HỌ NGUYỄN

2) Cô J.F.M. Génibrel là tác-giả cuốn tự-điển Việt-Pháp (dictionnaire Annamite — Français), do nhà Chung Tân-Định (Sài-Gòn) in, năm 1898, cô Génibrel đã lấy cuốn tiểu tự-điển Việt-Pháp của nhà giáo-sĩ Caspar xuất-bản năm 1877 để làm sườn.

3) Cuốn tự-điển của Đào-Duy-Anh mà ông nói đã làm cuốn Pháp-Việt (dictionnaire Français — Annamite), nghĩa là một công-trình mới, khác với cuốn của Huỳnh-Tĩnh-Cửa (tự-vị Việt-Nam), khác với cuốn của Génibrel (tự-điển Việt-Pháp).

4) Ông bảo rằng : «Gần hai mươi năm sau, Đào-Duy-Anh noi theo quyền tự-điển đầu-tiên ấy mà...», nghĩa là vào khoảng năm 1914, 1915 ; nhưng thật ra Đào-Duy-Anh xuất-bản cuốn Pháp-Việt tự-điển vào năm 1936, tức là bốn chục năm sau cuốn của Huỳnh-Tĩnh-Cửa.

Một vài nhận-xét và ý-nghĩ chân-thành, xin kính gửi về ông và trân-trọng mong ông vì tinh-thần xây-dựng mà miễn-chấp những lời-lẽ có phần thiếu chải-chuốt này.

Một người họ Nguyễn

(có phước thi đậu Tú-tài từ lâu,
hiện còn ở nước ngoài)



ĐÍNH CHÍNH

Trong bài : «Dân-chủ đa nguyên nhưng nhất thể», Bách-Khoa số này (76), 1-3-1960, trang 12, cột 1, dòng 4 : câu «trong khi có thể dùng trí lực hoặc thành kiến... xin đọc là : trong khi có thể dùng trí lực hoặc thanh kiểm...

Mong bạn đọc sửa giùm lỗi trên

TÌNH RỪNG

Ta tiễn người qua một bến sông
Người đem hoàng-hôn làm tang-bồng
Ta về đề nhớ tình lai-láng
Non lạnh trăng tàn mong nhớ mong.

Ở đây vó ngựa không còn bụi
Thung-lũng không xanh chạy cuối trời
Gió núi không làm rung nếp áo
Mình ta, ta chỉ nhớ thương thôi.

Phương ấy hân chừ say máu lửa?
Đôi hoang sim rụng, vắng ai cười!
Lỗi mòn ngo-ngác đàn nai sợ
Suối đồ buồn ơi, trôi nước trôi

Dốc lếch còn ai cười an-ủi?
Trăng ngàn thêm lạnh xuống hoang-vu
Vắng nghe tiếng dội từ sau núi
Buồn như dăm ba lời tạ từ,

Đã vắng đèo cao những dấu chân
Đã xa biển-biệt những non ngàn
Người ơi chỉ biết rằng thương nhớ
Dấu cũ đêm nào dậy tiếng vang.

Ta tiễn người qua một bến sông
Hoàng-hôn sắp sửa làm mệnh mông
Bơ-vơ một mảnh linh-hồn nhỏ
Nặng biết bao rồi mong nhớ mong...



CHUYỆN LIÊU - TRAI

HÒN TIÊN

KIẾU-YIÊU dịch

VƯƠNG-Miễn, tự Mẫn-Trai, người huyện Linh-Sơn (thuộc tỉnh Quảng-Đông), có tài sáng tác, đã mấy phen chiếm giải nhất ở văn trường. Tâm hồn cao thượng, hay trào phúng, đã khiến bao người điêu đứng.

Tình cờ gặp một đạo sĩ, ngắm nghía ông ta mà rằng : «Tướng bác rất cao quý, nhưng bị thói khinh bạc giảm phúc phận mất đi gần hết. Chớ trớ

huệ như bác, mà chịu hồi tâm tu đạo, thì vẫn còn mong được ghi tên vào sổ tiên nhân.»

Vương cười mai mỉa : «Phúc trách con người thật không tài nào biết trước được. Nhưng trên đời này lẽ đâu lại có tiên ?» Đạo sĩ nói : «Kiến thức của bác mới nông hẹp làm sao ! Nếu bác không mộng tưởng viễn vông, thì tôi đây cũng gọi được là tiên vậy mà».

Vương càng cười, cho là nói khoác. Đạo sĩ giảng giải : «Tôi có gì đáng lạ. Nếu có thể đi theo tôi, thì chân tiên mây mười vị, sẽ thấy được ngay.» Hỏi : «Ở đâu ?», thì đáp : «Chỉ trong gang tấc.»

Bèn lấy gậy kẹp giữa hai bắp vế, đưa một đầu cho chàng cầm, bảo làm y như mình, dặn nhắm mắt lại, hô lớn : «Cất lên». Chợt nghe thấy gậy phồng to hơn cái bao năm đầu, lướt khoảng không mà bay êm ru. Lén đưa tay sờ, thấy vảy xếp đều như ngói lợp. Sợ hãi hết dám nhúc nhích.

Một chốc, lại hô : «Ngừng» và rút gậy đi. Rơi xuống giữa một chòm nhà cao rộng, nào lâu đài, nào điện các giống như chỗ ở của đế vương. Có đài cao hơn trượng, trên đài xây điện mười một hàng cột, tráng lệ vô song.

Đạo sĩ kéo khách bước lên, liền sai đồng tử thết tiệc mời khách. Trên điện dọn mây mười cỗ, bày biện lóa cả mắt. Đạo sĩ cũng thay lễ phục để hầu hạ.

Giây lát khách khứa từ không trung kéo đến, cỡi rồng, hổ, hoặc loan phụng, không con nào cùng loại với con nào. Mỗi người lại mang theo một thứ nhạc khí. Nữ có, nam có, đều đi chân không. Trong bọn riêng một lệ nhân, cỡi phụng ngũ sắc, ăn mặc ra dáng cung nga, có thị tì giùm ôm đàn, dài chừng năm thước tay, không phải cầm, cũng không phải sát, chẳng biết gọi là gì.

Rượu bắt đầu rót, sơn trân hải vị món nào đưa vào miệng cũng thơm ngon, toàn là thực phẩm khác thường.

Vương trầm mặc ngồi im, mắt đắm đắm nhìn giai nhân, lòng quyền luyện người, mà lại muốn nghe ả tấu nhạc, thắm sợ ả suốt buổi chẳng đàn một bản nào.

Tan tiệc, một ông lão đứng lên nói : «Mang ơn Thôi chân-nhân có nhã ý mời đến. Bữa nay thật đáng gọi là thịnh hội, tưởng nên vui cho trọn. Vậy xin ai có nhạc khí đồng loại, hãy họp đội để hòa tấu.»

Bây giờ họ mới nhóm từng đoàn. Tiếng tơ tiếng trúc vẳng đưa lên tận Ngân hà. Riêng người cỡi phụng, có một kỹ thuật không đi đôi với ai được. Lúc bao nhiêu thanh âm đã bật, con hầu mới mở túi thêu, lấy đàn đặt nằm ngang trên ghề. Nữ lang thò cánh tay ngọc, làm như khảy đàn tranh. Thanh điệu cao gấp đôi đàn cầm, khi sang sáng khiến tinh thần phơi phới, khi êm dịu đến mực làm cho phách lạc hồn xiêu. Tấu đâu chừng nửa bản, cả điện im phăng phắc, thậm chí không ai ho hen gì hết. Đến khi dứt bản, nghe xoảng một tiếng như gõ khánh. Ai nấy cùng khen nức nở : «Vân-Hòa phu nhân đàn hay tuyệt !»

Rồi mọi người đều đứng dậy cáo biệt. Hạc kêu, rồng hú, giây lát tứ tán cả. Đạo sĩ đặt giường ngà chần gấm, lo chỗ ngủ cho Vương.

Vương thoát kì thủy nhìn giai nhân, tâm tình đã xúc động. Nghe tấu nhạc xong, càng rộn mơ ước. Ngẫm lại tài trí mình, tự thấy muốn được chức phận cao quý dễ như bỡn; hễ giàu sang, cầu gì mà chẳng được. Trong khoảnh khắc, lòng ngồn ngang trăm mối như bồi bông bong.

Đạo sĩ dường như đã thấu rõ, bèn nói : «Tiền thân bác với tôi là đồng học. Sau vì ý niệm không bền đỗ, nên bác mới sa vào lưới trần. Chớ tôi vốn chẳng khác gì bác. Bác thật bụng muốn rút mình khỏi chốn nhơ bẩn, dè đâu bị bóng tôi mê muội phủ dày-đặc, triển miên trong mộng, không sao lay tỉnh được. Giờ đã đến lúc nên đưa bác trở về, vị tất không có ngày gặp lại. Nhưng còn cái việc làm thiên tiên, đành phải đợi kiếp sau vậy.»

Đưa tay chỉ phiến đá dài dưới thêm, bảo nhắm mắt ngồi xuống, căn dặn đừng dòm. Xong rồi ra roi giục phiến đá. Đá bay bổng lên, tiếng gió vi vút bên tai, chẳng biết đi bao xa.

Sực nhớ cảnh tượng dưới kia, chưa từng nhìn xem giống cái gì, bèn len lén mở mắt tí hí. Thấy biển cả mang mang tuyết không bờ bến. Sợ quá, liền nhắm lại, nhưng thân đã cùng rơi theo đá, đánh sầm một cái, nổi lên chìm xuống như hải âu. May là kiếp trước sống ở ven biển, nên biết bơi lội chút đỉnh.

Nghe có tiếng vỗ tay reo : « Ai ngã kia, thú nhí ! » Đương cơn nguy cấp, có một thiếu nữ nâng dịu lên thuyền mà rằng : « Đây hẳn là điểm lành ! Tú tài trúng nước, quả thật là điểm lành. » Dòm ả, tuổi chừng mười bảy mười tám, nhan sắc điểm lệ.

Vương ra khỏi nước lạnh run, hỏi xin lửa hơ quần áo. Nữ lang bảo : « Ông theo tôi về nhà, rồi sẽ liệu. Dễ dàng mãn ý, tất vội quên nhau. »

Vương đáp : « Nói thế là ý gì ? Tôi là tài tử đất Trung-Nguyên, rủi gặp bước long đong, trôi giạt qua đây. Định bụng lấy thân mà trả ơn này, có gì đâu quên nhau với chẳng quên nhau. »

Nữ lang cầm chèo chòng thuyền con, lướt nhanh như mưa như gió. Thoát chốc đã gần tới bờ. Từ trong khoang thuyền lấy ra một bó hoa sen vừa hái ban nãy, dẫn đường cùng đi. Được nửa dặm thì vào xóm, thấy cổng son mở ở phía trước ; qua mấy lần cửa, thiếu nữ nhanh nhẹn đi vào.

Giây lát một người đàn ông đứng tuổi bước ra, độ bốn mươi, mời Vương lên thêm, khiến kẻ hầu lấy áo mũ giày vớ cho Vương thay.

Xong rồi hỏi thăm cho biết bang nào, họ gì, Vương đáp : « Tôi quả tình không dám nói khoác, tài danh cũng có chút ít tiếng đồn. Thôi chân-nhân đem lòng triu mến tha thiết, mời lên Thiên cung chơi. Trộm nghĩ đôi với bốn thân, sự công danh dễ như trở bàn tay, nên không đành ở ản. »

Người kia đứng dậy lễ phép thưa : « Đây kêu là Hồn Tiên xa hân nhân gian. Tôi tên Văn-Nhược, họ Hoàn, đời đời ở chốn u tịch, sao được cái may đón tiếp bậc tài danh ? »

Bèn ân cần dọn rượu, rồi thung dung nói : « Tôi có hai gái : con lớn tên Phương-Vân, tuổi đã mười sáu. Bấy lâu nay chưa gặp người xứng đôi. Muốn cho nó theo hầu hạ cao nhân, chẳng hay tôn ý thế nào ? » Vương đỏ

chừng là á hái sen, đứng xê ra khỏi bàn tiệc, ngỏ lời cảm tạ.

Hoàn sai người sang hàng xóm mời vài bà cụ già hiền đức lại, rồi ngảnh nhìn tả hữu, bỗng cất tiếng gọi nữ lang.

Chẳng bao lâu, hương lạ tỏa thơm lừng, một đoàn mỹ nữ hơn chục người bao quanh Phương-Vân đi ra, huy hoàng lộng lẫy như những đóa sen phản ánh mặt trời mai. Cúi chào xong, liền ngồi xuống. Bọn nữ lang xếp chỗ đứng hầu. Té ra á hái hoa sen cũng có trong ấy nữa.

Được vài tuần rượu, một cô bé tóc để trái đào từ trong bước ra, đầu hơn mười tuổi, nhưng phong tư óng ả, cười nụ mà nép mình dưới khuỷu tay Phương-Vân, sóng thu long lanh gọn.

Hoàn nói : « Con gái không ở trong phòng khuê, ra đây làm gì ! » Đoạn quay nhìn tân khách mà rằng : « Cháu Lục-Vân đây là gái út của tôi, khá thông minh, có tài nhớ sách. » Rồi khiến day mặt về phía tân khách mà ngâm thi. Bèn đọc thuộc lòng ba bài Trúc chi từ, uyển chuyển êm tai lạ. Xong xuôi, Hoàn bảo ngồi bên cạnh chị.

Hoàn lại nói : « Thiên tài như cậu Vương, văn tứ hần đối dào, vậy có thể cho bí nhân được nghe tác phẩm nào chẳng ? » Vương hăng hái đọc một bài thơ cận thể ★ của mình làm, quay nhìn bốn phía ra dáng tự hào. Trong có hai câu như vậy : « Nhất thân thẳng

hữu tu mi tại, Tiểu âm năng linh khỏi lỗi tiêu ★. » Các cụ hàng xóm cứ tụng đi tụng lại mãi.

Phương-Vân khẽ nói : « Câu trên là Tôn-Hành-Giả rời động Hỏa-vân, câu dưới là Trư-Bát-Giải qua sông Tử-mẫu. » Cử tọa vỗ tay cười rộ.

Hoàn xin cho nghe thứ khác. Vương đọc bài thơ Thủy điều : « Trư đầu minh cách trách ★. » mà quên lửng câu sau. Vừa trầm ngâm một chút, Phương-Vân đã quay sang em gái, ghé tai nói thì thầm, rồi bưng miệng mà cười.

Lục-Vân thưa với cha : « Chị hai đặt tiếp câu dưới giúp anh hai, như thế này : *Câu định hưởng băng ba* ★ ». Ai này cười khanh khách. Vương có vẻ thẹn, Hoàn ngoảnh lại lờm Phương-Vân, nét mặt Vương mới lộ đôi phần bình tĩnh.

Hoàn lại xin nghe tản văn. Vương tưởng người ở ngoài cõi tục, chắc không biết bát cổ là gì, bèn khoe bài đặc ý nhất của mình, nhan đề : *Hiệu tai Mãn-Tử-Khiên*. Câu phá thế này : « *Thánh nhân tán đại hiền chi hiền* ★ »,

Lục-Vân ngược nhìn cha mà thưa : « Thánh nhân có bao giờ gọi đệ tử bằng tên tự đâu. Câu Hiệu tai... là câu nói của người đời đây chứ ». Vương nghe vậy hoàn toàn cụt hứng. Hoàn cười nói : « Con nít biết gì ! Con đừng bận tâm, mà chỉ nên bàn luận văn chương thôi ! »

Wương bèn đọc tiếp. Cứ vài câu là hai chị em lại kể tai nói nhỏ, như có điều phẩm bình, nhưng vì lấp bắp nên không rõ được. (...)

(★) Xin xem Phụ-Chú trang cuối.

Vương ban đầu còn tự phụ về tài danh của mình, trong con mắt thật tình xem thiên cổ vô nhân. Đến lúc ấy thần khí tiêu tan, tháo mỗ hôi ướt đầm.

Hoàn nói mơn để an ủi chàng : « Tôi mới nghĩ ra ra một câu, xin chừ quân đổi thử : Vương tử thân biên, vô hữu nhất điểm bất tự ngọc. » Chưa ai lựa lời đổi được, thì Lục-Vân đã ứng khẩu nói : « Mãn ông đầu thượng, tái trước bán tịch tự thành quy ★. »

Phương-Vân buột miệng cười, hà hơi vào bàn tay rồi véo hông cô em ba bốn cái. Lục-Vân gỡ ra chạy thoát, ngoái cổ lại nói với : « Can gì đến chị chứ. Chị nhục mạ người ta mấy lần, không cho là quấy. Mà người khác nói chơi một câu, lại chẳng bằng lòng là thế nào. » Hoàn rầy mắng, mới mỉm cười làm lành bỏ đi.

Các cụ hàng xóm từ biệt. Bọn con hầu đưa vợ chồng vào buồng trong. Đèn, nến, bình phong, giường chiếu, cái gì cũng trần thiết tươm tất. Lại dòm vô động-phòng, thấy sách mang nhãn trắng chắt đầy kệ, không thứ sách nào mà chẳng có. Hễ vẫn nạn điều gì, là ứng đáp lưu loát không ngừng. Vương bấy giờ mới thấy ngừng mắt nhìn cao là tự chuộc lấy xấu hổ.

Nàng cất tiếng gọi « Minh - Đang », té ra ả hái sen chạy lại. Nhờ vậy mà biết được tên ả. Đã bao phen bề mặt, nên chàng sợ vào chôn khuê môn không được xem trọng, may là Phương-Vân nói năng tuy có phần

ngỗ ngược, nhưng trong buồng the, vẫn đắm âm yêu đương.

Vương nhân cư vô sự, thường ngâm vịnh. Nàng bảo : « Thiếp có một lời nói thẳng, chẳng hay chịu tiếp nạp không. » Hỏi : « Lời nói gì đâu ? », thì đáp : « Từ nay xin đừng làm thơ nữa, đó cũng là một phép trong thuật che xấu vậy. » Vương cả thẹn, từ đây tuyệt bút luôn.

Lâu ngày dần trở nên thân mật với Minh-Đang. Một hôm bảo Phương-Vân : « Minh-Đang có làm ơn cứu mệnh cho tôi, mong rằng đổi với y lời nói và sắc mặt nên tỏ vẻ khoan dung một chút. » Phương-Vân hứa chịu. Mỗi bận bày tiệc vui trong phòng, đều rủ ả tham dự. Đôi tình ngày một đắm thắm, thường cùng nhau mặt tỏ lòng và tay ngỏ ý. Phương-Vân nhìn thấy lộ mòi, lời trách móc càng thêm gay gắt. Vương chỉ ậm ừ, cò gượng chồng chề (...).

Chợt một hôm hai chị em Phương-Vân có hẹn phải sang nhà bạn gái hàng xóm. Vương được tự do, liền la cà bên Minh-Đang, âu yếm vô ngần. Đến tối thấy dạ dưới hơi đau. Chừng hết đau, thì âm hành lại rút đau mất.

Hoảng hồn, mách cho Phương-Vân biết. Phương-Vân cười rằng : « Đây hẳn là ân huệ của Minh-Đang. » Vương hết dám giấu quanh, khai thật ra hết. Phương-Vân nói : « Thứ tai ương tự chuộc lấy, quả không có cách gì lo liệu được. Nhưng chẳng đau chẳng ngứa, thì cứ mặc nó, có hệ gì ? »

Mấy hôm sau vẫn chưa khỏi, buồn

rầu ít khi vui cười. Phương-Vân tuy hiểu rõ tình ý, nhưng cũng làm lơ chẳng hỏi (...)

Vương nài xin một phương thuốc, thì nói : «Chàng chẳng chịu nghe lời nói phải. Trước đây chưa chắc gì không đem lòng ngờ thiếp ghen tuông, chớ có dè dặt con bé đó vốn không nên gán gũ. Bấy lâu nay tình thật yêu nhau, nhưng chàng lại coi như gió thổi ngoài tai, nên ghẻ lạnh chẳng đoái hoài đến thiếp. Dĩ lỡ, thôi thì ra tay lo trị giùm chàng. Nhưng phải cho thầy thuốc khám chỗ đau mới được.»

Bèn thò tay vào dưới lằn vải mà niệm chú : «Hoàng điều hoàng điều, vô chi vu sở (✱)». Vương bắt giắc cười phá lên, ngọt tiếng thì chứng lạ đời cũng dứt.

Được vài tháng, Vương sức nhớ cha mẹ già con trẻ, lúc nào cũng ngui ngui tắc dạ, bèn tỏ ý cùng nàng. Nàng nói : «Về cố nhiên là chẳng khó, nhưng chắc không mong có ngày hội hợp.» Vương rưng rưng nước mắt, ôm nàng mà hôn, năn nỉ cùng về. Nàng xin cho nghỉ lại mấy lần mới hứa chịu.

Hoàn-ông thết tiệc tiễn biệt. Lục-Vân ở đâu xách giỏ bước vào nói : «Chị em ta sắp vĩnh biệt, không biết lấy gì tặng nhau. Chỉ sợ chừng đến Hải-Nam, không có gì để cất nhà ở. Hối khuya này làm sẵn cung thất giùm chị, xin đừng chê là vụng ».

Phương-Vân chấp tay vái mà nhận lãnh. Ghé mắt xem cho kỹ, thì ra dùng thứ rơm nhỏ cộng mà bện thành lâu

các, cái lớn như cam, cái bé như quít, tất cả trên hai mươi cái. Mỗi cái, rường cột rui mè thấy đều rõ mồn một, có thể đếm được. Bên trong bày biện giường chõng giống như trái bồ. Vương coi như đồ chơi, thăm khinh rẻ công trình.

Phương-Vân nói : «Xin thưa thật cùng chàng. Chúng tôi đều là địa tiên cả. Nhờ có túc duyên, nên mới được sum vầy với nhau. Vốn chẳng muốn bước chân vào cõi hồng trần, chỉ vì chàng còn cha già, nên chẳng nỡ lìa đạo. Đợi ngày nào cha đủ tuổi trời, tất phải trở lại đây.» Vương trịnh trọng hứa chịu.

Hoàn hỏi : «Đi đường bộ hay đường thủy ? » Vương ngại sóng gió nguy hiểm, chọn đường bộ. Bước ra, thì ngựa xe đã chực sẵn tại cửa. Từ giã lên đường, vó ngựa phi vùn vụt.

Một lát tới bờ biển, Vương lo không có lối đi, Phương-Vân lấy ra một dải lụa trắng, ngoái về hướng nam mà ném tung, hóa thành bờ đê dài, chiều rộng đến vài trượng. Trong chớp mắt ruối mút đường, thì dải đê cũng dần dần thu rút lại.

Đến một chỗ có nước triều vô ra, trông bồn bể bát ngát, Phương-Vân bảo dừng lại, không đi nữa. Xuống xe lấy nhà rơm trong giỏ ra, cùng Minh-Đang và mấy người đồng bạn xếp đặt cho phải thể. Thoáng chốc biển thành nhà cao cửa rộng. Cùng bước vào cõi hành trang xuống. So với các nhà trên đảo, không khác nhau một mảy. Trong động phòng, ghẻ chõng giống như

thật. Bầy giờ trời đã tối, bèn nghỉ đêm tại đây.

Sáng tinh sương bảo Vương hãy đi tìm thăm cha. Vương cho sửa soạn ngựa, cỡi về làng cũ. Đến nơi, té ra nhà cửa đã thuộc về họ khác. Hỏi người trong xóm mới hay mẹ và vợ, đều đã qua đời. Duy hãy còn cha già. Người con trai hay cò bạc, điển sản bán hết ráo. Hai ông cháu không thể dựng nhà ở đâu được cả, đành phải tạm dời đi ở trọ nơi xóm tây.

Vương lúc mới về còn có ý vọng tưởng công danh, lòng dạ không được thanh thản. Đến chừng hay biết gia đạo như thế, thì buồn rầu thông khổ. Trong thâm tâm chợt nghĩ phú quý đâu có thể gom về mình đi nữa, thì chẳng khác nào mộng huyễn phao ảnh.

Giong ngựa sang xóm tây, thấy cha y-phục xơ xác, già yếu thảm thương. Gặp nhau cả hai khóc đến tắt tiếng. Hỏi thăm cậu con bắt tiêu, thì đi đánh bạc mãi chưa về. Vương bèn chờ cha quày lại nhà mình.

Phương-Vân vái lạy xong, đi nấu

nước mời cha tắm, đưa áo gấm cho mặc, dành phòng hương cho nghỉ. Lại mời các cô lão ở xa đến để chuyện vãn cùng cha, cung phụng còn hơn nhà quyền quý.

Cậu con trai một hôm tìm đến nơi, Vương cự tuyệt, không cho vào, chỉ cho hai mươi lượng bạc, sai người nhắn với hắn : «Nên cầm lấy bấy nhiêu đi kiếm vợ để lo việc sanh nhai. Còn vác mặt đến nữa, thì bị đòn, chết không kịp trôi đây.» Người con khóc mà bỏ đi.

Vương từ hôm trở về, không giao du với người đời cho lắm. Những chỗ quen biết cũ, có ai tình cờ đến, thì mời rước niềm nở, khiêm tốn hơn ngày thường. Riêng một mình Hoàng Tử-Giới, trước kia cùng học một trường, cũng vào hạng danh sĩ lao đao lận đận, thì Vương cảm ở lại rất lâu, thường cùng nhau đàm đạo nhỏ to, lúc chia tay biểu tiễn nong rất hậu.

Ba bốn năm sau, Vương-ông mất. Vương mang vạn quan tiền đi cày cấy xem địa lý, chôn cất đủ lễ. Bầy giờ người con trai đã cưới vợ. Vợ khép

Ta đã tới, ta đã thấy và ta đã thắng

Pharnace II, vua nước Pont, bị César đánh thua tại bờ gần Zéla. Khi đưa tin thắng trận về, nguyên-lão-viện La-mã, César có viết câu : « *Veni, vidi, vici*, » (Ta đã tới, ta đã thấy và ta đã thắng). Câu nói kiêu hùng của nhà độc tài La-Mã ngày nay còn thường được dùng để chỉ những thành công dễ dung và chớp nhoáng của những bậc anh dũng.

chống nghiêm ngặt, nên bài bạc cũng mỗi ngày một giảm. Hôm ấy về hộ tang, mới được lạy và được biết cha mẹ chồng. Phương-Vân giáp mặt lần đầu, thấy có thể lập nên cơ nghiệp, bèn biếu ba trăm lượng bạc, để tậu điền sản.

Hôm sau Hoàng với con đến viếng, thì nhà cửa biến mất cả, chẳng biết dời đi đâu.

BỔ TÙNG-LINH

BỔ CHỦ

1.— CẬN THỀ THI : Còn kêu là *kim thể thi*, ngày nay gọi là thơ Đường luật, gồm có *tuyệt cú* (4 câu), *luật thi* (8 câu) và *bài luật* (trên tám câu) ; trong mỗi bài những câu nào phải đối ngẫu, và trong mỗi câu, chữ nào bình, chữ nào trắc, thay đều có định-tắc. Thi nhân chờ Đường đặt ra danh từ *kim thể thi* để gọi thể thơ do họ mới quy định, và danh từ *cổ thể thi* (hay là *cổ thi*, *cổ phong*) để gọi các thể thơ trước họ, chưa bị niêm luật câu thúc.

2.— *Một thân sông sót râu mày đủ, Tiểu âm làm cho khỏi lỗi tiêu.* *Khởi lỗi* (hoặc *lỗi khởi*) : Nghĩa đen là đá lởm chởm. Nghĩa bóng là những nỗi bất bình. Vương-Miến dùng

chữ *khởi lỗi* theo nghĩa bóng, còn Phương-Vân lại các cơ hiệu theo nghĩa đen.

3.— *Đầu trư reo lưu lo, Đít câu kêu bôm bốp* : Vương-Miến dùng chữ TRƯ bộ thủy, có nghĩa là cái dầm, cái bầu, còn Phương-Vân lại muốn hiểu ra chữ TRƯ bộ thi, có nghĩa là con heo để làm trò giỡn chữ đồng nghĩa (calembour) mà ghẹo tân lang chơi.

4.— Mỗ Tử-Khiên : Học trò của Không-Tử, nổi tiếng là người đức hạnh. Tử-Khiên là tên tự, còn tên tục của ông là Tồn. Cha mẹ và thầy (tức là đức thánh Không-Tử) kêu ông ta bằng tên Tồn, chớ không hề gọi bằng Tử-Khiên.

5.— *Bên cạnh con vương, không một điểm nào không tợ ngọc, Trên đầu ông Mẫn, thêm vào nửa tích tức thành quy* :

Về trên, ngoài nghĩa đen nói rằng chữ VƯƠNG, nếu không có một điểm bên cạnh, thì chẳng thành chữ NGỌC, còn có ý nói rằng bên cạnh chàng Vương (Vương-Miến), không một nữ lang nào mà chẳng đẹp tợ ngọc. Lục-Vân dùng cách chơi chữ mà đối lại, bảo rằng trên đầu chữ Mẫn (Mẫn-Trai), nếu thêm phân nửa chữ TÍCH, thì lại hóa ra chữ QUY là rùa.

6.— *Chim vàng, chim vàng, đừng nấp bụi gai* : Chữ ĐIỀU, ngoài nghĩa "chim" là nghĩa thông dụng còn có một nghĩa nữa, dịch giả xin chép y câu giải thích trong từ điển Hoa văn : "Tục xưng nam tử sanh thực khí." (Từ Uyên, trưong 1669)

ĐÍNH - CHÍNH

— Bài «55 văn-đế, câu hỏi...» của Nguyễn-Ngu-Í đăng trong số 75 :

Trong 69, cột 1, dòng 32, 3, xin sửa : «Tùy-bút (LI 1941, Cộng-Lực xuất-bản, Hà-Nội, II : 1943, Lượm-lúa-vàng xuất-bản, Hà-Nội)».

— Trang 72, cột 1, dòng chót, xin sửa : «*Nam-Phong*» số 18, tháng 12-1918).

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adress Tél. INDEORIENT — SAIGON

Tél : 20.821 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyễn-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES,
CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE.
REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES,
ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES,
CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS
MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES
DE VISITE ET D'INVITATOIN, CALENDRIERS DE FIN
D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR,
TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINE A ÉCRIRE **"HERMÈS"**

PAPIER HELIO **"DOREL"**

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. I. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane**

Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

*Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle
pour toutes études et installations.*

KHỎI và LỬA

Thân gửi anh N.P., Paris,

Câu chuyện xảy ra khi De Lattre đánh trận Vĩnh-Yên Ninh-Bình 1950 1951, được thuật lại như trên.

Chẳng cứ ở Huế-Kỳ cuối thế-kỷ trước, mới có những Scarlett O'hara như trong truyện Autant en emporte le vent.

Trong một xã-hội mà tam-tòng tứ-đức đã và còn được tôn-trọng, nhất là ở một gia-đình mà lễ-giáo hầy còn được nhớ, một thiếu-phụ như vậy dĩ-nhiên đã bị kết án tinh-thần một cách nghiêm-ngặt.

Làm việc bất-chính một cách rõ rệt thì còn ít khi, vì phải có dịp, và cũng dễ tránh vì còn e ngại dư-luận cùng pháp-luật. Đến như trường-hợp bề ngoài ngay thẳng, bên trong nuôi dưỡng tà-ý, thì không có phép nào kiểm-soát : sự sa ngã của tâm-hồn, đối với đạo-đức, e còn nặng tội hơn.

Song, muốn tránh khỏi hoặc tìm lối thoát, thì phải có can-đảm mở xẻ để nhận rõ thực-trạng, nhất là khi thực-trạng đó bao gồm những uẩn-khúc trong đáy lòng thầm-kín.

Để anh đủ yếu-tố mà bình tĩnh xét lại, không dung túng, không thành-kiến, với mục-đích tìm giải-pháp giúp ba người — ba hạnh-phúc, — tôi chỉ có thể diễn-tả theo lời thuật lại, đúng chừng nào hay chừng ấy ; anh nhìn nhận lại các trạng-thái và những trường-hợp đặc-biệt của tấn bi-kịch mà xét đoán.

.
.

Vì lý-do mà anh cũng hiểu, Quỳ-Sơn chỉ là chữ tạm đặt ra để thay tên thật của nơi câu chuyện đã xảy ra.

D.T.

Chắc em chết và chúng ta sẽ chết....
 Tuyệt-vọng rồi, cũng hết sợ quên đau,
 Đạn dọc ngang vụt lửa réo qua đầu,
 Bom vỡ núi, rừng sâu thành biển khói....

Chạy tới đây, bên bờ khe, ôm bụng đói,
 Bước đường cùng, đêm tối nấp trong hang.
 Khắp Quĩ-Sơn vang nổ trận kinh hoàng,
 Trời đỏ rực, xóm làng ngùn ngụt cháy.

Cùng lánh nạn, ngót trăm người, còn mấy ?
 Gục xuống dần, ai biết chạy nơi đâu ?
 Ôi cao xanh, em chẳng dám nguyện cầu
 Ai cứu vớt ? Ôm đầu, em đợi ngã.

Anh yên lặng, em lệ rơi lã chã,
 Nhớ bao ngày, gập gờ lại chia phôi.
 Trót thắm yêu rờn rã bảy năm rồi,
 Đến cõi chết, vẫn ngậm ngùi ôm hận ?



Mãi học hành, anh chẳng màng hương phấn :
 Tưởng thờ ơ, em giận khách vô-tình,
 Nhận lời ngay khi gặp kẻ mối manh,
 Và tự nhủ : chồng lành, an phận gái....

Tuổi mơ xuân, ai lo ngày gió trái ?
Ván đóng thuyền theo lái ngược dòng sông,
Thích êm ru sao chịu nổi cuồng-phong ?
Phút ân ái, cõi lòng như sa-mạc.

Hoa vườn cũ đã về tay kẻ khác,
Anh đi tìm màu sắc chốn tha-phương.
Em bơ vơ như lạc bước dặm trường,
Ai thấu nỗi, nên thương hay đáng trách ?

Anh thăm em, đứng ngồi như tân-khách,
Em rụt rè, xa cách lại chờ mong ;
Anh vui cười, dáng điệu vẫn ung-dung,
Sao em cứ ngượng-ngùng, tim đập mạnh ?

Tự trấn tĩnh, nhiều phen em so sánh :
Sống cùng anh, tình cảnh liệu hơn chi ?
Anh lạnh lùng, em rạo rức mê ly :
Lửa gặp nước, phép gì cho khỏi tắt ?

Lý luận chán, lại rưng rưng nước mắt,
Nỗi niềm riêng chôn chặt đáy lòng đau.
Giữa gối chần ắp ủ mối ưu-sầu,
Chẳng có lẽ bạc đầu trong u uất ?

Em đã quên anh. Em tin là thật,
Mặc yêu đương phai nhạt với thời-gian.
Rời tản cư, khi khói lửa lan tràn,
Em theo mẹ, chồng nhập đoàn công-tác.

Về Ấm-Thượng, đến Phù-Ninh, sang Bạch-Hạc,
Định hồi cư, gặp giặc lánh nơi đây,
Thôi thì thôi, đã tới phút giây này,
Em liều lĩnh phơi bày nông nổi trước.

Em trót yêu anh....

Kiếp này chẳng được,
Nếu thương em, hãy ước hẹn mai sau....
Em ghen ngào, nói nữa chẳng nên câu,
Anh tới cạnh, nhìn nhau ta im lặng.

Bom lại nổ, bụi cháy, hang bùng sáng :
Anh khóc rồi, em choáng váng mê,
Giọt lệ kia, đâu có khác lời thề,
Súng nổ càng gần, ta về cõi chết !...

KHÓI VÀ LỬA

Em tỉnh hay mơ, cảnh khác thường,
Bên khe... mùi thuốc tím... nhà thương....
Quấn băng hai gối bao giờ nhỉ ?
Ba bốn người chung một chiếc giường.

Thăm nom anh tới đã bao lần ?
Kể lại cho em lúc trượt chân,
Trúng đạn em lăn bờ suối dốc,
Chiến-xa sinh sịch tiến lên dần...

Bắt, cứu ? về đây nửa tháng rồi,
Nhìn qua khung cửa áng mây trôi,
Cổ-đô, thân thích ai còn, mất ?
Em vịn tay anh, tập đứng ngồi....

Cô em tìm được, đón em ra,
Vườn cũ xuân về lại nở hoa,
Phấn đậm, hương nồng, em muốn đẹp,
Tội gì không sống, để ngày qua ?

Đã chóng hồi-sinh lại dễ đau,
Thương nhau ta sớm liệu xa nhau,
Thị phi, em ngại gì dư-luận ?
Chỉ sợ lao mình xuống vực sâu .

Em chưa sa ngã đã vô-nghì,
 Thân ngọc hai lòng cũng bỏ đi.
 Trót lỡ trao duyên, đành tủi phận,
 Biết yêu sao nữ phụ tình si ?

Chết-phác, tâm thành cũng đáng thương,
 Không quen trù mến vẫn yêu đương ;
 Bởi em chìm đắm trong mơ ảo,
 Đuổi gió theo mây, mới lạc đường.

Lừa dối đêm ngày bảy tám năm,
 Kề vai, sánh bước, trí xa xăm,
 Kẻ say hương sắc, người theo mộng ;
 Hình bóng ai qua phút lặng thăm ?... .

Giờ đây em tiếc để anh yêu,
 Đắc tội vì em trót gọi khiêu,
 Thở lộ đôi câu giờ vĩnh-quyết :
 Hải hùng muôn kiếp cảnh cô-liêu ...



.

 Vượt rừng núi, trải bao phen cùng khổn,
 Thoát ngục tù Khu Bốn trở về đây,
 Chông em trước sau vẫn cảnh đọa đầy :
 Bị vu cáo đã thông đồng gián điệp.
 Cố minh oan, em cạy người can thiệp,
 Cứu khỏi đẽ-lao một kẻ phế-nhân
 Da bọc xương, ngơ ngác mất tinh-thần,
 Quá đau khổ còn thiết chi vui sống ?

KHÓI VÀ LỬA

Em sẵn sóc cũng chẳng hề rung động,
Em lo buồn, tủi, giận, lỗi về ai ?
Hãy thương nhau khi số phận mĩa mai,
Dẫu bỏ phí tình yêu và sắc đẹp.

Đừng trách nữa, xin anh đừng nài ép,
Hãy quên đi, lời diên đại Quý-Son,
Coi như tiếng kêu chim nhận lạc đàn
Sắp trúng đạn nên cầu van thương hại,
Tâm trí loạn, mong đôi câu êm ái....

Đã trót lừa chồng, em lại dối anh,
Biết đâu không dối cả chính mình ?
Sao có thể ? nếu anh đừng lai vãng,
Hoặc gặp gỡ, cứ vui cười tươi sáng,
Chẳng chiêu dăm, ủ rũ, chớ mơ màng,
Nên coi em như bè bạn, họ hàng...
Nhớ lạc bước đường tình, e hối hận.

Em... hết yêu. Xin anh đừng thờ thẩn,
Em quyết chừa than khóc kể từ đây...

Ôi Quý-Son ! Sao không vui lấp tẩm thân này !

Đ.T.

NGUYỄN dịch

KỂ BÁT KHUẤT

W. SOMERSET
MAUGHAM



HANS trở lại nhà bếp. Người đàn ông vẫn còn nằm trên sàn, tại chỗ hắn đánh ngã ban nãy, mặt mũi máu me bết, lão ta rên rỉ. Mụ đàn bà lão lúi sút vào tường sợ sệt dương mắt nhìn Willi, bạn hắn, thấy hắn vào mụ nắc lên và oà ra khóc nức nở. Willi đang ngồi ở bàn, súng lục trong tay, với nửa ly rượu vang bên cạnh. Hans tiến đến cạnh bạn, rót đầy ly, nốc cạn một hơi, Willi nhăn răng cười, bảo :

«Trông có vẻ như vừa gặp chuyện khó khăn hả, cậu cả?»

Mặt Hans rướm máu, hần rỗ, vết cào của năm móng tay nhọn. Hans đưa tay mon nhẹ nhẹ trên má.

«Nếu móc mắt tao được thì nó đã móc rồi, đồ chó cái. Tao phải bôi iode mới được. Nhưng giờ thì cô ả êm lăm rồi. Mày đi chứ.»

«Tao cũng chẳng biết nữa. Tao hả? Muộn rồi».

«Đừng có điên. Mày là một thằng đàn ông chứ mày? Muộn thì đã sao? Tụi mình lạc đường cơ mà».

Trời vẫn còn sáng, ánh mặt trời từ

phương đoài tràn vào khung cửa sổ bếp của trại. Willi ngán ngừ một lát, Hân vốc người nhỏ nhắn, mặt choắt, da xám, hồi chưa nhập ngũ hân là thợ vẽ kiêu áo. Hân không muốn Hans coi hân là một thằng đụt. Hân đứng dậy đi ra phía cửa mà Hans vào ban này. Khi mù đàn bà nhận biết hân sắp làm gì, mù rú lên chạy xô tới.

Mụ gào lên :

« Non, Non » (1)

Chỉ một bước Hans đã chặn ngay trước mặt người đàn bà. Hân nắm lấy vai mù du mạnh vào cánh cửa. Mụ loạng-choạng ngã chúi xuống. Hân cầm súng lục của Willi.

«Đừng có lộn-xộn, hai đứa kia». Hân quát bằng tiếng Pháp nhưng pha đầy âm họng Nhật-Nhĩ-Man. Hân hất hàm về phía cửa.

«Đi đi. Tao trông chúng nó cho».

Willi đi ra, nhưng mới một lát đã trở lại.

«Nó bắt tỉnh».

«Ừ, thế thì sao ?

«Tao chịu thôi. Thế không tốt».

«Đồ ngu, mày thì bao giờ cũng vậy. Ein Weibchen. Đồ đàn bà».

Willi đỏ mặt.

«Bọn mình nên lên đường đi thôi»

Hans nhún vai khinh bỉ.

«Đề tao cạn nốt chai vang này đã»

Hân cảm thấy thoải-mái, hân thích kể

cà một chút. Hân đi công tác từ sáng, sau mấy tiếng đồng hồ cưỡi xe mô-tô, đùi hân nhức nhối. May là hân không phải đi xa mấy nũa, chỉ tới Soissons — chừng 10 hay 15 cây số. Hân phân vân chẳng biết rồi đây có xoay được cái giường nào để ngả lưng không. Dĩ nhiên những chuyện vừa rồi chẳng xảy ra, nếu đứa con gái không giở chứng. Hân và Willi bị lạc đường, bọn hân đã chặn một gã nông phu đang làm ruộng để hỏi lối đi và tên đó cố ý đánh lạc, thành thử loay hoay một hồi, bọn hân thấy mình trên một con đường nhỏ. Khi tới trong trại, bọn hân dừng xe hỏi lối. Bọn hân hỏi hết sức lễ phép, vì lệnh ban ra là phải đối đãi với dân Pháp cho tử tế nếu họ còn biết điều. Cô gái ra mở cửa và trả lời là cô ta không biết đường đi Soissons, thành thử bọn hân đẩy cửa vào nhà, rồi mù đàn bà mà Hans đoán là mẹ cô ta, chỉ đường cho bọn hân.

Cả ba người, lão chủ trại, vợ hân ta và cô con gái vừa ăn xong bữa chiều, trên bàn còn một chai vang. Chai rượu làm Hans sức nhớ là hân đang khát bỏng họng. Trời nóng như nung như nấu mà từ trưa tới giờ hân chưa được đến một giọt nước vào họng. Hân hỏi lấy 1 chai vang và Willi thêm rằng tội hân sẽ trả thật hậu. Willi là một thằng tốt bụng nhưng có hơi nhu nhược. Xét cho cùng, tội hân là những kẻ chiến thắng cơ mà. Quân đội Pháp đâu nào ? Đang chạy bán sống bán chết. Còn bọn Anh thì quẳng hết cả lại, lùi như thỏ về đảo. Kẻ chinh phục có quyền lấy gì mình muốn chứ, có phải không ?

Nhưng Willi đã từng làm ở hiệu vẽ

(1) Những chữ in nghiêng được giữ đúng theo nguyên-tắc.

kiểu áo tại Paris hai năm. Hấn nói tiếng pháp quả có khá thật, chính vì vậy hấn mới có được địa-vị hiện tại, nhưng điều đó có ảnh-hưởng đến hấn đôi chút. Một dân-tộc đồi-trụy. Để một công dân Đức sống chung với tụi ấy thật không có lợi chút nào.

Mụ vợ lão chủ trại đặt hai chai vang lên bàn, Willi móc túi lấy 20 quan ra trả. Mụ ta không nói được đến một lời cảm ơn. Tiếng pháp của Hans không được khá như Willi, nhưng hấn có thể làm cho người nghe hiểu, hấn và Willi vẫn tập đàm-thoại với nhau luôn. Willi sửa lỗi giúp hấn. Vì Willi có ích cho hấn như vậy nên hấn mới kết thân. Hấn biết rằng Willi khâm phục hấn lắm. Willi khâm phục hấn vì hấn thật cao lớn lực-luỡng, đôi vai nở rộng, mớ tóc xoắn vàng óng, đôi mắt xanh biếc. Hấn không bỏ lỡ dịp nào để thực-hành mớ tiếng Pháp của mình, và bây giờ hấn thử nói, nhưng cả ba người Pháp kia chẳng buồn nghe. Hấn kể rằng chính hấn cũng là con một trại chủ và lúc nào chiến-tranh chấm dứt, hấn sẽ về coi sóc ruộng nương. Mẹ hấn muốn hấn bước vào thương trường nên gửi hấn lên Munich nhưng hấn chẳng có tâm-địa nào học môn đó, nên sau mấy kỳ thi, hấn vào trường Canh-nông.

Cô gái lên tiếng: «Các anh đến đây hỏi đường, bây giờ biết rồi thì uống cho xong mà đi đi chứ».

Lúc trước hấn không để ý đến cô ta. Cô ta không đẹp, nhưng mắt đen láy, mũi dọc dừa. Mặt cô ta trắng xanh. Mặc dầu ăn vận mộc mạc nhưng xem chừng

cô ta có vẻ không phải hạng người như vậy. Cô ta có một cái gì đặc biệt. Từ dạo chiến tranh bùng nổ, hấn đã nghe thấy bạn bè chuyện trò nhiều về gái Pháp. Họ có một cái gì mà gái Đức không có. Đốm đốm, Willi bảo vậy, nhưng khi hỏi thế nghĩa là thế nào, thì Willi chỉ trả lời là phải thấy tận mắt mới biết được. Hấn cũng được những tên khác bảo rằng gái Pháp ham tiền và dâm dăng. Được bọn hấn sẽ được ở Ba-Lê một tuần cơ mà, để hấn tự tìm hiểu xem sao. Nghe đầu bộ Tổng Tư Lệnh đã lo liệu nơi giải-trí cho đàn ông.

Willi bảo hấn: «Uống cho xong rồi đi». Nhưng Hans cảm thấy thoải-mái và không muốn hấp-tấp. Hấn bảo cô gái: «Cô không có vẻ là con nhà nông chút nào cả.»

Cô gái đáp:

«Thế thì đã sao?»

Bà mẹ đỡ lời:

«Cháu nó là nhà giáo..»

«À, thế ra cô có học-thức khá cô đấy». Cô gái nhún vai, nhưng hấn hứng chí nói tiếp bằng thứ tiếng Pháp giả cầy: «Cô phải biết đây là dịp may chưa từng có cho dân Pháp nhé. Chúng tôi không tuyên chiến. Mà là nước cô nhé. Giờ đây chúng tôi sửa soạn gây dựng một nước Pháp cho ra hồn. Chúng tôi sẽ lập lại trật-tự. Chúng tôi sẽ dạy dân nước cô làm việc. Dân nước cô sẽ học-tập vâng lời và kỷ luật».

Cô gái xiết chặt đôi bàn tay nhìn hấn, đôi mắt nàng sầm tối những căm thù. Nhưng nàng không nói.

Willi nói: «Hans, cậu say rồi».

«Tao còn tỉnh như sáo. Tao chỉ bảo

cho chúng nó rõ sự thật, với lại chúng nó cũng chẳng hiểu ngay lập tức là gì đấy».

Người con gái không nén được nữa, hét lên : «Hắn nói phải. Anh say rồi. Thôi đi đi. Đi.»

«À ! Cô mình biết tiếng Đức đấy à ? Được, thì tôi đi. Nhưng cô em phải cho tôi hôn một cái đã.»

Cô gái lùi lại tránh, nhưng hắn nắm được cổ tay.

Nàng kêu lên : «Cha ơi, Cha !»

Lão chủ trại lao vào tên lính Đức. Hans buông cô gái ra, đâm thật lực vào mặt lão chủ trại. Lão ta khụy xuống sàn. Rồi thừa lúc cô gái chưa kịp bỏ trốn, hắn ghi nàng vào trong vòng tay. Cô gái giang tay tát mạnh vào mặt hắn. Hắn cười gằn :

«À, đấy là lối xử sự của cô em mỗi khi một quân nhân Đức định hôn đấy hả ? Đã vậy cô em sẽ biết.»

Hắn ra sức bẻ quặt tay cô gái ra phía sau, kéo ra cửa, người mẹ xô tới, túm lấy áo hắn, định níu lại. Một tay ghi cô gái sát vào người, hắn dùng gan bàn tay kia ấn người đàn bà một cái thật mạnh, mẹ ta loạng-choạng bị đẩy lùi về phía tường.

Willi kêu : «Hans, Hans.»

«Cầm ngay, thẳng khỉ.»

Hắn dùng tay bịt miệng người con gái, chặn tiếng gào và lôi nàng ra khỏi phòng. Đấy chuyện xảy ra là như vậy, chắc ai cũng phải nhận rằng chính cô ta gây họa vào thân. Lẽ ra cô ta không được tát hắn chứ. Nếu như cô ta bằng

lòng cho hắn hôn như hắn yêu cầu thì hắn đi ngay. Hắn liếc lão chủ trại vẫn còn nằm liệt ở chỗ bị đánh ngã mà suýt phì cười vì bộ mặt nhăn nhó của lão. Một nụ cười loé trên ánh mắt Hans khi hắn thấy mẹ đàn bà cóm róm thu mình sát vào tường. Mẹ ta sợ đến lượt mẹ ta chắc ? Đâu có thể. Hắn nhớ đến một câu cách ngôn Pháp : «*C'est le premier pas qui coûte*» «Có gì mà khóc hờ bà già. Sớm muộn rồi chuyện đó cũng phải tới !» Hắn thò tay vào túi sau, móc ra một cái ví «Này, đây 100 quan để cô ấy mua áo mới. Cái kia chẳng còn mấy mảnh» Hắn đặt tờ giấy bạc trên bàn, chụp chiếc mũ sắt lên đầu. «Nào đi».

Chúng đóng sầm cửa và nhảy lên xe mô-tô. Người đàn bà vào phòng khách, Đưa con gái bà ta nằm trên đi vắng. Cô ta vẫn nằm nguyên như lúc tên lính Đức bỏ đi và khóc tím tím.

Ba tháng sau Hans lại quay lại Soissons. Hắn đã ở Ba Lê cùng với đám quân chiến thắng và đã đi mô-tô riều qua Khải hoàn môn. Hắn cùng bộ đội tiến trước tiên tới Tours rồi Bordeaux. Hắn thấy chẳng có mấy trận đánh. Chiến dịch mãi mãi không ngờ. Sau khi đình-chiến hắn ở lại Ba-Lê một tháng. Hắn gửi bưu-ảnh và đủ thứ quà về Bavaria cho gia đình. Willi vì thông thuộc thành phố như lòng bàn tay, nên được lưu lại, còn hắn và đơn-vị được gửi tới Soissons để bổ-xung vào lực-lượng phòng thủ. Đó là một tỉnh lỵ dễ chịu, hắn được ăn ở đằng hoàng. Thức ăn và champagne thừa mứa, giá chưa đến một mark (1) một chai. Khi

(1) 1 đơn vị tiền tệ Đức.

nhận được lệnh tiếp tục làm việc tại đây, hắn nảy ra ý tưởng khéo đến thăm cô gái bữa nọ mà hay. Hắn định mang cho cô ta một đôi vớ lụa để chứng tỏ là không có ý xấu. Vốn nhớ đường lối dai lắm, nên hắn nghĩ rằng có thể tìm thấy trong trại chẳng mấy khó khăn. Nên một bữa xế trưa, nhân lúc rỗi rãi, hắn cho đôi vớ lụa vào túi và nhảy lên xe. Bữa đó là một ngày thu đẹp, bầu trời không một gợn mây, dọc đường cảnh thôn-dã nên thơ rập rờn. Trời đẹp và hanh đã lâu, đến nỗi mặt dầu đã sang tháng chín mà chẳng một gợn thông rạt rào nào mang một dấu vết gì chứng tỏ là Hạ đã tàn. Hắn quẹo nhằm một lần thành thử hành-trình có đôi chút trì trệ, nhưng kể cả thời gian đó, hắn đến nơi chưa tới nửa giờ. Một con chó lai sủa ầm ĩ khi hắn vào trại. Hắn không gõ cửa, mà xay quả đấm bước vào. Cô gái ngồi ở bàn đang gọt khoai tây. Thấy có bóng người mặc quân-phục, cô ta đứng vụt dậy.

« Ông muốn gì ? » Rồi nhận ra hắn, cô ta lui về phía tường, dao cầm lăm lăm trong tay. « À mà, *Cochon* ».

« Đừng có nổi đóa thế ! Tôi không làm gì cô đâu. Trông đây này, tôi mang đến biếu cô một đôi vớ lụa »

« Mang đi, cả anh nữa, cắt luôn đi một thế. »

« Đừng có dữ người thế cô. Vứt dao đi. Nếu cô định làm dữ thì chỉ hại cho cô thôi. Không việc gì phải sợ tôi thế. »

Cô gái nói : « Việc gì tôi phải sợ anh. »

Cô ta để con dao rơi xuống sàn. Hắn

bỏ chiếc mũ sắt và ngồi xuống. Hắn lấy chân khều con dao về phía mình.

« Đề tôi gọt khoai giúp cô nhé ? » Cô gái không trả lời. Hắn cúi xuống nhặt dao, đoạn lấy một củ khoai ở bát ra gọt. Cô gái tựa lưng vào tường nhìn hắn. Mặt đanh lại, đôi mắt căm hận. Hắn cười với cô gái một cách thân thiện. « Sao cô trông sung-sĩa thế kia. Cô biết đấy, nào tôi có làm gì hại cô lắm đâu. Lúc đó tôi mất bình-lĩnh, chúng ta cũng vậy cả, thì chả có người nói đến quân-đội vạn thắng Pháp và Phòng-tuyển Matignot là gì đấy. » « Hắn rút câu bằng một tiếng cười. « Thế rồi lại hơi men bốc lên đầu lên óc tôi nữa. Cô nên biết điều thì hơn. Tôi thấy các bà các cô bảo tôi không đến nỗi xấu giai lắm mà. »

Cô gái khinh-khỉnh nhìn hắn từ đầu đến chân.

« Xéo ngay khỏi nơi này. »

« Lúc nào thích đi tôi mới đi. »

« Nếu không tôi sẽ đến Soissons than phiền với Đại-tướng. »

« Ông ta càng thích. Lệnh truyền là phải làm thân với dân chúng cơ mà. Tên cô là gì nhỉ ? »

« Không việc gì đến anh. »

Má nàng đỏ au lên, đôi mắt giận dữ ngùn-ngụt lửa. Cô ta đẹp hơn hẳn ta nhớ. Hắn chưa bao giờ làm bấy đến thế. Cô ta có vẻ thanh-tú, có phong-thái tỉnh thành hơn là dân thôn dã. Hắn nhớ là mẹ cô ta bảo cô ta là giáo-viên. Trông cô ta có vẻ con nhà nên hắn khoái hành cô ta. Hắn cảm thấy sung-sức và sảng-khoái. Hắn đưa tay vuốt mớ tóc xoắn màu vàng óng của mình

mà khúc-khích cười khi nghĩ rằng gặp cơ-hội may-mắn như thế này thì phải biết là khối cô đâm bổ vào.

Mặt hân râm nắng hạ, đôi mắt xanh thắm.

«Ba má cô đâu?»

«Làm việc ngoài đồng.»

«Tôi đói lắm. Cô cho tôi một mẩu bánh, một miếng phó-mát và một ly rượu vang. Tôi sẽ trả tiền sòng phẳng.»

Cô gái cười gằn:

«Ba tháng nay chúng tôi không trông thấy đến một miếng phó-mát. Chúng tôi cũng chẳng đủ bánh ăn tạm gọi là no lòng. Năm ngoái quân-đội Pháp lấy ngựa của chúng tôi, giờ đây đến tụi Đức cướp của chúng tôi nào bò, lợn, gà tất cả.»

«Ờ, thế nhưng mà họ trả tiền.»

«Liệu chúng tôi có nhá được năm giấy vô giá trị lũ chúng nó đưa hay không?»

Cô gái bắt đầu khóc.

«Cô có đói không?»

Người con gái trả lời mai mỉa: «Ờ, không, chúng tôi ăn khoai, ăn bánh, ăn củ cải, ăn rau diếp như đế-vương. Ngày mai ba tôi lên Soissons xem thử có mua được chút thịt ngựa nào chẳng.»

«Này, cô. Tôi chẳng phải là đứa tồi-tệ lắm đâu. Tôi sẽ mang phó-mát cho cô, có lẽ tôi sẽ xoay một ít dăm-bông nữa.»

«Tôi không thêm nhận quà biếu của anh. Thà chết đói chứ tôi không thêm động đến thứ thức ăn do bọn đầu trâu mặt ngựa các anh ăn cắp của chúng tôi.»

Hắn nói giọng giễu cợt: «Được để rồi xem.»

Hắn đội mũ đứng dậy và với câu *au revoir, mademoiselle* hắn bước ra.

Hắn đâu có được cưỡi xe đi chơi rông khắp thôn quê, hắn phải đợi đến khi có công-vụ mới có thể tới được trong trại. Đó là vào mười ngày sau. Hắn bước vào không kèn không trống như lần trước và lần này hắn thấy lão chủ trại và vợ lão ở trong bếp. Lúc đó đã gần chính Ngọ, mẹ đàn bà đang quấy một soong gì đó trên bếp. Gã đàn ông ngồi ở bàn. Họ có đưa mắt nhìn hắn khi hắn bước vào, nhưng không có vẻ ngạc nhiên, chắc là cô con gái đã có kể với họ cuộc đến thăm của hắn. Họ không nói một câu. Mẹ đàn bà tiếp tục nấu nướng và gã đàn ông lăm li nhìn chiếc khăn trải bàn bằng vải sơn. Nhưng thế chưa đủ làm anh chàng Hans vui tính kia bối rối.

Hắn vui vẻ lên tiếng: «*Bonjour la compagnie*». Tôi mang quà đến biếu ông bà. Hắn mở gói giấy vừa mang tới, lấy ra một phó-mát Gruyère khá lớn, một miếng thịt heo và 2 hộp cá Sardine.

Mẹ đàn bà quay lại và hắn mỉm cười khi thấy vẻ thêm thưởng trong mắt mẹ. Gã đàn ông thần người nhìn chỗ đồ ăn. Hans vui vẻ cười với lão ta.

«Tôi rất ân-hận là bữa đầu chúng ta đã hiểu lầm nhau. Nhưng ông bà chớ lấy đó làm điều quẩn ngại.»

Vừa lúc đó cô gái bước vào.

Nàng rít lên giận dữ: «Anh làm gì ở đây?» rồi nhõn-tuyển nàng gấp gói đồ hắn mang tới. Nàng vun cả lại bắt tung vào người hắn. «Đem hết đi. Đem đi.»

Nhưng mẹ nàng xô tới.

«Annette, con đến là điên.»

«Con không nhận quà của hấn.»

«Đây toàn là những thực phẩm chúng nó cướp của người mình. Xem hộp cá kia kia. Cá Bordeaux đấy chứ đâu.»

Cô gái lại lượm những thứ đó lên. Hấn nhìn nàng, đôi mắt xanh long-lanh giễu-cợt.

«Tên cô là Annette à? Tên đẹp thật. Chả lẽ cô lại nỡ lòng cấm đoán ba má cô một chút thức ăn? Cô bảo là đã ba tháng không có phó-mát cơ mà. Tôi không lấy được dăm-bông mặc dầu hết sức cố gắng.»

Mụ vợ lão chủ trại cầm lấy tảng thịt trong tay và ấn chặt vào ngực, làm ta có cảm-tưởng như mụ đã hôn nó. Nước mắt trào xuống má Annette. Nàng rên rỉ: «Tủi nhục chưa!»

«Ồ, thôi đi, một miếng thịt, một mẩu Gruyère mà nhục với nhĩa gì cơ chứ»

Hans ngồi xuống châm một điếu thuốc lá. Đoạn hấn trao cả gói thuốc cho ông già. Lão trại chủ ngần ngừ giây lát, nhưng không cưỡng nổi lòng thèm muốn lão rút một điếu và trả lại gói thuốc.

Hans bảo: «Cầm lấy, tôi lấy được nhiều mà» Hấn rít một hơi thuốc phả khói ra đằng mũi. «Sao chúng ta không thể coi nhau như bạn bè? Chuyện đã rồi làm sao sửa lại được nữa. Chiến tranh là chiến tranh, ờ, chắc ông bà và cô hiểu ý tôi định nói chứ. Tôi biết cô Annette là một thiếu-nữ có học vấn và tôi mong rằng cô nên nghĩ tốt về tôi. Tôi mong rằng chúng tôi còn được đóng ở Soissons lâu để thỉnh thoảng có thể mang chút ít đến giúp đỡ ông bà và cô đây. Chắc ông bà và cô đã rõ, chúng tôi cố tâm gây

tình thân-thiết với dân trong tỉnh, nhưng họ nào có để chúng tôi làm vậy, ở ngoài đường phố mỗi lần chúng tôi đi qua mặt họ cũng chẳng buồn nhìn. Xét cho cùng chuyện xảy ra lúc tôi cùng Willi đến đây chẳng qua chỉ là một sự rủi ro. Ông bà chớ sợ tôi. Tôi xin kính trọng Annette như em ruột của tôi vậy.»

Annette hỏi: «Tại sao anh muốn đến đây? Sao anh không để cho chúng tôi được yên thân?»

Hấn thực không rõ tại sao. Hấn không muốn nói rằng hấn cần một chút tình thân-ái của con người. Niềm yên-lặng ngọt-ngọt hận thù bao quanh bọn hấn ở Soissons đè chũu tâm-não hấn, khiến đôi lúc hấn muốn tới bên một người Pháp dám coi hấn như thể không có đó, mà đánh hấn quỵ xuống. Và đôi lúc niềm không khí thù-hận đó ảnh hưởng tới hấn làm hấn phát khóc.

Thật dễ chịu biết mấy, nếu hấn có một nơi nào đó để lui tới và được tiếp đón niềm nở. Hấn đã nói thật khi bảo rằng hấn không có chút ham muốn nào với Annette. Nàng không phải là hạng đàn bà hấn mơ tưởng. Hấn ưa hạng đàn bà cao lớn, ngực nở nang, mắt xanh và tóc óng vàng như hấn; hấn thích họ khoẻ mạnh tốt da tốt thịt và ăn diện. Cái vẻ thanh-tú kia hấn không lưu ý, cái mũi thon mảnh và đôi mắt đen láy kia, khuôn mặt xanh sao kia — có một cái gì uy-nghiêm nơi cô gái, nếu hấn chẳng bị kích thích bởi chiến-thắng vĩ đại của quân đội Đức, nếu hấn không quá mệt mỏi mà đồng thời lại quá hứng chí, nếu chẳng nốc hết chỗ rượu vang nọ vào chiếc dạ dày trống rỗng thì chẳng bao

giờ hân nảy ra ý làm hại gì đến nàng.

Suốt hai tuần sau đó Hans không đi được. Hân đã để chỗ thức ăn đó ở trại và hân tính chắc là hai ông bà già đã ăn ngấu ăn nghiến. Hân phân vân không hiểu Annette có ăn không ; hân sẽ chẳng ngạc nhiên nếu được biết rằng ngay sau khi hân vừa quay lưng là nàng nhập cuộc ngay với hai ông bà già. Lấy mà chẳng mất gì thì cái tội Pháp có bao giờ cảm nổi lòng đâu.

Họ thật yếu đuối và dối-trụy. Nàng ghét hân, thật vậy, trời ạ, sao mà nàng ghét hân thế, nhưng thịt heo là thịt heo mà phó-mát là phó-mát. Hân nghĩ lan-man mãi về nàng. Điều nàng lạnh nhạt với hân đến như vậy thật làm hân sửng-sốt. Hân vẫn thường được đàn bà cảm lắm cơ mà. Nếu một ngày kia nàng yêu hân thì thật nực cười. Hân sẽ là người tình đầu tiên của nàng mà hân đã nghe thấy bọn sinh-viên ở Munich nói trong lúc nhậu la-de với nhau rằng đàn bà chỉ thực yêu có người tình đầu tiên còn sau đó chỉ là tình yêu thông-thường mà thôi. Hân mà đã chấm cô nào thì chắc-chắn là không có thất bại bao giờ. Hans cười một mình, một ánh tinh-quái lóe trên khóe mắt.

Mãi rồi cũng có dịp tới trại. Hân lấy phó-mát, bơ, đường, một hộp xúc-xích, một ít cà-phê và nhẩy lên mô-tô phóng đi. Nhưng lần này hân không gặp Annette. Nàng làm việc với cha ở ngoài đồng. Mụ già ở trong sân trông thấy gói quà hân mang tới mặt rạng-rỡ hân lên Mụ dẫn hân vào bếp. Tay mụ run run khi cõi dây buộc và khi thấy những thứ hân mang tới, nước mắt mụ ràn-rụa.

Mụ ta nói : «Cậu tốt quá.»

Hân lễ phép hỏi : «Bà cho phép tôi ngồi xuống nhé ?»

« Vâng xin mời cậu ngồi chơi » Mụ nhìn qua cửa sổ, Hans đoán là mụ muốn được chắc dạ là Annette chưa về.

« Cậu uống ly rượu vang nhé ? »

« Thế thì còn gì bằng. »

Hân đủ tinh-tế để nhận thấy rằng sự thèm khát thực-phẩm đã khiến mụ ta, nếu không hân thân-thiện với hân thì ít nhất cũng ra chiều về hòa với hân. Cái nhìn ra cửa sổ làm hân với mụ ta gần như những kẻ đồng-lõa.

Hân hỏi : « Bà có thích thịt heo không ? »

« Ngon tuyệt cậu ạ. »

« Lần sau tôi sẽ cố mang cho bà một ít nữa. Annette có thích không hở bà ? »

« Nó chẳng đụng đến 1 món nào do cậu để lại cả. Nó bảo thà chết đói còn hơn. »

« Kỳ cục »

« Ấy, tôi cũng bảo nó vậy. Tôi đã bảo thức ăn sờ-sờ ra đó thì không ăn nào có được vàng được bạc gì cơ chứ. »

Hai người nói chuyện với nhau khá thân mật trong khi Hans nhắm nháp rượu vang. Hân được biết mụ ta là Bà Perier. Hân hỏi Bà Perier là trong gia-đình còn có ai nữa không. Bà ta thở dài : « Không, họ có một đứa con trai, nhưng nó bị động-viên ngay khi mới có chiến-tranh và nó đã chết. Nó không chết trận mà bị đau phổi và chết ở bệnh-viện Nancy. »

« Tôi xin thành-thực phâu-ưu cùng bà. »

«Thôi thế có lẽ lại còn hơn là để nó sống. Nó thật giống con cháu Annette đủ mọi đường. Nó không thể nào chịu được cái nhục thất trận.» Bà ta lại thở dài, «Ôi, này cậu ơi, chúng tôi bị phản-bội đấy».

«Sao nước bà lại đi đánh Ba-Lan làm gì? Họ nào có là thân-thích gì cho cam».

«Cậu nói thật chí-lý. Giả chúng tôi cứ để ngài Hitler nước cậu chiếm Ba-Lan thì thế nào mà ngài chả để chúng tôi yên thân.»

Khi Hans đứng dậy ra về, hắn bảo ít bữa nữa hắn sẽ trở lại.

«Thế nào tôi cũng nhớ mang thịt heo.»

Rồi Hans gặp được một cơ-hội may-mắn, hắn được trao-phó một công-tác khiến hắn cứ một tuần lại được sang tỉnh bên hai bạn, nhờ đó hắn được dịp ghé vào trại nhiều hơn. Nhưng tình-trạng giữa hắn và Annette vẫn chưa tiến-triển được chút nào. Để gây cảm-tình với nàng hắn dùng phương-kế thông-thường mà hắn nhận thấy là rất có ảnh-hưởng với nữ-giới, nhưng những phương-kế đó chỉ khơi thêm sự châm-chọc của nàng. Mỗi mím lại lạnh-lùng nàng nhìn hắn như thể đồ bỏ? Nhiều lần nàng làm hắn gợn dử đến độ hắn chỉ muốn nắm vai nàng mà lắc cho đến chết. Một lần hắn gặp nàng một mình, thấy nàng đứng dậy bỏ đi hắn chặn lại.

«Ngồi lại đấy. Tôi có chuyện muốn bàn cùng cô».

«Bàn bạc gì. Tôi chỉ là một người đàn bà yếu đuối».

«Tôi muốn thừa cùng cô là theo như tôi biết thì có thể tôi còn ở đây lâu. Tình thế có vẻ không dễ-dàng cho dân Pháp các cô đâu, họ càng ngày càng khê-khắt. Tôi có thể ích lợi cho cô. Sao cô không biết điều như ba má cô?»

Quả thật lão Perier đã tỉnh ngộ. Mặc dầu không thể bảo là lão ta thân mật, lão ta quả có lạnh-lùng và khó chịu, nhưng lão lịch sự. Lão ta có lần yêu-cầu Hans mang cho ít thuốc lá, và khi hắn không nhận tiền, lão cảm ơn hắn hời. Lão ta thích nghe tin tức Soissons và vờ lấy báo-chí do Hans mang đến. Hans là con một chủ trại nên cũng có thể bàn chuyện ruộng nương thành thạo như mọi nhà nông. Trại này tốt lắm không rộng quá mà cũng chẳng đến nỗi quá hẹp, lại có đủ nước nhờ một cái khe khá lớn chảy ngang, với đất cày và đồng cỏ khiến cây cối đủ lực phát triển. Hans rất thông-cảnh khi nghe lão ta than-vãn là vì không cần sới, không bón phân, hoa-lợi cứ giảm sút mãi, cơ màu đến lụn-bại mất.

Annette nói: «Anh hỏi vì sao tôi không biết điều như ba má tôi hả?» Nàng gò áo sát vào người cho hắn thấy rõ thân hình. Hắn không tin được mắt hắn. Điều hắn trông thấy gây một niềm tê dại trong tâm tư, một niềm tê dại hắn chưa hề cảm thấy bao giờ. Máu rục lên gò má hắn.

«Cô có mang»

Nàng gieo mình xuống ghế úp mặt vào tay mà nức nở tưởng như tim nàng tan nát.

«Thật là tủi nhục. Tủi nhục.»

Hắn chạy đến ôm nàng vào trong tay.

«Em yêu»

Nhưng nàng đứng phắt dậy, đẩy hắn ra.

«Đừng có đụng vào tôi. Cút đi. Cút đi.

Anh làm hại đời tôi như thế chưa đủ sao?»

Nàng chạy vụt ra khỏi buồng. Hắn chần chừ giây lát tâm thần bấn loạn. Tư-tưởng hắn quay cuồng trong một cơn lốc. Hắn bần thần cho xe chạy chậm chậm về Soissons và lúc vào giường hắn thao-thức hàng giờ. Hắn không nghĩ được gì khác ngoài tấm thân nầy nở của nàng. Lúc ngồi ở bàn khóc sụt sùi trông nàng mới thê thiết làm sao. Chính đứa con hắn nàng đang mang nặng trong lòng. Hắn bắt đầu lơ mơ thì một xúc-động bất thần làm hắn choàng tỉnh. Vì nó đến một cách đột ngột, nó đến với hắn như một tiếng nổ đinh tai bất thần của một phát súng, hắn yêu cô gái. Điều đó là cả một sự ngạc nhiên, một xúc động mãnh liệt đến độ hắn không đương nổi. Vẫn biết hắn vẫn nghĩ nhiều về nàng, nhưng chưa bao giờ đến mức độ này. Hắn đã có lần nghĩ là

nếu hắn làm cho nàng yêu hắn thì thật là tức cười và nếu đến một khi nàng phải van nài hắn cái điều mà hắn đã cưỡng đoạt bằng cường-lực thì quả là một chiến-thắng. Nhưng không có một lúc nào hắn có ý tưởng coi nàng như có một liên lạc gì đặc biệt với hắn, hắn chỉ coi nàng như một người đàn bà chẳng khác gì muôn vàn người đàn bà khác. Nàng không phải là hạng người hắn yêu. Nàng chẳng nghiêng nước nghiêng thành gì. Nàng chẳng có gì đáng kể. Sao hắn đột nhiên lại có ý-tưởng kỳ cục về nàng như vậy; đó cũng chẳng phải là một cảm giác dễ chịu gì mà là một niềm đau đớn. Nhưng hắn rõ là điều đó chẳng có gì đáng ngại; đó là ái tình. Nó khiến hắn cảm thấy một niềm hạnh phúc chưa từng có trong đời. Hắn muốn được ôm nàng trong vòng tay vuốt ve triu mến, hắn muốn hôn đôi mắt đầm lệ của nàng. Theo hắn, hắn không ham muốn nàng như một người đàn ông ham muốn một người đàn bà, hắn muốn an ủi nàng, hắn muốn nàng cười với hắn -- thật lạ lùng, hắn chưa hề thấy nụ cười của nàng -- hắn muốn nhìn cặp mắt nàng, một cặp mắt thật thanh tú, một cặp mắt đẹp hiền hậu dịu dàng.

(Còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN dịch

ĐI LÂU, VỀ, THĂM MỘT VƯỜN CŨ

Chút ít hồn ai dường phảng-phất,

Trong đường hương dịu gió chiều đưa.

NGUYỄN-NGU-Í

(Có những bài thơ...)

những chữ «hoa»

tôi ghét bao nhiêu ! những chữ «hoa»
sắp ở đầu dòng
dầu trên trang giấy viết tay hay trang in
dầu ở đầu môi hay muốn nói bằng tim
những chữ «hoa» khệnh-khạng
chiếm một mình một khoảng
nghênh-ngang
lúc nào cũng ưỡn ngực
với tấm gối gần đầy huy-chương
luôn luôn đứng ở đầu dòng
những chữ khác cùng hàng
chân mết-mỏi, khụy xuống
hoặc kiên-nhẫn bò lên mặt giấy
lưng nổi lưng để tạo nên tiếng nói của con
người
trong tiếng nói, cả tiếng khóc, lẫn tiếng cười
thoát ra từ đáy óc
những chữ «hoa» không giá-trị gì hơn những
chữ khác
nó không thể đứng một mình
không ai viết chữ «hoa» chỉ để đứng một mình
trên trang giấy sa-mạc
còn biết bao nhiêu chữ khác
nối đuôi nhau trong cuộc vận lý trường-chinh
để tạo nên chỗ đứng cho chữ «hoa»
ôi, đến bao giờ người ta
sẽ không còn nắn-nót một chữ «hoa»

mặc-thu (1960)

MÂY BAY

Trào THOẠI, VIỆT, ĐÌNH
T.H

Tôi muốn làm mây bay,
Cho trời xanh yên ngủ...
Bên em lòng bỏ ngỏ,
Yêu chót một vòng tay!



Tôi muốn làm bóng sao
Trốn sâu vào đáy mắt,
Lòng đại dương cứ chặt,
Thương em đến nghẹn ngào...



Tôi muốn làm kiếp chim
Cùng em ca ánh sáng,
Hái muôn ngàn hoa trắng
Liếm kín bóng đêm chìm...



Tôi muốn làm trăng khuya,
Cuồng si con thuyền bé
Chở hồn em e lệ,
Đem tình trải sơn khê!



Tôi muốn bên em làm gã say,
Gục đầu thương nhớ suốt đêm nay.
Nối thêm dòng nển dài năm tháng
Tưởng niệm phương nào mây trắng bay...

Bền-Tre
TRẦN - HOAN

ĐIỂM SÁCH

Tác-phẩm : NHỮNG NGƯỜI ÁO TRẮNG

Tác-giả : Nhật-Tiến

Nhà xuất-bản : Huyền-Trân, 1959

★ CÔ PHƯƠNG THẢO



TRONG tiểu-thuyết xưa nay người ta đã gặp quá nhiều những màu áo đẹp. Và nhiều tà áo ở xa quyền-rũ lạ-lùng nhưng khi đèn gần ta phải thất-vọng, bởi vì ở sau lớp áo, chúng ta không gặp con người. Đôi khi là những khúc gỗ biết cử-động khoác lên tờ lụa nhiều màu, có lúc là những con vật luôn-luôn thềm khát choàng những hàng vải đắt tiền, hoặc là những cô nàng của thời xưa cũ mặc toàn the gấm bước đi lạch loai giữa chỗ đông người cò giữ một vẻ kiêu-kỵ để che cái duyên già cỗi. Nhưng nhiều nhất là những thiếu-nữ mặc áo đủ màu chập-chờn ảm-hiện, chẳng rõ sinh-thành ở nơi dương-thê hay hiện về từ một cõi âm.

Giữa những sắc màu phức-tạp ấy, Nhật-Tiến điểm vào một màu áo trắng. Và cái màu nhạt-nhẽo, u-buồn như dây tường vôi vẩy bọc lấy khối cô-đơn của viện Cô-Nhi, như lớp áo tang lặng lẽ đưa người trở về chỗ nghỉ thiên-thu, bỗng khiến người ta chú ý.



Quỳnh, một thiếu-nữ lớn lên trong viện mồ-côi kể lại đời mình, đúng hơn, quãng đời của người con gái bắt đầu nghe động xôn-xao nơi lòng những niềm khát khao rạo-rực khôn nguôi nhưng phải giam hãm ở

trong bốn vách tường cao bên cạnh bao nhiêu sáu khổ mà cuộc đời bên ngoài đem lại.

Câu chuyện Quỳnh kể bắt đầu từ khi có em bé Phượng bước vào trong viện Cô-Nhi.

Quỳnh đem tình thương để săn-sóc cho em bé nhưng lòng không ngọt bần-khoăn, những nỗi bần-khoăn chứa đầy khao-khát mà lời khuyên giảng đạo-lý của các bà Phước không sao khiến được người khuây. Quỳnh càng đau khổ càng hoài nghi và càng xót xa thêm cho những kiếp sống mớ côi trong viện. Một hôm, Liễu, người bạn của Quỳnh trốn ra khỏi viện để tìm lại người yêu xa cách từ lâu. Nhưng không gặp được người yêu, Liễu làm gái nháy. Sự thoát-ly ấy gây nhiều xúc-động cho Quỳnh và nàng dám len lén bênh vực cho bạn trước sự giận dữ của các bà Phước. Rồi một người bạn khác của Quỳnh là Hòa qua đời vì mắc bệnh syphilis. Nỗi đau khổ của Quỳnh càng tăng đồng thời với tâm lòng *«khát khao cuộc sống bên ngoài»* (70). Tuy thế, Quỳnh cũng không có ý định nào rõ rệt và nàng vẫn tiếp tục cuộc đời âm thầm trong những bức tường với lạnh lẽo để mỗi ngày chứng kiến thêm nhiều những cảnh khổ đau. Cho đến một hôm, Quỳnh bắt gặp cái nhìn của *«cặp mắt sâu thăm-thăm như soi mói, như âu-yếm, dịu-dàng»* của một chàng trai, có mái tóc bù, có đôi vai gầy, ngồi đọc sách trong một công-viên, và lòng nàng dạt-dào tình cảm yêu-đương.

Tình yêu thầm kín ấy an-ủi cho nàng rất nhiều, nàng bớt hẳn-học, bớt u-uất, *«trở nên ngoan hơn, dịu-dàng hơn và tâm-hồn thanh cao hơn trước»* (trang 77). Một hôm, trời mưa, mặc dù cảm sốt chưa hết, Quỳnh đến vườn hoa tìm lại con người hôm nọ

nhưng nàng tuyệt vọng, trở về và bị thương hàn. Sau một tháng trời nằm trên giường bệnh, gầy ốm, da xanh, tóc rụng, hy vọng gặp lại người xưa cũng đã lụi dần. Tuy vậy, khi sức khỏe bình-phục, Quỳnh cũng nôn nao tìm thăm chôn cũ nhiều lần, nhưng bao nhiêu ngày tháng trôi qua người đàn ông ấy không còn lại nữa, và khi mùa Đông trở về thì hi-vọng của lòng nàng chết hẳn. Nàng lại *«chăm chỉ cầu kinh, muốn đi tìm sự giải-thoát cho linh hồn.»* (93)

Nhiều năm lại trôi qua. Quỳnh già đi nhiều. Tình yêu đời với nàng gần như vô nghĩa. Quỳnh chỉ lo chăm sóc cao lữ trẻ và không đòi hỏi gì hơn nữa, bởi vì lòng nàng đã tìm được niềm vui, cái vui qua niềm vui của kẻ khác.

Phượng đã lớn và yêu Thái, một thanh niên trong ban nhạc nhà Chung. Cả hai được làm phép cưới vào dịp mùa thu. Quỳnh lại xót xa trong nỗi cô-đơn. Nàng nghiêng lòng mình xuống em bé Lucie, một em bé mớ côi khác mà Quỳnh ngại trước sẽ có lại ngày ly-biệt.



Viết tác-phẩm này, Nhật-Tiền *«có ý định hé mở cái khung cửa sắt cao với vọi ngoài ngưỡng cửa Cô-Nhi viện»* để người ta nhìn vào cuộc sống bên trong thông-cảm nỗi cực nhọc của những con người côi-cút. Khai thác một đề tài như thế, thái độ của tác giả thật đáng cho ta quý mến. Hơn nữa tác phẩm còn hé mở về một nẻo đường khác nữa, nẻo đường về những đề tài mới mẻ mang nhiều tính chất xã-hội, tính chất cuộc đời và tính chất con người.

Qua «những người áo trắng» ta đã gặp những cô-độc, bơ-vỡ, bần-khoăn, khắc-khoải, tủi nhục, đau buồn trong các em bé mồ côi, gặp được cái không-khí vừa ấm-đạm, lạnh-lùng, vừa nhân-từ hiền-hậu trên những khuôn mặt bà Phước, gặp được sắc màu loạn-lạc khổ đau của xã-hội bên ngoài mà những em bé mồ côi của nhiều trường-hợp khác nhau lần-lượt bước vào trong viên là những bằng chứng rõ-ràng. Tuy vậy, ta gặp nhiều nhất là cái bần-khoăn của một cô gái đây thì thêm khát yêu-đương và càng thêm khát yêu-đương bởi vì thiếu hết mọi tình ấp-ủ quen-thuộc của không-khí gia-đình. Do sự thiếu-thốn ấy cô gái càng nghiêng xuống sự đau-khổ của một em bé khác hoặc có những lời phản-ứng lại cái khắc-khổ của hoàn-cảnh đang sống. Có thể nói rằng trọng-tâm của tác-phẩm là cái rạo-rực thêm yêu-tuyệt-vọng của một cô gái mồ côi trong viện Cô-Nhi, còn tất cả cái sinh-hoạt đau khổ chung quanh chỉ là bối cảnh. Kể ra tác giả có quyền khai thác một khía cạnh như thế vì nó sôi nổi, nhiệt nung, gần gũi được nhiều độc giả trẻ tuổi và tác giả cũng dễ tìm tài-liệu ở trong cuộc sống quanh mình. Tuy vậy, điều mà người đọc nhận thấy rõ ràng là tác giả để lộ một sự phân-vân trong khi xây-dựng tác-phẩm. Nỗi phân-vân ấy là cái mâu-thuẫn của hai con người trong tác-giả, con người viết tiểu-thuyết xã-hội và con người viết tiểu-thuyết ái-tình.

Người đọc có cảm tưởng là ban đầu Nhật-Tiền chỉ muốn phô bày cái sinh hoạt đau khổ của những trẻ mồ côi trong viện Cô-Nhi. Nhưng để giải-quyết cái khó-khăn của một đề tài như vậy, Nhật-Tiền phải dựa vào một cái xương sống, tình-yêu, cũng như

phải dùng đến thể bút-ký để mượn cái tính chất chủ quan của lời tự-thuật.

Tất cả phương-sách giải-quyết ấy đều là hợp-lý và nhà tiểu-thuyết xã-hội có thể nhường bước cho nhà tiểu-thuyết ái-tình để rồi cuộc giữ lấy phần thắng về mình. Nhưng, ở đây, hai con người ấy lại đi song song và người đọc chấp-choang rơi vào trong bóng hoàng-hôn của một vấn-đề mà tính-chất chủ yếu chưa đủ sáng tỏ. Hay nói một cách khác, Nhật-Tiền mới thử một bước đầu tiên để vào khu-vực xã-hội chứ chưa dám mạnh dạn đi vào, cho nên chưa cho ta hưởng trọn vẹn những điều tác-giả nêu lên và ta muốn biết. Quỳnh, nhân-vật chính, có tất cả cái sắc thái lưng chừng của một con người yêu đời và giàu tình-cảm cho nên những phản-ứng của nàng cũng cảm-tính, cũng nhẹ-nhàng, ngần-ngủi. Quỳnh có cái tâm-lý phổ-biến của rất nhiều thiếu-nữ ở vào tầng lớp và cùng lứa tuổi như nàng. Nhưng xét về phương-diện tiểu-thuyết thì tâm-lý Quỳnh lộn-lộn, thiếu hẳn cái cường-độ về sự thực cần thiết cho một nhân vật. Cá tính của nàng không đậm cho nên ta không giữ được về nàng những ấn-tượng sâu-xa, hay nói cách khác, ta chưa thỏa-mãn về nàng. Cờ nhiên là ta không đòi hỏi Quỳnh phải mạnh dạn như Liễu xông pha đi tìm tình yêu và khi thất vọng thì làm gái nhảy. Ta cũng không ước mong Quỳnh phải chết vì bệnh như Hòa. Trường-hợp của Liễu và Hòa là những trường-hợp đặc-biệt, ở đây, và chỉ trong loại tiểu-thuyết tình-cảm hạ cấp cô Liễu, cô Hòa mới mong trở thành những nhân vật chính. Ta vẫn muốn Quỳnh, cứ phải là Quỳnh như trong sự thực, như giữa cuộc đời, như tác giả đã giới thiệu với ta, nhưng rõ rệt hơn. Bởi vì

đủ là lưng chừng, bạc nhược, cô Quỳnh phải giúp cho ta rung cảm sâu-xa hơn nữa, thăm-thía hơn nữa về một cảnh sông với biết bao nhiêu vắn-đề phức-tạp. Khi xếp sách lại, người đọc còn thấy phân-vân và cái phân-vân lớn nhất là cô Quỳnh kia đã tìm được an-ủi khi quì dưới chân Chúa hay chưa ? Hay là vẫn mang tâm lòng tủi-nhục ? Và nỗi lòng rạo-rực yêu-đương của nàng ngày xưa nay đã nguôi khuây là bởi lẽ gì ? Cái lý-tưởng vị-tha của nàng khi thấy niềm vui trong sự chăm nom lũ trẻ có phải là lẽ sông của nàng chưa ? Hay chỉ là một điều chấp-nhận hoàn-toàn cưỡng-ép ? Do cái nội-dung như thế cho nên người đọc có thể cũng thừa nhận rằng tác-phẩm *«Những người áo trắng»* là một tác-phẩm đứng-đầu nhưng khó nhận-định giá-trị nội-dung cho thật rõ-ràng, dứt khoát, bởi vì nó chẳng có gì dứt khoát, rõ-ràng. Thái-độ lửng-lơ nhiều khi vẫn là cần-thiết cho một tác-phẩm, nhưng lửng-lơ vốn không đồng nghĩa với tiếng mờ-hổ.



Về phần hình-thức, Nhật-Tiền có một bút pháp giản-dị, sáng-sủa, nói được cái gọn-gàng, tươi trẻ của những cuộc đời mà sự dày-vò chưa đến nỗi làm cho thiên-lệch tâm-hồn để phải biến thành giọng-điệu cay chua. Nhật-Tiền có cái tự-nhiên của một con người giữ vững được thể quân-bình và ý thức được giá-trị nhiệm-vụ mình trong khi cầm bút. Tác giả có đủ cái vẻ cần-thiết để đóng trọn một vai trò tuy sự sâu-sắc là điều mà

tác giả đang còn tìm tòi. Người đọc nghĩ rằng có lẽ tác-giả đang còn rất trẻ cho nên không ngăn được những sơ-hở do nơi cảm-tình gây nên. Bởi vì tác-giả thiếu nhiều tình tiết để làm cho sự việc thêm được bề sâu và đôi khi tác-giả gần như mâu-thuẫn trong sự xây dựng tình-tiết. Cái không khí ban đầu của *Cô-Nhi-Viện* có vẻ khắc-khổ, chật-chẽ bao nhiêu thì ở đoạn sau có vẻ dễ-dãi phóng-túng bấy nhiêu. Khi ta thấy Quỳnh mượn có đi thăm Liễu để tìm lại bóng người xưa một cách dễ-dãi như thế, ta mất hẳn đi cái cảm-tưởng nặng-nề cần-thiết của lúc ban đầu. Đôi khi chữ dùng của tác-giả cũng cho ta chứng thực thêm điều nhận-xét trên kia. Tác-giả viết *«Ngôi mộ xinh xinh»* (trang 66) trong lúc *«không cảm được nước mắt khi nhìn hai linh hồn đau khổ ngồi ủ-rũ»* trước đây. Hoặc : *«Phượng của tôi thì đêm nay chắc đã quàng tay qua cổ một người trai xa lạ»* (trang 116) Người trai *«xa lạ»* ấy là Thái, người đã từng gần Phượng, yêu Phượng, được Phượng yêu lại và được sự đồng ý của bề trên cho làm lễ cưới.

Còn nhiên chúng ta không quên cái thái-độ khiêm-tôn của tác-giả khi muốn *«hé mở cái khung cửa sắt»* và ta không nên tham-lam mà đòi hỏi quá nhiều. Nhưng, thành-thật, ta vẫn thấy rằng cái màu trắng của Nhật-Tiền quả có đẹp hơn các màu lòe-loẹt khác nhiều.

CÔ PHƯỢNG-THẢO

CÂU CHUYỆN THI-CA

CỦA NHÀ THƠ

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

★—— NGUYỄN-PHỦ

ĐÊM 25 tháng Hai, vào lúc 8 giờ tối, tại thính đường Hội Việt-Mỹ, thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương nói về *Triển-vọng của thi ca Việt-nam*.

Người ta kéo đến khá đông bởi vì gian phòng khá chật. Ông Đại-diện của hội tuyên-bồ đại khái : « mỗi lần chúng tôi tổ chức chỉ độ một trăm người đến dự là nhiều. Nay thực quá đông ngoài sự mong ước. Thực là hân hạnh ».

Nhưng đây mới là cảm tưởng ban đầu.



Rồi đến nhà thơ Vũ-Hoàng-Chương lên

nói. Sau vài lời khiêm nhượng, « xin trình bày vài ý-kiến, thô thiển về thi ca Việt-nam, » và khen ngợi mọi người, « trước một cử tọa thanh lịch, đầy đủ thẩm quyền », ông bắt đầu câu chuyện.

Trước hết là tình hình thi ca hiện nay. Chưa bao giờ thi sĩ ra đời nhiều bằng lúc này. Tòa soạn các báo ứ đọng thi ca và các giáo sư Việt văn các trường cũng hốt hoảng trước sự nhờ cậy của đông-đào những kẻ chấp vắn. Nhưng đặc biệt là sách thơ in ra chẳng mấy người mua. Nhân đi qua dự hội nghị các nhà thơ ở Bỉ ông mới rõ rằng không riêng gì ở nước ta mà các nước Âu-Châu cũng thế. Nghĩa là thi sĩ rất nhiều, nhưng thơ không bán được, kể cả những

CÂU CHUYỆN THI CA CỦA NHÀ THƠ V.H.CH.

nhà thơ đã từng nổi tiếng nổi tăm. Nhưng qua sự-kiện nhà thơ *Quasimodo* ở Ý được giải Nobel về thi ca, ông thầy rằng «*thi ca vẫn không bị bỏ rơi ngay giữa thời-đại vệ-tinh và hóa-tiến này*» bởi vì thi ca vừa nói lên cái tính-chất sáng-tạo của ngôn-ngữ vừa biểu-lộ cái tự-do của tinh thần. Văn xuôi đi vào lý trí còn ở thi ca mỗi chữ là một chiếc đũa tiên khêu dậy bao nhiêu thế-giới huyền hoặc. Ông nêu lên một số ví-dụ về thơ hay trong thi văn Việt-Nam để minh chứng rằng thi ca không cần phải minh xác, vì *thế-giới thơ sẽ là thế-giới riêng biệt, cảm cái biến lớn: «cảm mây móc không được vào đây»*.

Sau phần minh-chứng khá nồng-nhiệt này, thi-sĩ nói về triển-vọng của thi ca Việt. Thi-ca của ta có nhiều triển-vọng. Vì tiếng ta dồi-dào năng-lực âm thanh. Diễn giả còn cho biết người Pháp, người Mỹ đều ngạc-nhiên vì các du học-sinh của ta khi nói về thi-ca Việt-Nam đều chỉ biết có *Truyện Kiều* và *Phong-đao*. Và, theo diễn-giả, đó là *hai bờ đê của đỉnh núi thi ca Việt-Nam*. Tiếp đó diễn-giả giải thích vì sao thi ca ở trong sự bế tắc, nguyên nhân là vì đa số người làm thơ đua đòi theo lối bí-hiếm và «*sự bí-hiếm càng thịnh hành thì sự sáng-tác càng cô lập*». Cuối cùng tác giả thành tâm mong mỏi các nhà thơ trở về với lối diễn tả của dân tộc, lấy *Phong đao* và *truyện Kiều* để làm điểm tựa. Như chiếc diều kia dù có bay vút từng cao cũng phải nằm trong đầu dây ở tay đưa trẻ.



Đó là những nét chính của câu chuyện thi ca mà thi-sĩ Vũ-Hoàng-Chương đã nói trong một tiếng đồng-hồ. Nhà thơ nói mau, vui vẻ,

linh-hoạt nhưng cái máy vi-âm, vốn là máy móc, cho nên không chịu trườn lên gần với cơ quan phát-thanh của thi-sĩ, do đó những người ngồi sau khó lòng nghe rõ những điều thi-sĩ trình-bày. Và những điều chúng tôi thu-nhận và viết lên đây e rằng có thể thiếu sót.

Người ta khó lòng đòi hỏi diễn-giả trong vòng một tiếng đồng hồ có thể nói lên đầy đủ một vấn-đề khá bao-quát là triển-vọng của thi ca Việt-Nam. Hơn nữa diễn-giả là một thi-sĩ, và theo tinh-thần của cuộc nói chuyện thì thi-sĩ là con người không minh-xác — nghĩa là mơ hồ — thì ta cũng khó lòng muốn rằng diễn-giả có thể đem lại cho ta những điều cụ-thể.

Do đó, cái cảm-tưởng chung của nhiều kẻ ra về là diễn-giả chỉ mới nói lên được đoạn mở đầu. Diễn-giả dễ bị lạc lối trong những chứng-dẫn và có vẻ không chịu quên bớt những kỷ-niệm trong chuyện hội họp quốc-tê vừa qua.

Kể ra trên căn-bản của vấn đề, có những điểm đại - cương mà chúng ta ai cũng hoàn-toàn đồng ý với diễn giả: bản-khoản về sự bế-tắc của thị trường tiêu-thụ thi-ca — chống lại lối văn bí-hiếm, xa rời quần-chúng — quay về với tinh thần dân tộc trong cách diễn-đạt — Nhưng đi vào cụ-thể quả thực diễn-giả không giúp cho ta rõ thêm được một chút nào. Trước hết là vì vấn-đề triển-vọng thi-ca Việt - Nam muốn được sáng tỏ cần phải lý-giải cho được vì sao ngày nay thi ca lâm vào tình trạng bế-tắc. Nếu chỉ bảo rằng một số nhà thơ ưa làm bí-hiếm và học đòi những cách diễn-tả Tây-Phương và nói như một cô bạn ở Pháp của thi-sĩ, «*hiện giờ sự bí hiếm trong thi ca đã trở thành một cái một thời thượng*»

(l'obscurité poétique est devenue snobisme) thì chỉ mới là nhận xét bề mặt mà không phân tích bề trong, chỉ thấy mặt nổi mà không nhìn thấy mặt chìm. Hiện trạng thi ca này không phải là một hiện tượng của riêng chúng ta mà là một hiện-tượng chung của cả thế-giới chúng ta, thế giới tự-do. Mồ xẻ văn-đề này không thể là văn-đề của một vài người mà là của nhiều người tha thiết sáng suốt và trước hết là có tinh thần can-đảm nhận lấy sự thực để mà sửa chữa.

Chưa lý giải cho thông suốt được cái hiện trạng này thì tất cả ý-tưởng về triển vọng của thi ca đều là văn-đề phù-phiem, giả-tưởng, những cánh diều bay không người nắm giữ đầu dây cho chặt. Vì vậy, nói về triển vọng thi ca, diễn-giả chỉ tin rằng tiếng ta dồi dào khả năng sáng tạo, và hãy dựa vào truyện Kiều, Phong dao để mà đi tới. Thiệt nghĩ có nhắc đi nhắc lại một triệu lần những điểm trên đây, các nhà thơ của chúng ta cũng chẳng tiến lên được một bước nào. Lời giải quyết như thế chỉ là một thái độ phản ứng chững nào có tính chất bảo-thủ bởi vì chỉ thấy có phần hình thức của thơ bí hiểm mà không nhìn thấy nội-dung của nó. Đúng hơn, diễn-giả quả không... mình xác chút nào, cho nên quan niệm về hình thức và nội-dung cũng rơi vào bí hiểm nốt. Có lần diễn-giả đã nói đại khái như sau : « hình thức chỉ là trang sức phù-du, ngoại hiện, và mặc quốc phục hay âu phục, hay mũ đội văn khấn điều ấy không quan trọng » Lời so-sánh phục sức con người với hình thức thi ca đã sai-lạc hẳn từ trên căn-bản. Và luôn luôn diễn-giả phải thần thánh hóa thi ca bằng tất cả danh từ huyền hoặc : *thơ hiển linh, thi bút, giảng lâm, thần linh ban cho một ân*

huệ kỳ thú là thơ. v.v. để tránh một sự phân ích coi bề khó nhọc.

Chính vì cái tinh thần ấy mà nhà thơ họ Vũ rớt cuộc tự đẩy mình vào cái tháp ngà và tự biện hộ đại khái như sau : « *Tháp ngà là một cái vọng hải đẳng bao quát chân trời mà càng lên cao bao nhiêu càng nhìn xa nhìn rộng bấy nhiêu* », và thi sĩ cho rằng có lên cái tháp ngà như thế thì « *thi sĩ mới hướng dẫn đại chúng được* ».

Quan-niệm này mới nghe, tưởng chừng có vẻ cao xa. Cao xa có lẽ vì xưa kia người ta chỉ nấu mình trong tháp ngà để lánh xa quần chúng, còn đến bây giờ, người ta leo lên tháp ngà là để được ngồi cao hơn kẻ khác và nhìn được xa hơn mọi người. Nhưng thực tình mọi người đều muốn rằng thi sĩ ngồi chung với mình và nhìn thấy được mình.



Nhưng có một chuyện không ai chờ đợi, ấy là cái đoạn hạ-hối phân giải của cuộc nói chuyện.

Sau khi diễn-giả kết luận, cho rằng đây chỉ là « *câu chuyện ngắn ngủi của một kẻ bất tài* » và liền đó lại mỉm cười như không tin lời nói của mình là thành thật, thì đến mục chât-văn của các thánh giả.

Trước hết có một cụ già — mà sau này nhờ cụ tự giới thiệu một cách gián tiếp ta

biết là Đông-Viên cư-sĩ — đứng lên tỏ ý không được bằng lòng diễn-giả đã bảo hai tiếng *sầu miên* trong bài thơ của Trương-Kê có thể là tên ngọn núi. Rồi nhân tiện cụ còn hăng hái chắt vắn thi sĩ họ Vũ về hai câu thơ trong bài «Hoa mai» đã đăng ở báo Tự-Do :

*Xuân đầu xuân cuối mà chan chứa
Giang-Bắc Giang-Nam lại chập chờn (1)*

mà cụ cho rằng nghĩ đã vớ óc mà vẫn không sao hiểu được nhà thơ muốn nói cái gì. Gian phòng trở nên vui nhộn khác thường. Nhưng giữa phút ồn ào người ta nhận thấy diễn giả không còn đứng trên diễn đàn. Thì ra không phải đồng thanh mà có thể tương ứng, đồng khí mà có thể tương cầu.

Ông cụ ngơ ngẩn vài phút rồi tuyên bố có làm bài thơ đăng báo tự do và sẵn sàng ngâm lên cho mọi người nghe nếu mọi người đồng ý. Và mọi người thấy rõ đây là dịp vui hiếm có, nên đồng ý rất sôi nổi : Lập tức một tờ báo Tự do, như đã chuẩn bị sẵn từ lâu bên cạnh ông cụ, đưa lên.

Nhưng vị đại diện của Hội Việt-Mỹ đã cắt đứt cho rằng đây là sự công kích lẫn nhau không hợp với tinh thần của cuộc nói chuyện.

Lập tức gian phòng trở nên sôi nổi hơn lên. Người ta muốn cho ông cụ đọc thơ của mình. Và ông cụ thì nhất định rằng mình còn nhiều thơ — còn cả tác-phẩm — chứ không phải chỉ có một bài. Quả đúng như một *người ngoại quốc* nào đã nói : « Trong mỗi người Việt-Nam đều có một ông thi-sĩ. » Nhưng phải thêm thế này cho đầy đủ ý nghĩa : « Và ông thi-sĩ ấy nhất-định chỉ muốn người khác nghe thơ của mình. »

Tự nhiên không khí trở nên khó chịu, nặng nề. Thực tình ai cũng hết lòng để làm nhiệm-vụ của mình. Người nói cũng đã nhiệt thành bày tỏ, người nghe cũng đã sốt sắng phát biểu, và người tổ-chức cũng đã tích cực lo lắng cho cuộc nói chuyện được hoàn toàn, nhưng chỉ thiếu một sự khéo léo, mềm dẻo để giúp cho mọi người thông cảm, mà từ thính giả, diễn giả đến ban tổ chức đều thấy bất mãn cả.

Từ đầu phút hân học của một sô thính giả, nhà thơ đã biến mất khỏi phòng. Có người vui miệng đã nói đùa rằng : « Thì ra, từ quán chúng, thi sĩ đã bước lên... tháp ngà và trước sự chắt vắn sôi nổi, thi-sĩ phải rời bỏ tháp ngà để lặn vào quán chúng ». Rốt cuộc, không còn ai để « hướng dẫn quán chúng » nữa, nên cái « quán chúng thanh lịch và có thẩm-quyển » kia bèn ồ-ạt tự mình hướng dẫn mình ra về.

NGUYỄN-PHÚ

(1) Chúng tôi không dám tin ở trí nhớ của mình. Có sai sót chỗ nào, mong quý vị tha lỗi.

Hẹn hò

Thơ trao còn nhắc hẹn hò,
Bến Xuân vẫn đợi con đò năm nao.
Ý xưa bừng ánh trăng sao,
Mà đây tâm sự là bao nhiêu lời!
Giấc hoa tô ngát mộng đời,
Gửi về đâu?... gửi cho người ngàn phương.
Xa nhau lấy nhớ làm thương,
Trót yêu, yêu đề vẩn vương tơ lòng.
Nẻo tình cách núi ngăn sông,
Biết đâu lá thắm chỉ hồng mà xe!
Nhạn xưa chờ vắng tin về,
Đành thôi, gởi ắp quạt thề đợi ai!
Hoa rầu ngại đón sương mai,
Biết chẳng người nhớ người ngoài quan san?
Bâng khuâng gió núi mấy ngàn,
Mộng xưa đôi lối trăng vàng về đâu?...
Bến nghiêng chờ mấy dòng sầu?
Hỏi bao giờ nổi nhịp cầu Sông Ngân?
Cánh duyên xin chép về gần,
Cho tôi dệt áo mùa xuân tặng chàng.

HOÀNG-BẢO-VIỆT

nỗi buồn của a-chim

*Riêng tặng bà Louise BECK và em Hanno
BECK ở Tây khu Bá-Linh.*

HOÀNG-BẢO-VIỆT

*(Nếu có những tên người, tên thành phố, địa điểm, ngày tháng năm không
đúng với truyện thật, điều đó hoàn toàn ngoài ý muốn của tác giả)*

ĐỨA bé nhìn tôi không nháy mắt. Tôi càng đến gần, nó càng chăm chú hơn.

Con đường nghiêng mình trút xuống dốc dẫn vào thành phố. Hàng cây anh đào bên mặt đã làm tấm nở hoa. Các ngọn cây thẳng tắp, chạy dưới tấm mắt tôi và nhỏ dần khi giáp giới các dãy nhà mái ngói đỏ đằng trước. Cảnh đứa bé mấy con bò cái bước uể-oải.

Vú bò căng sữa lướt nhẹ qua các ngọn cỏ non. Tấm thảm xanh lục trải trên suốt cánh đồng rộng nằm giữa

hai dãy núi gần biên thùy Pháp Đức và Thụy-Sỹ. Ảnh hưởng của trận rét dữ dội từ miền Bắc còn lảng vảng đâu đây. Mặt trời mét như trăng khuya lặn quần sau mây đám mây xám. Một chút gió đủ buốt da tay. Đứa bé quần lại khăn quàng quanh cổ. Mớ tóc vàng hoe bóng bẩy buông xuống vằng trán hình chữ nhật. Đôi mắt tròn, rộng và linh động.

— Ông không có xe nhà để đi sao?
Đứa bé hỏi tôi, giọng hơi ái ngại,

— Phải, tôi thường quá giang xe nếu thuận tiện.

— Ông nên ra ngã tư Jean Jaurès có nhiều xe qua lại. Đây đèn đỏ còn xa, phải đi ngang thành phố. Ông từ đâu đến đây ? Trông có vẻ là người Trung-Hoa, phải không ? Đứa bé vừa nói vừa cười.

— Tôi không phải là người Trung-Hoa, em lầm rồi ! Tôi vốn quen đi bộ. Hối sáng rời Freiburg, tôi phải leo dốc gần mười cây sô sau khi qua biên-giới để gặp một chiếc xe đưa tôi về gần Mulhouse.

Đứa bé trở mặt kêu lên :

— Ô ! tôi làm sao ? Xin lỗi ông nhé ! Thật ra tôi tin chắc ông là người Á-châu. Mẹ tôi thường dặn tôi : con có hy vọng nói đúng quốc tịch một người Á-châu con bắt gặp lần đầu tiên trên đất Pháp bằng cách đoán họ ở vào một trong ba giòng dân Việt-Nam, Trung-Hoa và Nhật-Bản. Đáng lẽ tôi phải bảo ông là người Việt-nam thì hơn.

Có hàng mấy ngàn người Việt-Nam sống trên đất Pháp... Mẹ tôi bảo thế.»

Tôi không tưởng tượng câu chuyện tình cờ trong chốc lát bên đường đưa tôi tới gặp một thiếu-phụ Việt-nam ở Bamwhir. Người đàn bà đồng hương đó chính là mẹ nuôi của Achim, đứa bé chắn bờ trên cánh đồng cỏ.

Trước khi đến nhà Achim, tôi trông thấy thập tự giá nóc nhà thờ Bamwhir như một cái đích cao vợi. Nhà Achim lợp bằng một thứ ngói quá cũ nên dễ nhận ra giữa cái gian nhà khác trong khu phố. Mái ngói

lại nghiêng hơn sáu bảy mươi độ. Hai ống khói song song nhô lên bên trên. Cửa cái một cánh không mở. Tôi đọc giòng chữ viết nghêch ngoạc bằng phấn trắng trên gỗ màu nghê : Nguyễn-Văn-Mai. Tôi gõ cửa. Có tiếng động sau lưng. Tôi quay lại. Mấy đứa bé hàng xóm đi về phía tôi. Chúng dừng lại chỗ cách tôi khoảng mười thước. Tôi vẫy tay chào chúng. Không do dự, chúng mỉm cười chào tôi. Quần áo của chúng tuy tối tàn nhưng trông vui mắt nhờ có nhiều tấm vải khác màu được vá víu với nhau. Tôi chực gõ cửa lần nữa thì cánh cửa vụt mở ra, nhường bước cho một thiếu phụ. Tôi ngả đầu chào bà và bà cũng chào tôi bằng tiếng Pháp. Giọng bà ập ứng vì ngạc nhiên. Sắc mặt bà khá xanh xao. Hai xương gò má hơi nhô lên, cằm tròn và hàm răng trắng đều đặn. Nhưng đôi con ngươi đen lánh không giấu được vẻ phiền muộn, tôi đoán chừng như thế.

— Ông muốn hỏi thăm ai ? Vừa nói bà vừa liếc nhìn cái túi vải tôi mang sau lưng.

— Xin lỗi bà, có phải bà là bà Nguyễn-Văn-Mai, mẹ nuôi của Achim ?

Nghe tôi hỏi, bà Mai gật đầu mỉm cười, niềm vui như mạch máu từ tim dồn lên sắc mặt.

Tôi lại nói tiếp :

— Tôi là người Việt-nam. Bà cho phép tôi nói tiếng mẹ đẻ nhé !

— Ờ phải ! ông cứ tự nhiên như ở quê nhà.

NỖI BUỒN CỦA A-CHIM

Tôi tự giới thiệu tên tôi. Nghe xong, bà Mai xoa tay, vui mừng vồn vã.

— Mời ông vào. Nhà tôi không rộng lắm, ông cũng nhận thấy chứ? Mời ông ngồi đây.

Bà đẩy đèn tôi một cái ghế có lưng tựa, và giữ lấy một cái khác. Cả chủ và khách cùng ngồi một lượt. Nhưng bà Mai lại đứng dậy, đi đóng cửa vì một luồng gió lạnh vừa tạt vào.

Trước mặt tôi, một cảnh hoa anh đào chưa nở cắm trong một bình hoa đã rạn nứt, miệng bình được che kín bằng một bó hoa tím và hoa xuyên - tuyết. Hai bản đồ khá lớn dán trên vách bên trái tôi. Màu mực lờ mờ còn cho tôi đọc rõ chữ France (1) trên bức lớn và chữ Indochine française (2) trên bức nhỏ. Mười quyền sách chống lên nhau trên một đầu cái đi-văng nằm sát vách bên mặt. Ở một chỗ khá cao trên tấm vách này treo một bản đồ vuông vức chừng năm tấc mỗi cạnh. Tại đọc được chữ

Deutschland (3) dễ dàng. Một tấm ảnh khổ mười tám hai mươi bốn lỗng trong khuôn kính dựng trên nóc cái tủ con đứng giữa nhà gần tấm vách trung ương « Ông Nguyễn-Văn-Mai » tôi tự nhủ thầm.

Chủ nhân trở lại ngồi nghiêm chỉnh. Tôi chỉ bắt đầu hỏi bà Mai vài câu chuyện sau khi bà pha cho tôi một cốc cà phê mặc dù thật tình tôi từ chối.

— Sau trận đánh ở gần Valenciennes nhà tôi bị bắt cầm tù cũng như hàng ngàn binh sĩ Pháp và lính thợ Việt-Nam. Người phát ngôn của quân đội Pháp cho biết đại khái có vài trăm người mất tích. Tôi bẻ đưa con nhỏ theo làn sóng tản cư về miền Trung - Nam. Tôi đến ở trọ nhà một người bạn cũ tại Dijon. Bà Mai ngừng

lại, hớp nước lấy giọng. Tôi ngồi yên nhìn bà.

— Nhà tôi bị đưa sang một trại tập trung ở kho Wurtzberg, nổi tiếng là giết người, nhất là những ai có giòng máu Do-thái. Sau này nhà tôi kể cho tôi biết những cảnh tượng



(1) Pháp-quốc.

(2) Đông-Dương

khủng khiếp nhất người đã mục kích. Chiến tranh đã giành cho tử binh và con tin một chuỗi ngày chờ chết vô cùng thảm đạm. Thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu nghỉ ngơi, cực hình tinh thần còn tàn nhẫn hơn. Người ta tưởng đôi lúc được chết vẫn sung sướng gấp bội cái sống mất tự do. Dù sao, nhà tôi bảo, ai ai cũng nuôi hy vọng được giải phóng và trở về sum họp với gia đình. Giữa lúc nhà tôi bị lưu đày, tôi phải tản cư một lần nữa. Chuyên đi này cướp mất đứa con độc nhất yêu quý của tôi mới lên hai tuổi. Nhiều phi cơ nghi trang theo đuôi chuyên xe lửa chạy về Nam. Kề đến đây bà Mai bưng mặt nước nở. Tôi xúc động và cảm thấy bồi-bồi.

— Người ta đã giày xéo lên xác con tôi. Tội nghiệp nó đang tập nói chuyện khá nhiều. Nó cũng bắt đầu chạy giỡn nhanh nhẹn. Nó chết vì ngạt thở sau một ngày đêm không cử động dưới hầm núp đen ngịt người là người. Con tôi chết mà gương mặt còn đầy vẻ thơ ngây của tuổi xanh. Xác nó được gói ghém vùi dưới nấm mộ trên một bờ sông hình như chi nhánh sông Saône. Tôi không bao giờ quên buổi chiều an táng con tôi, nhiều con chim lạ bay đầy không phận của vùng đó, chúng giống loài quạ và tiếng kêu nghe rất hãi hùng. Người ta nói còn một số hành khách mất tích sau hai ngày tận tâm tìm kiếm. Đau đớn và chán nản đến gần tuyệt vọng, tôi tiếp tục đáp xe lửa thẳng xuống ngoại ô Lyon

đang ở vào cuối mùa đông. Khói lửa đã lan tràn quá nửa lãnh thổ Pháp. Tôi lại không được ăn Tết tại một nơi xa cách Việt-Nam nhưng vẫn có nhiều hình ảnh gợi nhớ quê hương. Tôi tưởng không một Việt kiều nào chịu sống lẻ loi giữa không khí Tết hải ngoại mà chưa đi tìm bạn đồng hương mong được an ủi niềm đau xa xứ phải không ông ? Để sống ở Lyon, tôi làm bếp, rửa chén, vú em, ôi thôi ! đủ mọi nghề ! Tôi kiếm được chỗ làm cũng nhờ sự giới thiệu của một thanh niên Pháp cùng đi chuyên xe lửa với tôi. Hắn lớn hơn tôi một tuổi. Hắn có vẻ cảm mến tôi ngay từ ban đầu. Phải nói hắn thương hại tôi trước mới đúng. Dần về sau, hắn yêu tôi. Nhiều lần hắn bày tỏ nỗi lòng với tôi. Hắn theo đuổi tôi suốt thời gian tôi ở Lyon. Chiến-tranh kết-liều. Tôi đi Rikewhir làm công cho một trại chủ trồng nho. Hai năm sau nhà tôi thành-linh trở về Bannwhir dò la tông tông-tích tôi. Một người bạn Pháp tin tôi biết chuyện ấy. Tôi vội vã lên Bannwhir và gặp nhà tôi. Đồng thời nhà tôi giới-thiệu với tôi Achim, một đứa bé Đức mồ côi được nhận làm con nuôi sau khi nhà tôi trốn khỏi trại tập-trung về ẩn-náu gần biên-thùy Đức, Áo. Cha Mẹ của Achim là nạn nhân các cuộc oanh-tạc của Đồng-minh. Thành thật mà nói, lúc đầu, tôi rất thắc-mắc về hành-động của nhà tôi. Một người từng bị phát-xít Đức đày-đọa như một con vật, suốt mấy năm cái chết như gươm bén kề cổ, một người không bao giờ quên cái dĩ-vãng đen tối ấy lại có thể rộng-lượng,

dang tay, cời mở tình thương như cha đối với con cho một thiếu nhi Đức. Tôi không ngờ sau này Achim chỉ biết tôi là Mẹ và thương yêu tôi hơn ai hết...

Achim hé cửa bước vào, khăn quàng cầm trong tay. Tuy biết chúng tôi đã gặp nhau trước, bà Mai cũng đứng dậy giới thiệu. Achim hơi khấp khểnh gần bên Mẹ nuôi và nhìn về tôi.

— Con đã cho bò vào chuồng. Con vào thôi lửa được không hở Mẹ? Achim nói khẽ như chỉ muốn mỗi một mình mẹ nuôi nghe thôi.

— Mẹ đã đun nước. Lửa còn đây. Con gọt khoai xong ra quán bà Noel mua cho mẹ một kí gạo thứ tốt nhất nhé. Mẹ muốn thổi một nồi cơm ngon để đãi ông bạn đồng hương của mẹ.

Achim vén màn đi vào nhà sau, nhưng đột ngột quay lại nhìn mẹ nuôi. Hiểu ý, bà Mai lấy nến thắp đèn. Bây giờ tôi mới nhận ra đêm sắp đến.

SIE wohnt in Sài-Gòn. Sài-Gòn ist eine Stadt. Sie liegt in Việt-Nam(1). Tôi vừa đọc xong, Achim phá lên cười.

— Achim dạy tôi đọc sao cho đúng? Tôi cười, hỏi:

— Đúng rồi đây! Nhưng sao không nói Wir wohnen in Sài-Gòn? Wir

wohnen in Sài-Gòn? Achim hỏi vặn tôi.

— Ý Achim muốn tôi hiểu như thế nào? Wir là chúng ta, Wir là chúng ta, à..., à... Tôi chưa dứt lời thì Achim lại phá lên cười. Tôi đưa bàn tay trái vỗ trán.

— À... tôi vừa hiểu, tôi vừa hiểu. Tại sao không không hở Achim? Ngày nào mẹ nuôi của Achim hồi hương, nếu Achim bằng lòng đi theo, ai cầm chúng ta nói Wir wohnen in Sài-Gòn? Achim đồng ý chứ?

— Phải, ja, phải, phải. Achim gật đầu bần lần.

Achim đi rồi. Tôi ngồi tro-troi trên một mỏ đất cao. Mắt tôi không rời con đường nhỏ uốn quanh qua khu rừng Barr xa dưới kia. Thoạt tiên tôi không thấy gì khác hơn một màu xanh hình như biết rung động, mà tạo-hóa đang tô đậm lên khắp một khoảng đất mênh-mông. Một chiếc xe hơi từ từ lách mình dưới các cành cây rậm-rạp. Tôi không thích ngắm động-vật nhân-tạo đó. Mặt trời chiếu xê ngang đỉnh núi sau lưng tôi và tưới thêm bóng tối lên nội cỏ thấp. Một bà lão chậm-chạp lùa bầy trư qua thung-lũng hẹp. Bầy trư rất ngoan nên tôi không thấy con chó đi theo. Ở đây thiếu một đàn chim, dù là một loài chim bé-bỏ như chim sẻ.

Mùa rét giết hại quá nhiều chim chóc.

Tôi còn nhớ những ngày sống ở phi trường Orly Paris. Cuối đông, lạnh hai mươi dưới không độ, nhà

(1) Bạn cư ngụ tại Sài-Gòn — Sài-Gòn là một thành phố — Thành phố Sài-Gòn ở Việt-Nam

nhà đều kín bùng. Một buổi sáng, tôi phải bạo dạn mở cửa sổ cho một con chim sẽ gầy ốm lần vào phòng tìm một bầu không khí tương đối ấm áp hơn bên ngoài. Con chim chỉ bay vào có một lần; tôi đại dốt định giữ lại làm bạn thì chim tung mình bay biến đi. Hai hôm sau, tôi bắt gặp người ca sỹ bạc mệnh đó nằm chết cô độc trên bãi cỏ khô trước là sân chơi dã cầu của quân đội Hoa-Kỳ.

Từ đó, mỗi đêm chợt thức giấc vì tiếng động cơ nổ rền sân bay, tôi nghe mơ hồ tiếng chim vô gia đình kêu cứu giữa trời đông băng giá.

Tiếng chim gợi nhớ thêm đám đông người clochards sống vất vưởng gần các lối vào bên đờ xe điện hầm ở khắp Paris. Và lòng tôi không sao giữ được bình tĩnh.

Tôi lại nghĩ đến Achim. Tôi nhớ lúc này tôi lỡ lời hỏi Achim một chuyện chính tôi đã biết. Tôi hỏi hận ngay. Tôi thật đáng trách. Bà Mai há đã chẳng bảo cho tôi biết cha nuôi của Achim chết vì bệnh lao phổi, hậu quả khốc hại của mấy năm bị giam cầm ở Đức? Sao tôi còn hỏi Achim làm gì về những ngày cuối cùng của ông Nguyễn-văn-Mai? Tôi vô tình gợi lại những kỷ niệm đau buồn có thể làm Achim nghĩ ngợi sâu xa về cái chết của người mà Achim thờ kính như cha ruột. Đã đành Achim còn trẻ, và được dưỡng dục bởi một bà mẹ Việt-Nam trên đất Pháp... Ngựa Hồ hí Bắc, chim Việt đậu cành Nam, nước ra khơi còn trở về nguồn... Giòng máu Đức trong cơ thể Achim

đâu có gì thay đổi được? Chắc Achim khổ sở nhiều lắm mỗi lần tìm hiểu những nguyên nhân làm tan vỡ hạnh phúc hàng triệu gia đình trên thế giới, trong đó có gia đình Achim, gia đình cha mẹ nuôi Achim..., và nếu Achim biết được gia đình tôi cũng là nạn nhân...

Bà Nội, ông Dương, cậu Chín và Mẹ ruột của tôi... những người đã khuất đủ thâm quyền nói rõ trách nhiệm cái chết của họ thuộc về ai... Những suối máu phí phạm vô ích trên bãi chiến trường hay hậu tuyến đều bắt nguồn từ những lưu vực rải rác khắp địa cầu. Từ sông Mississippi Bắc Mỹ đến sông Meuse sông Rhin Tây Bắc Âu, từ sông Nil Đông Bắc Phi đến sông Hồng và sông Đông nai Đông Nam-Á. Achim ơi! chúng ta có chung một niềm đau.

Tôi lững thững đi xuống đồi. Bóng tà dương theo dõi bước chân tôi. Mùa Xuân xuất hiện bất ngờ như một lữ khách từ chân trời thăm thẳm sâu đi lên. Dữ không! Lác đác mới thấy vài cánh én lao mình dưới mây cụm mây hường đang biến dần thành màu tím.

Không khí ẩm ướt thoảng một mùi hương không tả được, giữa hương sen và hương huệ. Tôi nhớ vãn vợ. Hôm nay mong bòn Tết nếu tôi không lắm. Hoa mai rụng đầy trước mặt tôi, nhưng đó chỉ là ảo ảnh. Thật ra, tôi không biết tên một loài cỏ dại có nhiều hoa vàng nhạt mọc e dè từng khóm nhỏ. Bà lão và bảy trữu đã mất hút. Nhìn kỹ, tôi lại thấy song song

với một bác phu đang đánh xe bò đưa bé Đức tiền ngược về phía tôi. Achim vừa đi vừa huýt sáo bài « Người bạn tốt » của nhạc sỹ Uhland. Tôi tiếc không thể phụ họa vì chưa thuộc bài hát đó. Viên ánh ngày chia tay sắp đến càng làm tôi không vui hơn được.

ACHIM ơi ! Lúc tôi say mê hồi tưởng những kỷ niệm ở Bannwhir, chuyến xe lửa đã chạy quá xa Strasbourg. Ngồi một mình, xuyên qua cửa kính, tôi thần thờ nhìn cảnh vật thơ mộng của vùng Alsace Lorraine biến rất nhanh về đằng sau. Xe lửa vừa băng qua cầu sắt bắc ngang một con sông. Không rõ con sông có chảy về Bannwhir ? Dòng nước bạc lấp lánh tựa những mảnh sao rơi nơi khúc quanh cuối chân trời đen.

Xe lửa vượt ngang mây dầy đối mừng tượng những đối ô liu của xứ Tây-Ban-Nha. Tiếng những bánh xe lăn trên đường sắt nghe như lời oán than ly biệt. Những đóm lửa rải rác từ các làng mạc hai bên đường tắt dần trong sương đêm.

Tôi buồn ngủ thái quá, bây giờ nhức đầu nên không nằm yên được. Tôi không ngớt nghĩ đến Achim, đến mẹ nuôi của Achim, đến người tình nhân cũ của bà Mai. Bernard, ờ ! Bernard..., tôi đã tiếp chuyện với hắn bốn hôm trước đây. Mỗi lần tôi rời khách sạn đến thăm Achim, tôi lại gặp Bernard. Hắn vừa từ Việt-Nam trở về với mây chiến công bội tinh. Bắt tôi có cảm tình với Bernard thì tội cho tôi.

Tôi cũng không phiền trách bà Mai Thừa còn bé, học Việt sử, đoạn kể thành tích các tướng sỹ người ngoại quốc có công giúp chúa Nguyễn-Ánh tiêu diệt nhà Tây-Son làm tôi nghĩ ngợi nhiều lần. Cũng như tôi không nhắm mắt mãi mãi sùng bái cái chết mệnh danh anh hùng của một vài tướng lãnh phe chúa Nguyễn-Ánh.

Nếu bà Mai cho rằng sự gặp gỡ Bernard lúc tản cư về Nam là một cơ hội may mắn suýt nữa biến đổi cuộc đời bà thì tôi lại nhận thấy sự gặp gỡ đó có những kết quả bất lợi về sau, nhất là cho Achim. Vẫn biết bà Mai thương Achim như con đẻ.

Nhưng còn Bernard ? Hắn đã tìm đến người góa phụ còn trẻ mà một thời xuân sắc đã chinh phục hắn. Vẫn biết Bernard có thể thật tâm yêu bà Mai, một phần nhờ kinh nghiệm những năm viễn chinh, gạt bỏ cái tổ « bắt tri vong quốc hận » của đại đa số phụ nữ Việt-nam đã làm hắn chóa mắt vì những đức tính hắn còn nhắc nhở. Cũng không bảo đảm được ! Biết thế nhưng tôi đành khoanh tay, quay mặt. Tôi bỏ mặc Achim lủi thủi đi bên cạnh đàn bò cho tới một ngày nào...

Bernard đã nói thẳng với tôi là hắn căm thù người Đức, tất cả, tất cả những người có giòng máu Đức. Hắn bảo hắn không thể nào nung nấu lâu dài tại vùng Alsace Lorraine này. Hắn gọi lại những cảnh giết người rừng rợn ở Adour. Một mực duy trì thành kiến, hắn bác bỏ lời kêu gọi của phong trào cổ vũ sự tìm hiểu thông cảm giữa hai dân tộc Pháp-Đức.

NỖI BUỒN CỦA A-CHIM

Hắn còn chỉ trích việc khuyến khích thanh niên được trao đổi đến sông trong các gia đình của hai nước vào dịp hè.

Tôi là một người khách cũng như Bernard, nhưng tôi không có những sự liên hệ thân mật đặc biệt như Bernard đối với bà Mai. Tôi không thể nào xử sự khác hơn, hay toan tính gì.

Nhưng, trước khi từ giã và mãi đến bây giờ, lúc nào tôi cũng nuôi hy vọng trở lại Bannwhir. Tôi biết rồi đây Achim sẽ đau khổ mà lìa khỏi mái nhà Achim sống từ nhiều năm nay. Achim ra đi ngoài ý muốn của chính mẹ nuôi của Achim. Tuổi niên thiếu đó sẽ đưa đưa bé Đức về đâu? Achim ơi! tổ quốc thứ nhất là Deutschland, đang bị chiếm đóng và bị chia cắt miền đông đã rơi vào vòng phong tỏa của Sô-Viêt. Còn nơi nào là tổ quốc thứ hai? Achim sẽ vượt trùng dương

trái qua mười mấy ngàn cây số hay chỉ sang bên kia bờ sông Rhin?

Khoé mắt hạt thóc no tròn, một bóng dáng u buồn thấp thoáng trong con người hình ảnh một ngôi sao. Đầu tựa vào cột sân ga. Vầng tóc vàng hoe bóng bễnh buông xuống vầng trán hình chữ nhật. Đôi môi nhợt nhạt khép kín, cằm hơi nhô lên và nghiêng về bên trái. Áo ka ki vàng choàng bên ngoài có túi rộng trước ngực đựng cái mũ đội đầu. Bàn tay mặt bỏ vào túi quần sát tới cổ tay áo len màu mực tím. Cánh tay trái buông thõng và bàn tay ngập ngừng nắm lại...

Achim ơi! Achim ơi! tôi nhớ Achim lắm! Tiếng còi xe lửa thét vang lớn dần lúc sắp tới địa phận thành phố.

Achim ơi! Achim ơi! tôi nhớ Achim lắm! Tôi đã đo lường bằng mắt nỗi buồn của Achim giữa đêm ly biệt đầu Xuân.

HOÀNG-BẢO-VIỆT

HỘP THƯ BÁCH KHOA

— Những bài đã nhận được. — Những đức tính căn-bản của người Việt (Nguyễn-văn-Hầu) — Vườn bệnh-viện; Máu trắng (Trường-Duy) — Các hành-trình tứ-đại (Võ-Quang-Yền) — Từ Hoa Lư đến Thăng-Long (Nguyễn-Triệu) — Diễm-trang (Vân-Linh) — Trang (Văn-Hoà và Nhật-Anh) — Chúng ta thử tìm hiểu giáo-dục... (Chân-Lý)

Xin trân-trọng cảm ơn các bạn.

— Những bài không đăng. — Thu với Nguyễn-Khuyến (H.V.C.) Lời nói cuối cùng (Đ.V.N.) Thi giờ sử Phật (T.C.) Những bài trên đây vì nhiều lý do nên rất tiếc không đăng ngay được — Mong

đợi các bạn gửi thêm cho những bài khác nữa.

Ô. Quan-Thị-Châu: Xin cho biết tên thực và địa chỉ hiện tại để tiện gửi nhuận-bút.

— Hai độc giả: 1. — Cô Thu-Hương: Đã nhận được tài liệu thơ của cô. Xin cho biết rõ tài-liệu ấy đang ở báo nào, số nào, ngày nào.

2. — Ông Phạm-Trọng-Tuỳ. Có được hai bài thơ của K.D. Xin ông cho biết địa-chỉ riêng cùng xuất-xứ hai bài thơ ấy. Đa tạ.

Người phụ-trách cuộc phỏng-vấn về truyện ngắn.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

vốn : 1.000 triệu phật lã

**Cie d'Assurances Générales
contre l'Incendie et les Explosions**

Capital : 1 Milliard de Frs.



**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN-PHI — HÀNG-HẢI — RỦI-RO

vốn : 1.000 triệu phật lã

**Cie d'Assurances Générales
Accidents**

Vol — Maritime — Riques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.



CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

vốn : 105.000.000 phật lã

Assurance France Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs



**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy nói : 21.253 — 23.913

Spring



Chuốc thơm điển dãi :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GÍA
BÌNH DÂN**

10%

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

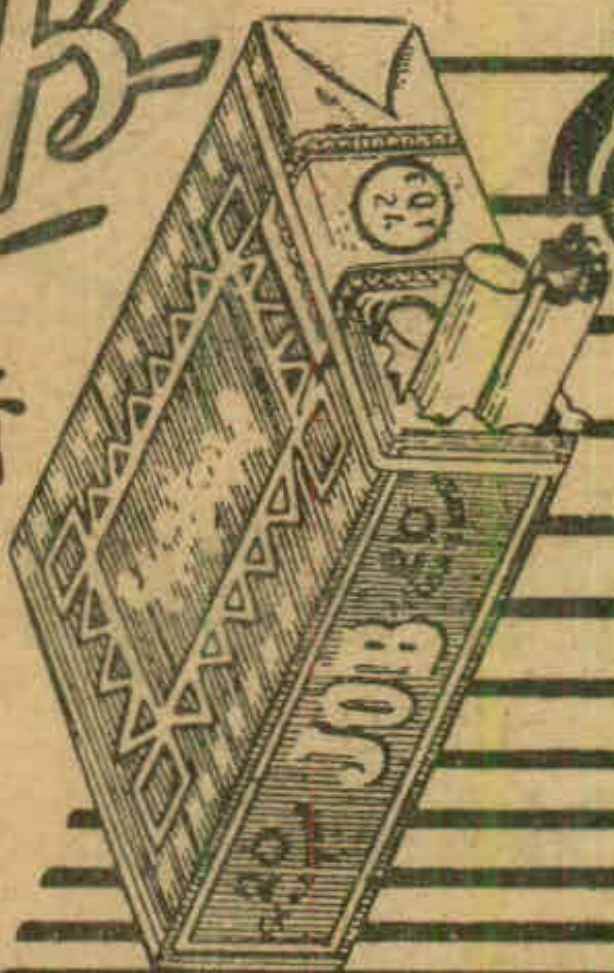
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ÈM DỊU
 KHÓI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NÚC TIẾNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
 金字烟





NƯỚC-NGỌT

HIỆU

CON-CỌP

- VỆ-SINH
- TĨNH-KHIẾT
- BỒ-DƯỠNG



Hút Thuốc Thơm

Mã nhất tâm

Sảng Tinh Thần

Văn -

- Nghe -

- Li



GIA HẠ

15\$

百
科
雜
誌

Giá Công Sở : 15
GIÁ : 10

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo - SAIGON